

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người sưu tầm, tuyển tập gần 500 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt cát đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước như ngoài nước, già hay trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi hai tuần theo thứ tự họ qua mẫu tự *A, B, C*... Xin đa tạ những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

Tác Giả và Tác Phẩm

Chế Lan Viên

(Phần 2)

Tiểu sử

Tên thật: Phan Ngọc Hoan. Bút danh khác: Thạch Hãn, Chàng Văn.
Sinh ngày 20.10.1920 tại Quảng Trị. Mất ngày 19.6.1989 tại Sài Gòn.

Tác phẩm

Tập thơ *Điều tàn* (1937), Tập văn xuôi *Vàng sao* (1942), *Gửi các anh* (1954), *Ánh sáng và phù sa* (1960), *Hoa ngày thường*, *Chim báo bão* (1967), *Hoa trên đá* (1984)...



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Lá rụng về cội - 5

Tình bạn 'bù trừ' Nguyễn Huy Tưởng? Chế Lan Viên - Nguyễn Huy Thắng – 9

Cha tôi – Phan Thị Vàng Anh – 14

Chế Lan Viên – Xuân Sách – 16

Hầu chuyện nhà văn Bùi Hiển - 21

Chế Lan Viên – Bùi Giáng - 23

Chế Lan Viên - người đi tìm mặt – Phạm Xuân Nguyên – 24

Phụ đính I

Nhà thơ Chế Lan Viên/Trần Mạnh Hào – Mặc Lâm - 27

Thử lý giải hiện tượng Chế Lan Viên - Trần Mạnh Hào - 34

Phụ đính II

Ba bài thơ trong *Di cảo*

(tr 46)

Tuyển tập 15 bài thơ hay nhất của Chế Lan Viên

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Chế Lan Viên là một nhà thơ nổi tiếng ở Việt Nam, đồng thời ông cũng là một nhà văn. Ông lớn lên và đi học ở Quy Nhơn, đỗ bằng Thành chung thì thôi học, đi dạy tư kiếm sống. Có thể xem đây là quê hương thứ hai của Chế Lan Viên, nơi đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong tâm hồn của nhà thơ.

Ông bắt đầu làm thơ từ năm 12, 13 tuổi. Năm 17 tuổi, với bút danh Chế Lan Viên, ông xuất bản tập thơ đầu tay nhan đề *Điều tàn*, có lời tựa đồng thời là lời tuyên ngôn nghệ thuật của "Trường Thơ Loạn". Từ đây, cái tên Chế Lan Viên trở nên nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam. Ông cùng với Hàn Mặc Tử, Yến Lan, Quách Tấn được người đương thời gọi là "Bàn thành tứ hữu" của Bình Định.

Năm 1939 ông ra học tại Hà Nội, sau vào Sài Gòn làm báo rồi ra Thanh Hóa dạy học.

Năm 1942 ông cho ra đời tập văn *Vàng Sao*, tập thơ triết luận về đời với màu sắc siêu hình, huyền bí.

Cách mạng tháng Tám thành công, ông tham gia phong trào Việt Minh tại Quy Nhơn, sau ra Huế tham gia Đoàn xây dựng cùng với Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, Đào Duy Anh, viết bài và làm biên tập cho các báo *Quyết thắng*, *Cứu quốc*, *Kháng chiến*. Phong cách thơ của ông giai đoạn này cũng chuyển dần về trường phái hiện thực. Tháng 7 năm 1949, trong chiến dịch Tà Cơn-đường 9 (Quảng Trị), Chế Lan Viên gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương^[1].

Năm 1954, Chế Lan Viên tập kết ra Bắc làm biên tập viên báo "Văn học". Từ năm 1956 đến năm 1958, ông công tác ở Phòng Văn nghệ, Ban tuyên huấn Trung ương và đến cuối năm 1958 trở lại làm biên tập tuần báo "Văn học" (sau là báo *Văn nghệ*). Từ năm 1963 ông là Ủy viên Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy viên Ban thư kí Hội Nhà văn Việt Nam.



Quách Tấn, Nguyễn Đình, Chế Lan Viên

Sau 1975, ông vào sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông mất ngày 19 tháng 6 năm 1989 (tức ngày 16 tháng 5 năm Kỷ Ty) tại Bệnh viện Thống Nhất, thành phố Hồ Chí Minh, thọ 69 tuổi. Ông được Nhà nước Việt Nam trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật. Chế Lan Viên là bố của nhà văn Phan Thị Vàng Anh.

Quan điểm và phong cách sáng tác

Con đường thơ của Chế Lan Viên "trải qua nhiều biến động, nhiều bước ngoặt với những trần trở, tìm tòi không ngừng của nhà thơ"

Trước Cách mạng tháng 8, thơ Chế Lan Viên là một thể giới đúng nghĩa "trường thơ loạn": "kinh dị, thần bí, bế tắc của thời *Điều tàn*^[3] với xương, máu, sọ người, với những cảnh đổ nát, với tháp Chàm. Những tháp Chàm "điều tàn" là một nguồn cảm hứng lớn đáng chú ý của Chế Lan Viên, qua những phé tích đổ nát và không kém phần kinh dị trong thơ Chế Lan Viên, ta thấy ẩn hiện hình bóng của một vương quốc hùng mạnh thời vàng son, cùng với nỗi niềm hoài cổ của nhà thơ.

Sau Cách mạng, thơ ông đã "đến với cuộc sống nhân dân và đất nước, thấm nhuần ánh sáng của cách mạng"^[4], và có những thay đổi rõ rệt. Trong thời kì 1960-1975, thơ Chế Lan Viên vươn tới khuynh hướng sử thi hào hùng, chất chính luận, đậm tính thời sự. Sau năm 1975, "thơ Chế Lan Viên dần trở về đời sống thế sự và những trần trở của cái "tôi" trong sự phức tạp, đa diện và vĩnh hằng của đời sống"^[5].

Phong cách thơ Chế Lan Viên rất rõ nét và độc đáo, nổi bật nhất là "chất suy tưởng triết lí mang vẻ đẹp trí tuệ và sự đa dạng, phong phú của hình ảnh thơ được sáng tạo bởi một ngòi bút thông minh, tài hoa"^[6]

Các bút danh

Ngoài bút danh Chế Lan Viên nổi tiếng, trong bài giới thiệu tập tiểu luận "Những bước đường tư tưởng của tôi" của Xuân Diệu, đăng trên báo "Văn học" tháng 9/1958, ông ký bút danh **Thạch Hãn**(tên một con sông tỉnh Quảng Trị quê ông). Nhiều bài báo in trên báo "Thống Nhất", xuất bản ở Hà Nội trước tháng 5 năm 1975, ông cũng ký bằng bút danh này.

Từ năm 1959 đến năm 1963, trong thời gian làm biên tập báo "Văn học", phụ trách chuyên mục Nói chuyện văn thơ, trả lời bạn đọc, ông ký bút danh **Chàng Văn**. Năm 1961, Nhà xuất bản Văn học đã cho xuất bản hai tập "Vào nghề" và "Nói chuyện văn thơ" của tác giả Chàng Văn. Trong mục "Nụ cười xuân" trên báo "Văn học", Chế Lan Viên có hai bài viết ngắn là "Ngô bó Kiều" và "Lý luận Đờ Gôn" ký tên **Oah** (tức Hoan).

Tác phẩm chính

Thơ

- XuânChế Lan Viên
- Điều tàn (1937)
- Gửi các anh (1954)
- Ánh sáng và phù sa(1960)
- Hoa ngày thường (1967)
- Chim báo bão (1967)
- Những bài thơ đánh giặc (1972)
- Đối thoại mới (1973)
- Ngày vĩ đại (1976)
- Hoa trước lăng Người (1976)
- Dải đất vùng trời (1976)
- Hái theo mùa (1977)
- Hoa trên đá (1984)
- Ta gửi cho mình (1986)
- Di cao thơ I, II, III (1992, 1993, 1995)

Văn

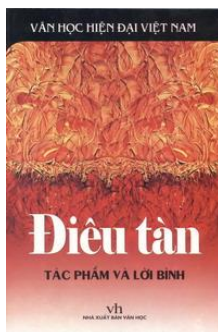
- Vàng sao (1942)
- Thăm Trung Quốc (bút ký, 1963)
- Những ngày nổi giận (bút ký, 1966)
- Bác về quê ta (tạp văn, 1972)
- Giờ của đô thành (bút ký, 1977)
- Nàng tiên trên mặt đất (1985)

Tiểu luận phê bình

- Kinh nghiệm tổ chức sáng tác (1952)
- Nói chuyện thơ văn (bút danh Chàng Văn, 1960)
- Vào nghề (bút danh Chàng Văn, 1962)
- Phê bình văn học (1962)
- Suy nghĩ và bình luận (1971)
- Bay theo đường bay dân tộc đang bay (1976)
- Nghĩ cạnh dòng thơ (1981)
- Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân (1981)
- Ngoại vi thơ (1987)
- Tuyển tập thơ Chế Lan Viên (tập I, 1985; tập II, 1990)
- Tuyển tập thơ chọn lọc
- Nàng và tôi (1992)

Chú thích

^ Có tài liệu ghi ông sinh ngày 14 tháng 1 năm 1920.



Lá rụng về cội

Tôi rất ham đọc hồi ký: Không gặp được nhà văn có tài, ta cũng gặp tài liệu. Tôi rất phục những người viết hồi ký, sao họ có trí nhớ giỏi thế, họ có phía thêm chững mà cứ như thực thể, rất tài! Còn mình, chuyện mình sống, mình trải qua, sao mình quên quá nhiều và lộn tung phèo. Tôi rất sợ viết hồi ký, văng vẳng bên tai, lời của Chủ tịch Phạm Văn Đồng nói cùng anh Tế Hanh, anh Bửu Tiên, anh Phạm Hồ và tôi trong một bữa ăn đầu xuân cách đây hơn 15 năm, nhân có một anh trong bọn chúng tôi gọi Anh Tô viết hồi ký.

Anh Tô cười... ngất "Hồi ký à! Kỳ quá, kỳ quá, kỳ quá. Đó là cái để khoe mình có điều gì hay và thanh minh mình có gì không tốt". Vì vậy, cái bài Hồi ký này, anh Nguyễn Đắc Xuân, anh Hoàng Phủ Ngọc Tường gọi tôi viết năm năm trước, bây giờ mới dám viết ra.

Dám viết ra, vì không dám chối từ! Tồi qua, tại *An hiên trang* của chị Nguyễn Đình Chi, sau bữa rượu nhỏ mừng anh Thanh Tịnh, anh Nguyễn Hữu Ba về thăm quê Huế cũng là kết hợp mừng anh Nguyễn Đắc Xuân 50 tuổi đời, 20 tuổi cách mạng, và 10 tuổi vợ, dưới bóng trăng, sau tiếng đàn, đám bạc đầu lớn tuổi, chúng tôi ngồi hàn huyên các chuyện dính líu và gần với Huế:

Hai mươi năm trôi, nhớ Huế nhớ không nguôi.

Biết bao phen lòng gọi chỉ lòng ơi

Màu day dứt là cái màu hoa phượng

Một dấu son không dấu nổi ngang trời.

Từ chuyện anh Thanh Tịnh và anh Hải Châu (em ruột anh Hải Triều) bị máy bay giặc Pháp bắn lúc qua đò Vạn Rú, Hải Châu bị chết, chỉ Thanh Tịnh thoát, nhưng anh Lưu Trọng Lư ở xa nghe báo không kỹ đã viết thư cho anh Hải Châu "nhờ thuê người tìm xác Thanh Tịnh!". Chuyện tôi cùng các anh Phạm Đăng Trí, Yên Lan, Nguyễn Hữu Ba, đi chuyến tàu hoả cuối cùng Huế - Quảng Trị về thăm quê tôi trước ngày mặt trận vỡ 1946! Chuyện 1949 tôi từ Khu IV vào, các anh Phạm Đăng Trí, Nguyễn Hữu Ba, Dương Kỳ ở thành phố Huế bị chiếm mò ra thăm tôi ở vùng tự do cầu ngói Thanh Toàn! Tổ chức cuộc gặp ấy nhớ là anh Vũ Văn Chiêm trung tướng hiện nay, lúc ấy ở trong thành đội Huế.

Anh Tô Nhuận Vỹ và anh Tường kêu lên:

"Không có máy ghi ủng quá! Vậy thì các anh phải viết kẻo..." Tôi hiểu kẻo gì rồi! Từ ngày anh Xuân Diệu mất, thì đám lớn tuổi chúng tôi đều được đánh giá là có khả năng sớm ra đi vào "cõi mô tê" (chữ anh Xuân Diệu) như thế cả. Mất người, nhưng quan trọng nữa, là mất tư liệu sống mà! Nhân tôi nói đến đoàn "Xây dựng", "Chỉ ở Huế mới có không mô có" các anh nổi máu địa phương lên bảo: "Viết đi, viết đi". Thế là tôi không dám chối từ! Thế là có cái bài văn không ra văn này, mà tôi gọi đi là hồi ký. Mà cũng phải viết thật! vì óc tôi nhớ đã lù mù lắm. May ra các anh khác đọc và còn nhớ kỹ dính chính, bổ sung giùm.

Bài này đặt tên là "Lá rụng về cội". Còn vì sao mà đặt vậy, cuối cùng anh chị em Sông Hương sẽ hiểu. Sau Cách mạng tháng Tám, ở Huế tụ tập rất đông văn nghệ sĩ. Họ có các anh: Phạm Đăng Trí, Nguyễn Đức Nùng, Tôn Thất Đào. Nhạc có các anh: Nguyễn Hữu Ba, Phạm Duy, Hải Châu, Trần Hoàn, chị Lệ Minh (vợ anh Lư) anh và chị đang "thời trăng mật". Văn có Thanh Tịnh, Trịnh Xuân An, Bửu Tiên, Trần Thanh Địch, Hoàng Trọng Miên. Thơ có Tố Hữu, Lưu Trọng Lư, Vĩnh Mai, Khương Hữu Dụng, Phan Văn Dật, Võ Quảng, Hoàng Yến, Nguyễn Đình Thụ, Phan Thanh Phước. Đông nhất là lý luận, nghiên cứu phê bình: Hải Triều, Hải Thanh, Bội Lan, Phan Nhân, Hồng Chương, Dương Kỳ, Lưu Quý Kỳ, Đào Duy Anh, Trần Thanh Mại, Hoài

Thanh... Các bạn tha cho nếu tôi đã để sót một ai, và sắp xếp lộn xộn không theo trật tự, ngôi thứ gì.

Tất cả các nơi trên toàn quốc đều có Hội Văn hoá Cứu quốc, Huế cũng có. Nhưng một số anh em, trong đó có tôi, sợ cái khẩu hiệu "Dân tộc, khoa học, đại chúng" nên quây quần với Việt Minh. Trung bộ thì quây quần, vì ở đó có Tố Hữu, nhưng vào Văn hoá Cứu quốc thì không vào! Văn học dân tộc thì được! Nhưng "khoa học" thì còn gì là văn học nữa! Và "đại chúng" eo ơi! Không được đâu:

Bóng đêm vẫn không ngừng

Tấn công vào ánh sáng mà lại! Anh Tố Hữu... và anh Nguyễn Chí Thanh đã nghĩ ra một đoàn thể là "Đoàn Xây Dựng" với cái phương châm *Dân tộc dân chủ*... Thế là tất cả hôm sau đều có mặt ngay! Vào hết! Thế rồi Ban chấp hành lâm thời được bầu ra hay đúng hơn được giới thiệu và hoan nghênh một cách dễ dàng gồm có các anh Hoài Thanh, Đào Duy Anh, Lưu Trọng Lư, Lưu Quý Kỳ và tôi. Có các anh Hải Triều, Tố Hữu hay không tôi quên mất! Nhưng chắc hồi ấy, không cần đưa nhiều đảng viên, nhất là các đảng viên quan trọng vào đến thế. Nhưng cũng có thể có. Hồi ấy rất chi là thoải mái. Anh Nguyễn Chí Thanh còn lên sân khấu diễn kịch với chị Thanh Hương mà.

Đoàn Xây Dựng hằng tuần họp ở trụ sở tờ báo *Ánh sáng*. Chủ tờ báo ấy là một người mà chúng tôi rất hâm mộ lúc còn Pháp thuộc: Anh Hải Thanh trong dòng Hải Khách (Trần Huy Liệu) Hải Triều (Nguyễn Khoa Văn), anh trầm lặng, ít nói, chân tình. Sau này anh bị lao, cùng tôi đi dưỡng bệnh ở Trung Quốc, tôi càng quý trọng anh hơn. Tiếc thay anh đã mất ở Nam Ninh vì bệnh tình quá nặng... Mộ anh còn chôn bên ấy.

Trở lại Đoàn Xây Dựng. Tối nào sinh hoạt cũng có ăn chè, thường là hột sen, do chị Bội Lan nấu. Khi thì đọc thơ, khi thì bàn về sử, trình bày nhạc, đọc kịch nhưng thường là nói chuyện trên trời dưới đất. Buổi nào cũng có anh Nguyễn Chí Thanh, anh Tố Hữu, anh Hải Triều, anh Hải Thanh. Suốt một đời không ai quên Nguyễn Chí Thanh được.

Anh Thanh ơi, viết đến đây thì tôi không dừng được nước mắt. Anh có công lớn với Bình Trị Thiên, với miền Nam, với toàn quốc, nhưng đối với bản thân tôi, không có anh và Tố Hữu tôi sẽ thế nào? Chắc Lưu Trọng Lư cũng nghĩ về mình như tôi vậy. (Phải ghi công này cho Lư. Vỡ mặt trận rồi Tây chiếm Huế, Lư lạc con, vào tận thành phố Huế tìm. Bùi Huy Tín mời mọc giữ lại, nhưng Lư không thêm, ở một đêm sáng lại lên rú).

Anh Thanh không nói chuyện chính trị, lý luận, tuyên truyền chủ nghĩa Mác gì hết. Với đám này! tuyên truyền cái gì nữa! Hôm qua nô lệ, hôm nay độc lập, thế không đủ hiểu rồi ư. Tố Hữu, Hải Triều, Hải Thanh lại càng không. Tố Hữu có kinh nghiệm là cứ bót tranh luận, đi vào thực tế đi, sau còn gì về sẽ bàn với nhau nốt! Hồi ấy lần họp nào mà chửi cãi nhau! Có lúc đập cả bàn mà tranh luận. Và hình như cái lối là "duy tâm và duy vật" kia. Tôi đã viết:

Đi xa về hoá chậm

Biết bao là nhiều khế.

Từ trước khi Cách mạng đến tôi đã đi về xứ siêu hình khá xa.

Cần phải về phía khác không thì chậm mất. Và chuyến đi thực tế của văn nghệ sĩ chuyển đầu tiên trong cả nước nữa, là chuyến đi tổ chức bởi Việt Minh Trung bộ cho Nguyễn Đức Nùng, Trần Thanh Địch và tôi vào mặt trận Tây Nguyên. Gọi đầu tiên "trong cả nước" vì chuyến đi của Nguyễn Tuân, Nguyễn Văn Ty, Sỹ Ngọc, Tô Hoài, Nguyễn Đình Lạp khởi hành ở Hà Nội là sau đó mấy tháng kia. Các anh ở mặt trận miền Trung về, ghé qua Huế, còn cùng chúng tôi đi thuyền trên sông Hương, thăm các lăng lần cuối, trước khi lao vào cuộc kháng chiến lớn của

dân tộc. Anh Tuân rất thú vị, có một chùm cá chép dắt theo sau thuyền. Trước cách mạng, cũng ít khi có một cuộc đi thăm lăng tẩm đảng hoàng đến vậy. Và biết đâu mọi người không vì chút hạnh phúc nho nhỏ ấy mà quyết tâm chiến đấu cho dân tộc! Để một ngày ai trở về hái lại một nhánh mai trước hiên nhà, hay đi thuyền trên sông Hương, có con cá bơi theo.

Đoàn chúng tôi vào đến Quảng Ngãi, thì được Tướng Nguyễn Sơn đón tiếp rất chi là đặc biệt! Trần Mai Ninh cũng làm việc với anh Sơn ở đó. Mấy chục năm rồi tôi còn nhớ các câu thơ tướng đọc cho chúng tôi hôm ấy, (và sau này khi anh hay qua chơi báo Cứu Quốc Liên khu IV). Thơ nhớ người vợ nơi hải ngoại, mà anh gọi là Mẹ Ú. Một hôm đang ăn cháo gà, anh rưng nước mắt:

- Nhớ mẹ Ú, ăn gà chỉ thích xương.

Thơ anh làm theo lối... nhà tướng. Trên máy chữ, như người xưa trên ngựa:

Nhớ ngày nào cùng em trên núi Thanh Lương

Hai ta cùng hái một xâu sim

Hai ta cùng hái một xâu sim

Bao giờ hái cùng em một xâu đầu quân giặc

Không có em, anh chiến đấu một nửa.

Tôi hỏi anh: "Anh mà cũng thế à?". Anh có tật béo tai. Anh béo tai tôi: "Rồi sẽ biết thôi chú mày ạ". Và tôi đã biết. Anh chiến đấu rất kiên cường.

Anh Sơn cho Nùng, Địch, và tôi một xấp công lệnh, đi đâu thì đi. Chúng tôi thẳng lên Tây Nguyên chiến trường nóng bỏng nhất là tôi nghe có anh Cao Văn Khánh (bạn dạy học ở Việt Anh cùng tôi) chỉ huy trên ấy. ở Tây Nguyên về, chúng tôi rất phấn khởi. Đi các nơi đều diễn thuyết. ở Đà Nẵng, anh Tê Hanh, anh Nguyễn Văn Bồng, anh Đoàn Văn Cừ, tổ chức cho đoàn tôi nói chuyện. Tôi hào hứng! "Quân Pháp không thể nào chiếm được Tây Nguyên! Các đường sá ta đều ngả cây rừng ngăn xe địch. Quân đội ta rất sẵn sàng!". Buổi sáng người đi nghe vỗ tay rầm rầm thì buổi chiều chúng tôi phải lặng lẽ chuồn ngay về Huế. Vì mặt trận Tây Nguyên vỡ! Đánh theo lối phòng tuyến thì vỡ thôi! Và sau này mặt trận Huế cũng vỡ vì thế (Bửu Tiến hay gọi là trận "muối ớt" vì ta mang rơm để đốt "đồn" khách sạn Mô Ranh của giặc, có đổ ớt vào cho khói lên cay mắt tụi quan Tây, đánh trận lần ấy lại quên diêm nên vào đêm mới xong phải liều chết rút về).

Nghìn trận thắng có trận thua góp lửa.

Phải đâu ngọn cờ nào cũng cắm ở Ngọ Môn

Khi xây rồi vỡ, vỡ rồi xây từng cơ sở

Khi ba quả lựu đạn trong tay, hai căm còn một nổ

Khi đốt đồn mà quên diêm và ướm cả rơm

Những đại đội trứng nước ngậy thơ ban đầu ta chẳng quên ơn

Tất cả đã làm máu lót đường đi cho lịch sử

Chủ nghĩa Mác không biết những ngọn cờ chiến thắng sực mùi long não và gáp nếp nằm im trong tủ

Chính qua nghìn tấm tối bão dông mà ngôi sao ta chói rọi Sài Gòn.

Sau ngày gặp anh Trần Thanh Địch, anh Nguyễn Đức Nùng, chúng tôi hay nhắc lại cái thuở trứng nước, ngây thơ ấy. Vui nhất là chuyện vào trụ sở Việt Minh Hội An. Anh Nùng giới thiệu "Chúng tôi ở Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội vào đây". Tôi và Địch khá phục Nùng sao biết được một danh từ oai đến thế mà mình không biết.

Nhưng các đồng chí ở Việt Minh Hội An rất hoảng hốt. Chẳng lẽ lại là đại biểu của Việt Cách, kẻ thù của Cách mạng đến nhà! Các đồng chí lễ phép xin xem giấy. Eo ôi! Thì té ra tên thật của

Việt Minh là Việt Nam độc lập đồng minh kia! Nùng đâu biết! May mà hồi ấy chưa có cái thói truy bắt và "chụp mũ"!

Hôm ấy, chúng tôi cũng ăn uống xong rồi chuồn sớm vì ngược ngạo. Về đến Huế, đoàn chúng tôi được anh Nguyễn Chí Thanh, anh Tố Hữu đón như các chiến sĩ lớn từ mặt trận trở về! Đoàn văn nghệ đầu tiên đi mặt trận mà ily!

Trong khi đó thì ở nhà, các anh chị em đoàn cũng hoạt động dữ dội. Trí vẽ tranh tuyên truyền, Miên giới thiệu thơ *Maia* trên báo Quyết Thắng, đó cũng là các bài viết về Maiakovsky, sớm nhất sau Cách mạng tháng Tám. Nguyễn Hữu Ba được hoan nghênh lớn vì *Lửa rừng đêm*. Đoàn kịch Trọng Miên, Bửu Tiên diễn liên tiếp nhiều đêm "Lôi Vũ". Diễn ế! Cách mạng lên, giặc Pháp sắp tấn công. Giặc đói đang hoành hành! Thì hay như Lôi Vũ, chứ hay hơn nữa cũng ế là lẽ tất nhiên! Nhưng chúng tôi đã có "vốn" gì đâu mà viết được cái mới! Thanh Tịnh nhún lời phê bình rất chi là Huế "Diễn một lần là yêu, hai lần là mê, ba lần là si đờ". Chúng tôi diễn bốn lần, về cả Sịa nữa kia, và đã tan đoàn không phải vì Tây, mà vì ta ít đi xem (Đến đây lại phải ghi công Bửu Tiên, "mệ" là người có công với sân khấu với kịch Bình Trị Thiên và toàn quốc: cái thuở ban đầu). Đoàn Xây Dựng đi có tín nhiệm với nhân dân, trí thức thành phố, và với Đảng. Anh Thanh, anh Lành để ra đoàn ủng hộ đoàn hết sức. Nhưng còn các anh khác: anh Trần Hữu Duệ, anh Nguyễn Duy Trinh ở phía chính quyền thì sao? ấy thế mà một buổi sáng chính quyền mời anh Lư, anh Miên và tôi đến giao cho chúng tôi bảy vạn đồng để thành lập tủ sách công dân, các sách từ chính trị khoa học cho đến văn nghệ. Tôi nộp bản thảo "Thiên chúa và Tổ quốc" không những được Việt Minh Trung bộ khen mà Tổng bộ Việt Minh còn cho ba nghìn đồng. Tố Hữu chuyển cho tôi số tiền ấy. Anh cởi cái áo sơ mi tốt đang mặc cho tôi vì áo tôi quá cũ. Nhưng lại bảo: "Hoan cho mình hai chục". Tuy anh là lãnh đạo nhưng cũng không có tiền riêng. Tôi đưa nhiều hơn anh không lấy. Tôi để một nửa tiền mua thêm sách về thơ và tôn giáo, mua mười cây cam từ Huế chở về Quảng Trị còn lại nửa số tiền đưa cho mẹ tôi. "Mẹ chăm vườn, mai sau đánh xong Tây con về nhà thì có cam ăn". Nào hay đi luôn từ đó cho đến 35 năm sau tôi mới về lại nhà và trở lại Huế. Những năm 1949, 1952, 1973 tuy tôi có trở lại Bình Trị Thiên, nhưng về đến Huế gặp lại những anh em cũ thì phải năm 1981, lúc tôi được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc Hội ở Huế này! Gặp lại anh Phạm Đăng Trí, và xin xem bức tranh "Người suốt bạc" mà tôi đã đặt tên trước lúc ra đi (Bức tranh khá... Liêu Trai làm tôi nghĩ đến suốt vàng). Nhưng màu ở đây, lại không vàng mà bạc. Tôi cùng anh Lê Trọng Sâm tìm ngôi nhà đá ở Vỹ Dạ mà không tìm ra nổi. May quá còn nhớ rằng người bạn hàng xóm hồi ấy là anh thi sĩ Bửu Cầm. Tôi liền xông vào nhà anh Bửu. Chỉ làm quen, và cuối cùng nhờ anh mà tìm ra được! Vật đổi sao dời.

Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Chẳng cần bụi trúc nào bên đường xưa cả.

Dù bay đi bốn phương trời, lá rụng về cội cả. Tôi muốn nói cái cội rễ gốc nguồn là tình yêu cách mạng, yêu Tổ quốc, nhân dân. Đại bộ phận anh em trở thành đảng viên của Đảng. Anh Dương Kỳ ở lại trong thành. Nhưng không kể 1949 anh ra vùng tự do cùng Phạm Đăng Trí, Nguyễn Hữu Ba thăm tôi, mà về sau, quãng sau 1960 anh xuất hiện đột ngột ở Hà Nội rồi sau đó là một trong các cán bộ chủ chốt của Mặt trận Giải phóng miền Nam. Sau 1954 vào thời "300 ngày" anh Phạm Đăng Trí đã ra Hà Nội thăm anh chị em văn nghệ cách mạng. Tôi đi vắng không gặp, nhưng Nguyễn Đức Nùng đã gặp, các anh lãnh đạo văn nghệ đã gặp. Đang giữa cuộc kháng chiến chống Mỹ, tôi biết anh Thanh Nghị trong Chính phủ cách mạng lâm thời lại chính là Hoàng Trọng Quý, anh ruột anh Hoàng Trọng Miên, nên tôi an tâm về Miên. Giải phóng Sài Gòn, tôi vào, biết Miên là cơ sở, bài Miên được đăng báo Văn Nghệ Giải phóng số một, tháng năm 1975. Nguyễn Hữu Ba cũng ôm lấy tôi, hôm tôi thay mặt văn nghệ miền Bắc dự cuộc họp đầu tiên của Văn nghệ Giải phóng miền Nam tháng 6 năm 1975. Sau này một hôm nằm ở Chiêu đãi sở Mátxcova chờ máy bay, anh Xá - Trung ương Ủy viên tới phòng tôi chơi nói

chuyện tào lao, giữa chuyện anh nói: "Mình mừng quá! hồi vỡ mặt trận, trước khi Ba ở lại mình có dặn dò. Vậy mà, sau mấy chục năm giải phóng, mình vào Sài Gòn, anh em trong ấy bảo Ba rất tốt. Mình mừng quá có đến thăm nhà". Anh Xá nguyên là Bí thư Quảng Trị. Tất cả về cội, không mất mát gì ư? Có chứ. Mất Phạm Duy! Chúng ta tiếc lắm, vì anh có tài lớn. Nhưng chúng ta làm sao được! Anh ấy bỏ chúng ta, chứ chúng ta đâu có bỏ anh. Hồi anh đi Bình Trị Thiên với tôi năm 1949, anh viết "Bên ni bên tê", "Bà mẹ Gio Linh" rất xúc động. Tỉnh uỷ Thừa Thiên có gọi nên kết nạp anh vào Đảng. Khu uỷ bốn còn phân vân nhưng cũng dự tính như vậy. Nhưng anh đã dinh tề về Hà Nội, vì chiến tranh những năm 1950, 1951, không còn dụ dàng như trước! Sau Điện Biên Phủ, sau năm 1954, hình như có lúc anh hối hận muốn "hướng về". Rồi lại thôi! Sau chiến thắng vĩ đại của ta hồi 1975, hình như anh lại xúc động lại. Anh Trần Văn Khê ở Pháp về, hỏi ý kiến anh Tố Hữu. Anh Tố Hữu bảo "bỏ khúc giữa, lấy khúc đầu và khúc đuôi" nghĩa là quên đi thời Phạm Duy theo Pháp và theo Mỹ, chỉ nhớ cái gì ở anh là đẹp nhất trước kia và nên, sau này... Đấy cũng là thái độ của anh Hoàng Anh, Bí thư Khu uỷ hồi 1950 khi Phạm Duy bỏ kháng chiến về thành. Có một anh văn nghệ Liên khu IV bảo: "Thứ ấy càng đi, càng nhẹ nợ". Anh Hoàng Anh đã phê bình nặng đồng chí ấy:

- Sao lại nói vậy? Anh ấy bỏ chúng ta mà đi, chúng ta phải xem lại trách nhiệm của mình. Giờ anh ấy về thành, các anh không được hết trách nhiệm, phải liên lạc, giúp đỡ anh ấy, cho anh ấy khỏi rơi vào tội lỗi.

Chúng ta kiên trì, nhưng biết làm sao được! Nếu Phạm Duy cóc cần sự kiên trì ấy. Năm 1979 tôi đang ở thủ đô Bruxelles của Bỉ. Đêm ấy, cách chỗ tôi 800 mét, đoàn của Duy đang biểu diễn và chửi rửa chúng ta. Tôi chỉ biết nhăn:

- Mọi người đều tùy thích có thể yêu thương hay nguyên rửa trong đời. Nhưng Tổ quốc mẹ chúng ta đang ốm. Hàng triệu trái bom của đế quốc, mẹ đã vượt qua. Nhưng một cái ho của chúng ta, cũng làm hại đến sức khoẻ, sinh mệnh của Mẹ. Cần gì phải chửi, chờ cho mẹ khoẻ ra, giàu lên rồi ai muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm.

Vâng chỉ có trường hợp anh Phạm Duy là... là không cần cội vậy thôi. Chứ hình như hầu hết, lá rụng đều về cội cả và mọc lên thành cội nữa.

*Huế, Nhà khách Lê Lợi
22 tháng 6 năm 1986*

Tình bạn "bù trừ" Nguyễn Huy Tưởng Chế Lan Viên Nguyễn Huy Thắng

Nhà thơ Chế Lan Viên, khi ấy, không làm thơ về cha tôi mà cũng không viết hay phát biểu điều gì. Nhưng gần ba chục năm sau khi cha tôi qua đời, ông có gửi cho chị tôi một bài thơ về cha, nhan đề "Đám tang Nguyễn Huy Tưởng".

Tháng 10/1946, Đại hội nghị Văn hóa Cứu quốc diễn ra ở Hà Nội, cũng là lần đầu tiên cha tôi, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, gặp mặt nhà thơ Chế Lan Viên. Nhà thơ ở trong đoàn đại biểu Trung Bộ ra dự hội nghị, miền Trung khi ấy đang đi đầu kháng chiến nên các đại biểu được đặc biệt chú ý. Riêng Chế Lan Viên, tác giả tập thơ *Điều tàn* khi ấy mới 26 tuổi, càng là tâm điểm của sự chú ý. Cha tôi không khỏi "choáng" trước nhà thơ kém mình tới 8 tuổi mà tên tuổi thì đã nổi như cồn, từng được ví như một thần đồng thi ca. Và đây là ấn tượng của cha tôi về họ Chế trong ngày hội nghị: "Chế Lan Viên vẫn đột ngột, sáng chói như ngôi sao. Bị chinh phục bởi anh này" (nhật ký ngày 13/10/1946)...

Đầu năm 1951, Hội nghị mở rộng Ban chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam được tổ chức tại Việt Bắc. Nhà thơ Chế Lan Viên cùng nhà thơ Hoàng Trung Thông ra dự. Hai ông đã có mặt trong bức ảnh nổi tiếng của nhà nhiếp ảnh Trần Văn Lưu chụp 11 văn nghệ sĩ tham dự hội nghị. Các ông xếp thành hai hàng, thế nào mà nhà thơ Chế Lan Viên lại ở vào vị trí trung tâm nhất - và cũng là người trông ấn tượng nhất. Tóc húi cao, tề chỉnh nhưng vẫn nguyên vẻ bù xù tự nhiên, nhà thơ mặc một chiếc áo dạ tây có lẽ là hàng chiến lợi phẩm, chiếc áo có hơi rộng một chút so với vóc người tầm thước của ông, nhưng khi ông đứng khoanh tay lại thì vẫn ôm sát người. Tóm lại trông ông vừa ngang tàng, nghệ sĩ vừa lại rất tề chỉnh... Cha tôi đứng cạnh ông - nếu không tính đến nhà thơ Hoàng Trung Thông cúi lom khom ở giữa - tóc húi cua, trông khá khiêm tốn trong bộ đồ ka ki có lẽ cũng là hàng chiến lợi phẩm. Mỗi người một vẻ, cả những người khác cũng vậy, nhưng ai nấy đều thật tự nhiên, thân ái. Đó cũng là khoảng thời gian Đảng Lao động Việt Nam chính thức ra mắt quốc dân trở lại (3/3/1951), sau một thời gian tự giải tán, rút vào bí mật. Cha tôi có đưa nhà thơ xem bản thảo bài *Đảng, Mặt trận, Hòa bình* viết nhân sự kiện này, theo thói quen của các ông khi ấy, viết gì hay bản khoản điều gì thường hay tham khảo ý kiến của nhau. Tác giả *Điều tàn* đã tỏ ý khen khiến cha tôi cũng cảm thấy yên tâm hơn. Bấy giờ cha tôi còn đang viết dở vở kịch *Nhân dân ta*, và có lẽ, cũng đã tham khảo ý kiến của nhà thơ. Từ đây, trong nhật ký cha tôi cũng như trong thư của nhà thơ gửi cha tôi, giữa hai ông bắt đầu một tình bạn gắn bó theo quy luật bù trừ: nhà thơ thì sắc sảo còn cha tôi thì bình dị.



Chế Lan Viên (đứng giữa) và Nguyễn Huy Tưởng (đứng thứ hai từ phải qua) cùng các văn nghệ sĩ ở Việt Bắc.
Ảnh: Trần Văn Lưu.

“Đi với Chế Lan Viên. Hồ Gươm lặng thẳm. Chung quanh, đèn điện mờ mờ. Thành phố không vui. Có cái tự hào của chủ nhân, nhưng không có cái say sưa, cái gọi là chấp cánh” - đó là một trong những kỷ niệm của cha tôi với nhà thơ thời đầu hòa bình lập lại như ông đã ghi trong nhật ký ngày 8/6/1956. Có thể thấy ở đây sự nhận xét rất tinh tế của hai ông - hai nhà văn đồng thời cũng là hai nhà văn hóa trước cái không khí - sinh khí của đất nước toát ra từ giữa lòng thủ đô. Nhưng rồi nhà thơ phải sang Trung Quốc chữa bệnh - ông bị bệnh phổi và một chứng bệnh đàn ông khá oái oăm - nên từ đây mối liên lạc giữa hai ông là qua thư từ.

Thật may trong nhà tôi còn giữ được nguyên vẹn bốn bức thư nhà thơ gửi cha tôi trong thời gian điều trị bệnh bên nước bạn. Đó đã phải là tất cả hay chưa, về điều này tôi không dám chắc, nhưng ít nhất thì đó cũng là số thư nhiều nhất của cùng một người viết cho cha tôi mà

chúng tôi biết được. Bức thư đầu đề ngày 10/11/1956, bức thứ tư, ngày 4/6/1957, nghĩa là chưa đầy hai tháng một bức thư liên vận. Trong bức thư đầu, nhà thơ cho biết có một cuốn *Miền đất quả vàng* của Jorge Amado để gửi cho cha tôi (có lẽ bên Trung Quốc để kiểm sách hơn chẳng), đồng thời chia sẻ với cha tôi cảm xúc khi đọc cuốn *Những con đường đời khát* của cùng tác giả: “Thằng cha ấy - cũng như các cậu Nam Mỹ khác, nói các vấn đề xã hội mà vẫn dồi dào cái thiên nhiên hoang sơ, man dại... Hoan (tên cúng cơm của nhà thơ) mê quá. Nhưng lại mê thơ hơn, thành ra đang trút vào Neruda vậy”.

Trút vào Pablo Neruda, nhà thơ cũng lại muốn chia sẻ với cha tôi. Thực tế ông đã chép và gửi cho cha tôi hai bài thơ của thi sĩ Chile này - *Je n'ai pas souffert*, đánh số 1 và 2 - và chú thêm: “Gửi Nguyễn Huy Tưởng, trả món nợ Tagore và Rainer Maria Rilke ngày xuân”. Có thể hình dung, một ngày xuân nào đó cha tôi đã chép tặng bạn thơ của Tagore và Rilke. Về Tagore thì tôi có biết, ngay từ thời trước Cách mạng cha tôi đã yêu say mê thi hào Ấn Độ này, song về Rilke thì quả là một sự bất ngờ đối với tôi. Cái ông nhà thơ người Áo từ sản yếm thế ấy có thể được nhà văn đồng hương Stephan Zweig đặc biệt ngưỡng mộ, như ông từng viết trong cuốn hồi ký *Thế giới những ngày qua*, nhưng cha tôi với Rilke, một tên tuổi có lẽ đến giờ vẫn còn quá xa lạ với nhiều người chúng ta, thì quả là sự lạ!

Bức thư thứ hai, nhà thơ viết trong dịp Tết Đinh Dậu xa quê nhà, ông kể hôm mừng hai Tết đi công viên, ông chỉ ước ao giá lúc này được đi một vòng quanh Hồ Hoàn Kiếm cùng cha tôi và bác Nguyễn Tuân thì thú biết bao. Chả là trước đó, cha tôi đã có thư gửi nhà thơ với mong muốn “bức thư sẽ làm vui Hoan ngày Tết”. Trong thư, cha tôi cũng tâm sự với nhà thơ về việc ông xin rút công tác lãnh đạo để được tập trung sáng tác, đồng thời ngỏ ý muốn đề tặng nhà thơ vở kịch *Khiêng thuyền* ông vừa mới viết xong. *Khiêng thuyền* chính là vở kịch cha tôi đã bắt tay soạn trong kháng chiến mà ban đầu ông định lấy tên là *Nhân dân ta* như trên đã nói, nhưng khi viết lại ông quyết định đổi tên cho sát với hành động kịch hơn. Vở kịch dựng lại câu chuyện bà con ở một vùng núi nọ không quản khó khăn nguy hiểm, quyết khiêng những chiếc thuyền cồng kênh qua núi tới một khúc sông cho bộ đội có phương tiện vượt sông đánh giặc. Tất nhiên nhà thơ đã rất cảm động nhận lời như ông đã viết trong thư: “Cảm ơn lòng tốt của Tưởng đối với Hoan, trong khi viết quyển ấy mà định tặng Hoan”. Theo như tôi biết, đây là một trong hai tác phẩm cha tôi từng đề tặng trong suốt cuộc đời cầm bút của mình; cuốn kia là tiểu thuyết *An Tư*, cha tôi dành tặng bà nội tôi sau khi người qua đời.

Bức thư thứ ba, nhà thơ viết cho cha tôi khi nghe qua nhà văn Nguyễn Văn Bổng cho biết cha tôi “đương buồn buồn”. Bấy giờ là tháng 5/1957, cuộc đấu tranh tư tưởng trong giới văn nghệ đang diễn ra quyết liệt, bài tùy bút *Một ngày chủ nhật* của cha tôi đăng báo *Văn* từ cuối năm 1956, lúc này sắp bị đem ra phê phán. Mặc dù cha tôi đã tìm thấy cứu cánh trong việc viết *Sống mãi với Thủ đô*, nhưng đó lại là những ngày thiên nhiên cũng khắc nghiệt không kém con người. Nhật ký của cha tôi còn ghi lại: “Nắng quá. Bức không chịu được. Lo cho tác phẩm khởi công trong những ngày lửa bốc này” (22/5/1957)... Ở xa, nhà thơ Chế Lan Viên chỉ có thể chia sẻ với cha tôi đến thế này thôi: “Hoan xa thực tế lâu quá rồi Tưởng ơi... Tình hình ở nhà cũng chỉ biết loáng thoáng qua tin, qua báo, vào thư từ. Trí óc vẫn tiếp tục suy nghĩ, trong tin tưởng mãnh liệt vẫn thoáng những buồn, những thắc mắc. Sự sống thắt lại những cái gút rồi chính sự sống sẽ mở ra. Nhưng không nên để cho cuộc sống mình thẳng đuồn đuột như một cái ruột ngựa...”. Song cuối cùng thì tình yêu thơ đã vượt lên những băn khoăn về thời cuộc, nhà thơ lại say sưa kể với cha tôi về sự khám phá Đỗ Phủ của mình: “Hoan đang tranh thủ học lại thơ Đường (phần Đỗ Phủ). Đã phá được cái váng phong hoa tuyết nguyệt đọng trên cái mặt yên tĩnh của thơ Đường. Và động chạm đến cái phần đầy nhân tính, hiện thực tính, đầy chính nghĩa của nó. Đỗ Phủ thật lớn, lớn trong sự giản dị của mình”. Thế nào mà gần đây, khi nảy ra ý tưởng viết về hai ông, tôi lại tìm được cuốn *Đỗ Phủ thi tập* do Nhà xuất bản Văn học cổ điển Thượng Hải xuất bản, trên đó còn lưu bút tích của nhà thơ Chế Lan Viên, bằng cả tiếng Việt và

tiếng Trung. Có lẽ đây chính là cuốn sách họ Chế đã dùng để học lại Đỗ Phủ trong thời gian dưỡng bệnh ở nước bạn như ông đã nói trong thư, và khi về nước thì đem về làm quà cho bạn. Xem ra, giữa nhà thơ và cha tôi có nhiều cái gắn bó hơn là người ta tưởng...

Bức thư thứ tư, và cũng là cuối cùng trong loạt thư họ Chế gửi cha tôi, không đả động tí nào đến chuyện văn thơ cũng như thời cuộc, mà là, như nhà thơ có nói ở đầu thư, “giả lờĩ Tường về cái vụ vừa rồi”. Cái “vụ” ấy là một điều khó ngờ tới nhất giữa hai ông: kinh nghiệm về sinh đẻ có kế hoạch, hay nói nôm na là tránh thai. Bấy giờ, cha tôi đang chuẩn bị cho việc sinh thành hai thực thể: Nhà xuất bản Kim Đồng mà ông làm giám đốc sẽ ra mắt bạn đọc vào ngày 17/6/1957 đã cận kề, và đứa con tiếp theo - đứa con thứ sáu và cũng là út ít của ông - dự tính sẽ chào đời vào nửa tháng sau đó. Cảm thấy cuộc sống bẽ bộn, bản thân vất vả, vợ con nheo nhóc, cha tôi quyết định sau đây sẽ không sinh thêm con nữa; ông viết thư nhờ bạn hỏi kinh nghiệm bên Trung Quốc về việc tránh thai. Trong thư, có lẽ cha tôi đã băn khoăn, liệu như thế có gì là trái tạo hóa, có gì là vô nhân đạo không? Nhà thơ đã có thư trả lời ngay: “Việc làm của Tường rất hợp đời, nhân đạo, nghệ thuật và Hoan sẽ phục vụ Tường. Nhưng nhớ giữ *bem* đấy”. Bem là tiếng lóng có nghĩa là bí mật, từ các ông vẫn quen dùng với nhau. Có lẽ một chuyện như thế hỏi bấy giờ là rất tế nhị, nên sau đấy, thay vì tái bút, nhà thơ còn dặn thêm cha tôi một lần nữa: (thật bí mật đấy), trước khi viết lời từ biệt: “Thương yêu”. Thời gian đã đủ lâu để những chuyện riêng tư như thế có thể công bố để bạn đọc biết thêm về tâm thế của một thời nói chung, và tình bạn giữa nhà thơ Chế Lan Viên với cha tôi nói riêng...

Nhà thơ Chế Lan Viên trở về nước khi nào, chi tiết này trong cuộc đời ông tôi không được biết; nhật ký của cha tôi cũng không nói về việc này. Về phần cha tôi, sau cuộc đấu tranh tư tưởng trong giới văn nghệ, tháng 8/1958 ông lên đường đi thực tế Điện Biên, cùng với các ông Nguyễn Tuân, Văn Cao... Hành trang của ông là một cuốn sổ dày nhà thơ Chế Lan Viên gửi tặng từ Trung Quốc. ở trang đầu cuốn sổ, người tặng viết: “Chúc Tường một năm sống khỏe và viết khỏe”. Lời chúc của họ Chế ít nhất đã đúng ở một về: viết khỏe, nhưng là viết nhật ký.

Thực tế đó là một trong những cuốn nhật ký ghi kỷ nhất của cha tôi, về cuộc sống tinh thần đầy giằng xé của ông trong thời kỳ Nhân văn Giai phẩm và sau đó là những điều mắt thấy tai nghe khi đi vào thực tế lao động sản xuất cùng chiến sĩ Điện Biên. Trong cuốn sổ đó cha tôi cũng chép lại bài thơ chữ Hán ông làm tặng nhà thơ Chế Lan Viên, trong có câu:

Nhất dạ Điện Biên thu khí lãnh
Phong suy hốt ức Chế Lan Viên
Nghĩa tình trường hận tâm trung đoạn
Thi tử lãng cao thiên thượng huyền

Một ngày cuối năm 1958, cha tôi trở về Hà Nội sau hơn bốn tháng xa nhà xa bạn và ngay hôm sau, ông đã gặp lại nhà thơ Chế Lan Viên. Sự giao thiệp và tình bạn giữa hai người lẽ ra đã trở lại thắm thiết như xưa, nếu không bị một vết rạn nhỏ. Một lần gặp cha tôi, họ Chế tỏ ý khen tập thơ của một tác giả nổi tiếng mà ông gọi bằng cái tên vô cùng thân thiết. Cha tôi, có lẽ lúc đó tâm trạng không được tốt, đã hỏi lại, có phần móm máy, rằng tác giả ấy thế nào? Điều đó không khỏi khiến nhà thơ tự ái. Cha tôi cũng nhận ra ngay cái dở của mình, nhưng việc đã rồi, ông chỉ còn biết giải bày trong nhật ký. Tháng 4 năm 1960, không lâu trước khi nhập viện, cha tôi có đến thăm nhà thơ Chế Lan Viên. Nhà thơ lúc này sống một mình, cha tôi đến đúng lúc ông đang rán trứng cho bữa ăn, lúng túng thế nào lại làm lật chảo hồng mất quả trứng. Song điều đó không hề làm nhà thơ thôi say sưa nói về Charles Péguy, nhà thơ Pháp chuyên ca ngợi Thiên chúa mà ca ngợi rất hay. Rồi nhà thơ băn khoăn tự hỏi sao ta không có người ca ngợi Đảng hay được như thế. Có lẽ đó là hình ảnh cuối cùng về họ Chế cha tôi mang theo về cõi vĩnh hằng, khoảng một trăm ngày sau đó...

Cha tôi mất đi được mọi người thương tiếc, nhiều nhà văn nhà thơ đã viết về ông. Nhạc sĩ - nhà thơ Văn Cao ngay khi đó đã làm thơ về cha tôi - bài *Với Nguyễn Huy Tường*. Mặc dù bài

thơ này gần ba chục năm sau mới được đăng báo, nhưng thực tế thì nó đã được hoàn tất vào khi ấy với những cảm xúc tươi rói và câu kết đĩnh ninh:

Cái chết của anh cái chết một nhà văn
Không bao giờ là cái chết

Nhà thơ Chế Lan Viên, khi ấy, không làm thơ về cha tôi mà cũng không viết hay phát biểu điều gì. Nhưng gần ba chục năm sau khi cha tôi qua đời, ông có gửi cho chị tôi một bài thơ về cha chúng tôi, nhan đề *Đám tang Nguyễn Huy Tưởng*. Tại sao nhà thơ viết về cha tôi sau ba chục năm, mà lại viết về đám tang? Phải chăng ông được biết Nhà xuất bản Hội Nhà văn đang làm một cuốn sách về cha tôi, cuốn *Nguyễn Huy Tưởng - văn và người*, tập hợp các hồi ức của người thân, bạn bè về ông? Phải chăng ông có đọc một số đoạn nhật ký của cha tôi được công bố hồi đầu thời kỳ Đổi Mới, trong có nhắc đến ông? Hay đơn giản chỉ là do chị tôi bấy giờ làm ở cơ quan Hội, ông hay có dịp gặp, và kỷ niệm về cha tôi tự nhiên trỗi dậy? Hay có lẽ đây cũng là khoảng thời gian tác giả *Điều tàn* bắt đầu làm nhiều *Di cảo* thơ, mà bài thơ về cha tôi là một trong những bài thuộc dạng ấy?... Bài thơ mở đầu bằng một câu hỏi:

Nén trắng và hoa sen trắng
Ra đi anh yên lòng chẳng

Cũng lạ, nhiều người vẫn cho rằng cha tôi mất sớm thế có khi lại hóa hay, vì nếu còn sống về sau này, tất sẽ có chuyện buồn. Gần ba chục năm sau khi cha tôi qua đời, nhà thơ Chế Lan Viên e rằng, ngay vào thời điểm đó, cha tôi ra đi, vị tất đã được yên lòng!

Cuối cùng, bài thơ khép lại bằng những câu sau:

Chúng ta cùng dững cảm
Anh người ra đi giữa trận
Chúng tôi nén tiếng khóc trong lòng đưa tiễn kẻ ra đi.

Đưa tiễn một người bạn sớm ra đi, tất nhiên là lòng nặng trĩu đau buồn. Nhưng để “nén tiếng khóc trong lòng”, sao phải cần đến “dững cảm”? Tôi đã băn khoăn với câu hỏi này suốt một thời gian dài, và phải mãi đến gần đây mới tự tìm được lời giải đáp. Ở đây, chữ “dững cảm” chính là tác giả dành cho mình, người ở lại “giữa trận”, và nó hàm ý một cái gì rộng hơn, chung hơn là hành động đưa tiễn. Là người đọc rộng biết nhiều, họ Chế không thể không biết câu thơ bất hủ này của thi sĩ Nga Exênin:

Chết chẳng có gì mới
Nhưng sống chẳng mới hơn
(*Chào bạn xin chào bạn*; Tế Hanh dịch)

Đúng, sống không phải bao giờ cũng là ân huệ mà nhiều khi còn là gánh nặng. Nhưng nếu như ai đó chấp nhận một cuộc sống cũ mòn, sống theo “thông lệ”, thì với mấy chữ tiễn biệt bạn kia, họ Chế như thể tự nhủ mình phải sống sao cho đích thực, sao cho dững cảm. Song ý nghĩ ấy đến với ông ngay khi đó, khi chứng kiến sự ra đi của cha tôi, hay về sau này, khi ông đã đi gần hết cuộc đời mà ngoái lại làm thơ *Di cảo*, điều này thì tôi không biết. Mà suy cho cùng, tất cả những suy nghĩ trên cũng đều là chủ quan của người viết mà thôi, nếu có gì võ đoán, xin được thể tất và tiếp thu...

(Nguồn: *An Ninh Thế Giới*)

Cha tôi



Phan Thị Vàng Anh là con của nhà thơ Chế Lan Viên (tên thật Phan Ngọc Hoan, chánh quán Quảng Trị) và nhà văn Nguyễn Thị Thường. Cô tốt nghiệp Đại Học Y khoa năm 1992, nhưng bây giờ lại công tác tại Nhà Xuất Bản Trẻ.

Truyện hay là ký thế này? Đọc, thấy rõ mồn một Chế Lan Viên!

Chỉ một thân, mà ba bốn “phận”: người làm thơ, người làm vườn, người học trò (học đủ thứ môn), người thầy giáo (dạy riêng môn thơ)... Những Chế Lan Viên ấy, ai cũng biết rồi. Đọc Cha tôi, biết thêm mấy Chế Lan Viên nữa: người dậy lúc bốn giờ sáng để nấu cơm, người nóng tính “không ai dám đùa với”, người viết hàng chục quyển “Sách dạy cho Vàng Anh”...

Những “sách dạy” không bao giờ in ấy chứa những lời gì nhỉ? Chỉ biết hẳn không vô cớ mà chúng được viết ra. Hiển nhiên “cha” có đặt rất nhiều hy vọng vào riêng một đứa con.

Phan Thị Vàng Anh rồi nổi tiếng về những bài văn xuôi “lơ lơ” và “đẹp”.

Lơ lơ lửng lửng, chắc chắn có lần là cái vỏ cho xiết nỗi xót xa...

*Nhà văn Nguyễn Khải từng khen Phan Thị Vàng Anh một câu ngắn:
“Nguyễn Huy Thiệp mặc váy.”*

Các tác phẩm chính:

Khi người ta trẻ (tập truyện 1993) (đã được dịch và xuất bản tại Pháp với tên Quand on est jeune)

Ở nhà (truyện vừa, 1994)

Hội chợ (tập truyện, 1995)

Trong phường Thành Công, có làng Thành Công (phim tài liệu)

(Thu Tứ)



Một ngày của cha tôi bắt đầu vào lúc bốn giờ. Cha tôi dậy sớm để nấu cơm, nấu nước, rồi sắp vào một cái khay con, một đôi đũa, một cái bát..., xong hết mới gọi tôi dậy ăn.

Cha đã để sẵn nước sôi trong nhà tắm, dắt sẵn xe đạp ra ngoài sân... Làm xong hết những việc ấy, cha đi học bài.

Cha học cho đến lúc mẹ dậy. Học thơ, thơ từ cổ chí kim, của bất cứ ai, miễn đáng gọi là thơ; học kịch, học văn, học văn chương và học cả những gì dường như văn chương không bao giờ thêm đặng tới. Cho đến lúc gần bảy mươi, cha tôi vẫn là một học trò ngoan, bất chấp tuổi già mà len lỏi vào bất cứ góc nào của khu vườn văn hóa.

... Khoảng bảy rưỡi, cha, mẹ ăn sáng. Rồi cha tôi ngồi vào bàn, cái bàn mà tôi học bây giờ, ngày ấy ít ai dám đến gần khi cha đang viết. Trên bàn đầy giấy và sách, lâu lâu bình mực quên không đầy đổ một lần, khi ấy loạn cả nhà. Không ngày nào cha không ngồi viết, cả khi gãy tay, bó bột, ngày trước, ngày sau đã nguệch ngoạc viết bằng tay trái. Đôi lúc tôi thấy, nghề văn như một cái ách, người ta lúc nào cũng áy náy lo âu, sợ mình chưa đọc đủ, chưa viết đủ; chưa viết xong lại thấy bực bội như thể có điều gì oan trái trong lòng chưa nói ra hết được. Và tôi nghĩ, có lẽ cha tôi chọn cho mình một cái ách nặng. Cha luôn luôn tất bật, yêu hoa cỏ nhưng chưa bao giờ dám bỏ hàng giờ ra để ngồi uống trà thưởng hoa. Cha sợ những quán cà phê, nhìn chúng như nhìn những nấm mồ chôn thì giờ. Chỉ những đêm rằm, vườn nhà tôi đầy trăng, cha bảo: "Tắt đèn! Ra ngoài hè ngồi xem!". Chị em tôi theo ra, ngồi khen trăng được vài phút, cha lại quay sang bàn chuyện văn chương với mẹ, rồi tranh luận, có khi cãi cọ, quên cả trăng!

Cứ vậy, đầu óc của cha tôi không lúc nào thành thoi, đôi lúc tôi nghĩ, cha đã già rồi, đã có một vị trí ít ai dám mơ tới trong văn học rồi, sao cha không nghỉ ngơi một chút. Cha dạy chúng tôi: "Phải học, học không phải để vui, mà để không ai giết được mình!". Cha cũng muốn tôi học, tôi đã có gần một chục quyển vở chép tay của cha, ở bìa ghi rõ: "Sách dạy cho Vàng Anh", cha muốn hàng ngày đều có ít thì giờ để giảng cho tôi; nhưng tôi, vì đã không ý thức được những giờ học ấy quý như thế nào, tôi đã trốn bằng đủ mọi cớ, khi ấy, tôi chỉ thích làm thơ chứ không thích học thơ. Chỉ khi cha tôi vào nằm bệnh viện, tôi biết cha bệnh nặng, khó mà qua khỏi, mỗi chiều, sau khi đi học về, tôi vào thăm, cha luôn để dành cho tôi bánh kẹo hoặc một quả cam, và tôi dù mệt đến mấy cũng đề nghị cha giảng bài, không tiếp thu được bao nhiêu, nhưng tôi muốn cha an tâm. Ở bệnh viện, cha tôi đã làm một phong bì to đựng các bài học của tôi, giờ đây chép thành giấy rời, cuối mỗi bài đều ký: "Cha: Chế Lan Viên", và ghi: "Chợ Rẫy ngày... tháng... năm...". Như đánh dấu từng chặng của một cuộc chạy đua tàn khốc.

... Thời khóa biểu của cha tôi cho một ngày thế nào cũng có giờ làm vườn. Thường

vào khoảng mười giờ, khi viết lách, đọc sách đã mệt. Ra vườn, cha tôi đắp đất, làm cỏ như một nông dân, và cha tự hào về điều đó. Vườn nhà tôi rộng đủ để mọi người “thí nghiệm” trồng cây này, cây nọ, kết quả là cây cối mọc lung tung. Một cây dừa mọc trên mô đất cao, nước quanh năm không với tới, những cây mận, cây cam tranh giành nắng, xúm xít cạnh nhau. Tuy vậy, tôi yêu khu vườn, bởi vì nó là nơi thân thiết nhất của cha, mẹ tôi; bởi vì, ở đâu trong vườn cũng có dấu tích của cha: những chậu phong lan cha tôi đem từ rừng về, một cây ổi cha trồng riêng cho tôi gần giếng nước, bụi hương nhu bên bờ ao cha trồng cho cả nhà gội đầu... Người ngoài ít ai biết rằng cha tôi lại có thể làm những việc li ti như vậy, còn chúng tôi vì quá quen với những việc li ti ấy nên lại thường không biết cha tôi có thể làm được những việc lớn như thế nào. Thỉnh thoảng, tôi đi theo cha đến các hội nghị hoặc các lớp học cha giảng thơ văn. Ở đấy, người ta dành cho cha tôi ghế hàng đầu, rồi các cô, chú đến chào, nhắc về vài bài viết, hay quyển sách mới của cha, tôi nghe và lần nào cũng lặp lại cái ý nghĩ: “Tệ thật! Mình chẳng biết gì về cha cả!”. Khi ấy, tôi theo cha chỉ để đi chơi, cũng không để ý cha tôi giảng bài gì, phát biểu điều gì, chỉ để ý cha đã chải đầu chưa, cổ áo đã bẻ xuống chưa, có quên kính không... Trong những chuyện này, cha nhất nhất nghe tôi. Một lần, khi tôi học lớp năm, theo cha xuống Cổ Cò, người ta đón bằng một bữa tiệc, cha tôi uống rượu, thỉnh thoảng hỏi tôi: “Mặt cha đã đỏ chưa?”. Tôi bảo “Chưa!”, mấy phút sau lại nghiêm mặt bảo cha: “Đỏ rồi! Cha đừng uống nữa!” và cha tôi ngưng liền. Cha tôi nóng tính, điều đó ai cũng nói. Ở nhà không ai dám đùa với cha, ngoài chị Thắm. Chị là người duy nhất dám nhờ cha tôi dịch hộ bài học rồi ngang nhiên ngủ gật ngay bên cạnh. Chị Thắm cũng là người duy nhất biết nhổ tóc sâu và lấy ráy tai, và làm cũng tùy hứng, bất kể lúc đó cha tôi đang bận bịu đọc sách hay học bài. Ra trường, chị đi thực tập một năm ở An Giang, lâu lâu mới về một lần, thời gian đó, tóc cha tôi bạc hẳn. Tôi nhớ, khi chị đi được mấy ngày, một buổi tối, người yêu chị đi thăm về, tả lại cho cha tôi nghe cái cảnh lạ nước lạ cái của chị dưới quê, cha bảo: “Tôi nghiệp!” Rồi hai người sụt sịt khóc, khi ấy, hai mẹ con tôi thấy cha thật là ủy mị! Rồi cha tôi bệnh nặng, những tháng cuối cùng, cha chỉ nằm trong phòng, không nói được, không biểu lộ tình cảm gì trên mặt, chỉ ngơ ngác nhìn trời qua cửa sổ. Vậy mà, theo thói quen, thấy tờ báo nào ở cạnh cha cũng cầm lên đọc, khi mẹ tôi cầm quyển sách nào đi ngang cha cũng nhìn cho được cái gáy sách, dù đã không hiểu được gì nữa. Bạn của cha tôi đông lắm, họ đến thăm và ai cũng thấy rằng ông Trời sao thật tàn bạo, bắt một con người thông minh như cha phải sống như một đứa trẻ mới sinh. Tôi đi học về, vào giường ngồi chơi, nắm tay cha, gầy guộc, và khóc, có lần, cha tỉnh ra, nhìn tôi cau mày và cũng khóc theo. Sau đó ít ngày, cha mất. Sau lễ hỏa táng, anh Định và tôi được giao nghi lễ cuối cùng là đem tro của cha thả xuống sông. Tôi ngồi sau, ôm chặt cái túi còn ấm nóng. Đây là cha tôi, ngày nào còn ôm tôi, đứa trẻ con ngủ gật trên xe; đây là thầy giáo tôi... giờ thu lại trong hũ cốt và một bao tro. Chúng tôi ra sông Sài Gòn, khi tro được thả xuống, tôi biết từ nay mình đã mồ côi cha, chỗ dựa lớn nhất đời tôi đã mất, và tôi sẽ phải học, như cha dạy: “Học không phải để vui, mà để không ai giết được!”. Học để thành người.

Chế Lan Viên Xuân Sách

Bài viết của cố nhà văn Xuân Sách, do con trai ông - anh Ngô Nhật Đăng gửi tới Phongdiep.net. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc

Chúng tôi, Nguyễn Khải, Vương Trí Nhàn và tôi ngồi trong căn phòng nhỏ vốn là toilet của ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế. Tòa soạn Tạp chí Văn nghệ Quân đội được ở ngôi nhà này là một đặc ân. Hệ thống cấp nước đã hỏng nên phòng được cải tạo thành phòng văn mùa hè thật mát mẻ. Được hai ông bạn vàng thách đố, tôi đã ứng tác ngay bài thơ chân dung về Chế Lan Viên. Nghe xong anh Khải nói ngay :

-Ông Sách đã chúc lấy kẻ thù số một rồi.

Vương Trí Nhàn lập tức ghi bài thơ ra giấy, và chắc chắn ngay ngày mai bài thơ sẽ được lan truyền. Tôi biết anh Khải không dọa suông, anh hiểu Chế Lan Viên rất rõ. Có lần anh kể ông Chế nói chuyện gì đó ở Hội, ông Khải biết là nói sai, đêm về ông Khải chuẩn bị mọi lý lẽ để hôm sau cãi với nhà hùng biện. Nhưng hôm sau vừa gặp nhau ông Chế đã nói ngược lại những điều hôm qua cũng bằng những lý lẽ rất sắc sảo không thể bác bỏ. Tôi cũng được nghe có người nhắc một câu của ông Chế : “Mỗi người cần có một cái “Ô” rồi sẽ có Autorité (quyền lực) rồi sẽ có Automobile (xe ô tô). Tôi tất nhiên gặp ông nhiều lần nhưng thật ra chưa bao giờ nói chuyện với nhau. Tôi có cái tật rất ngại gặp những người danh tiếng. Ông ở căn phòng nhỏ ở cái biệt thự số 51 Trần Hưng Đạo, nơi ở của ông cố vấn Vĩnh Thụy thời Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bây giờ ngôi nhà trở thành cái tổ ong của làng văn nghệ. Vừa là trụ sở vừa là nơi ở của cán bộ của các nhà văn, nhà nhạc, nhà họa, nhà nhiếp ảnh vv...

Căn phòng ông Chế có treo tấm biển “Ai vào chơi xin không ngồi quá 5 phút”. Kể cũng phải, dân văn nghệ vốn vui đâu đâu đầy cái kiểu ông Lý trưởng vào nhà ai ăn giỗ thấy ông hương kiểm, hương bạ đi qua lại gọi vào thì chủ nhà chỉ có chết. Tôi chưa vào đó lần nào và cũng chưa bao giờ thấy ông đến Văn nghệ Quân đội. Tuy nhiên tôi lại từng bị phê bình vì ông tội xuống các đơn vị nói chuyện thơ chỉ trích thơ ông mà không trích thơ Tố Hữu. Chẳng lẽ bây giờ tôi lại trở thành kẻ thù số một của ông.

Một buổi tối tôi ra ga Hàng Cỏ đón một nhà văn đi Hungary về. Thời đó đi nước ngoài thường bằng tàu hỏa liên vận. Đang đứng ở sân ga tôi nhắc thấy nhà thơ Chế Lan Viên đang đi bộ lững lững dọc đường ke. Tôi hiểu ra ông đi đón vợ là nhà văn Vũ Thị Thường cũng đi trong đoàn.

Tôi biết ông đã đọc bài thơ tôi viết về ông. Một anh bạn kể với tôi anh đã đánh máy bài thơ tôi viết gửi ông Chế và đề nghị ông đưa vào tuyển tập thơ mà ông đang lựa chọn. Tôi bảo anh bạn “Cậu làm thế khác gì thư nặc danh”. Anh bạn cười : “Em khoái lắm viết về ông Chế như vậy mới đã”

Nhà thơ lớn nhìn thấy tôi, ông bắt tay tôi rồi ôm vai tôi vừa đi vừa nói :

- Mình vừa đọc một truyện cực ngắn và cực hay của Pháp mình kể cho Sách nghe. Câu chuyện như sau. Một nhà tư bản lớn nổi tiếng giàu có một lần đi nghỉ mát nhưng lại chọn một thị trấn hẻo lánh ven biển. Viên thư ký của nhà tư bản đến gặp ông thị trưởng của thị trấn nọ trình bày ý định. Ông thị trưởng vừa mừng vừa lo. Viên thư ký nói chỉ cần ông đồng ý, ông chủ tôi sẽ xây một biệt thự. Rồi biệt thự lộng lẫy được xây lên. Viên thư ký lại nói ông chủ tôi không thích màu cát trắng mà thích cát vàng, cả một dải bờ biển được đổ cát vàng. Rồi ông chủ tôi không thích nước biển màu xanh, biển lại được phun hóa chất đổi thành màu tím biếc theo ý nhà tư bản, rồi nữa ông chủ tôi không thích thứ mây lãng đãng ở vùng trời này mà thích các khối mây hình lục lăng, bát giác. Thế là đại bác được đưa tới bắn lên trời để nén mây. Ông thị trưởng như người trong cơn mơ, còn viên thư ký báo cho ông chủ đến. Máy bay hạ cánh nhà tư bản đi dạo ngắm trời xanh, cát vàng, biển tím và mây nén sung sướng thốt lên : “Chao ôi, thiên nhiên đẹp như thế này mà có những kẻ chỉ lo làm giàu thì thật ngu ngốc”

Tôi không nghi ngờ thái độ và cử chỉ của ông mà tôi cứ tự hỏi mình : Thế là thế nào nhỉ?Tiếng còi tàu cất lên,tàu đang vào ga và tôi chào “Kẻ thù số Một” của mình rất trân trọng.

Một lần vào năm 1968 có cuộc họp người viết trẻ ở Hà Nội.Nhà thơ trẻ Yên Đức ở Quảng Ninh về họp có ghé thăm tôi,anh kể :

-Hôm họp vừa rồi giờ giải lao bọn em quây quần bên anh Chế Lan Viên,bất ngờ anh ấy hỏi :
“Các cậu có ai nghe được chân dung của Xuân Sách chưa?”.Một cậu trả lời : “Bọn em chỉ nghe loáng thoáng....”

“Các cậu nên đọc nên biết,theo tôi đó là tinh hoa của Xuân Sách”

Lại một lần nữa tôi bất ngờ.Vậy là sao?Ngoài bài thơ tôi viết về ông tôi còn viết một bài về nhà văn Nguyễn Thị Thường thuộc loại ác chiến.Có lần nhà thơ Khương Hữu Dụng đã đến gặp tôi nói “Cậu viết về Chế Lan Viên hơi ác”.Một thời gian sau ông lại đến,tôi xin nói thêm về cụ già Khương(tên thân mật chúng tôi thường gọi ông).Ông say thơ một cách kỳ lạ.Thỉnh thoảng ông hay đến chơi với tôi,tôi rất vui và kính trọng ông ,nhưng trong bụng cũng lo là mỗi lần như vậy thường mất đứt một buổi để hầu chuyện cụ.

Lần đó tôi mất đứt cả buổi sáng hầu chuyện cụ mỗi một đề tài thơ.Đến trưa tôi cầm cái bát,đôi đũa nói với cụ :

-Bây giờ cháu xin lỗi phải đi ăn cơm,ăn ở nhà ăn tập thể đi muộn là mất suất.

Cụ vui vẻ đi cùng tôi và vẫn tiếp tục nói về thơ,đến tận cửa nhà ăn cụ mới nói :

- Hôm nay mình đến gặp cậu chỉ để nói một câu,hôm trước mình nói cậu viết về Chế Lan Viên hơi ác,nhưng bây giờ mình thấy hình như cậu viết đúng.

Tôi không nhớ là bao lâu nữa cụ lại đến,vừa trông thấy tôi cụ giơ cả hai tay lên trời phấn khích nói to :

- Tiên sư mày,mày là thằng tiên tri.Mày viết về Chế Lan Viên rất đúng.

Được cụ già Khương mắng câu “Tiên sư thằng Tào Tháo”thì còn gì hơn nữa.

Năm 1976 Đại hội Đảng tiến hành trong không khí vui mừng chiến thắng.Có tin đồn giới văn nghệ sẽ được một suất Trung ương Ủy viên,người ấy là Chế Lan Viên.Đó là niềm mơ ước không chỉ của riêng ai.Có người không tin nói nếu văn nghệ được một suất thì đó phải là ông Nguyễn Đình Thi,người hoạt động trong chính trường rất sớm,đương kim Tổng thư ký Hội nhà văn,lại nữa vợ ông là Phó giám đốc Bệnh viện Việt-Xô nơi chữa trị cho các cán bộ cấp cao.Giàu vì bạn sang vì vợ là lẽ thường.Nhưng có người nói ông Thi bị cái “phốt” Con nai đen.Điều này tôi đã cảnh báo trong chân dung về ông “Bay chi mặt trận trên cao ấy/Quên chú nai đen vẫn đứng chờ”.Một hôm chị Lê Minh con nhà văn Nguyễn Công Hoan đến gặp tôi kể có nghe tin đó và chạy đến hỏi ông Lê Văn Lương chú ruột chị (Ông Lương lúc đó là Trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng):

-Có phải lần này ông Chế Lan Viên vào Trung ương không chú?

- Cháu tưởng vào Trung ương để thế sao?

Rồi ông ấy đọc bài thơ của anh viết về ông Chế.Ủy viên Bộ Chính trị cũng thuộc thơ anh rồi đấy.

- Như thế là phúc hay họa hờ chị

- Anh yên tâm,ông Lương được lắm đấy.

Tôi cũng tình cờ gặp ông Lương,lần đó anh Thanh Tịnh bảo tôi cụ Hoan muốn gặp Sách.Tôi đến nhà cụ.

- Tôi đã được nghe bài thơ anh viết về tôi,để tôi đọc xem có có đúng không.

Ông đọc xong rồi cười rất sảng khoái

- Thừa bác, bác đọc đúng. Bác có trách mắng gì không ạ?

- Tôi cũng ưa châm biếm, anh viết thế là hơi nhẹ, nhưng tôi cũng bị trời phạt đó. Đống rác cũ tập hai bị triệt sản không chào đời được.

Lúc đó ông Lê Văn Lương tới, dáng cao gầy mặt khắc khổ. Ông đứng trước cửa chấp tay :

- Thừa anh nghe tin chị mệt em đến thăm, xin phép anh cho em vào thăm chị.

Cụ Hoan nói :

- Chú vào đi.

Tôi có thiện cảm với ông Lương. Đại thần mà còn giữ được nề nếp gia phong như vậy là hiếm. Rốt cuộc ông Chế bị trượt, tất nhiên không phải tại bài thơ của tôi.

Năm 1987 Hội Văn nghệ Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo của chúng tôi mở trại sáng tác, tôi mời hai thầy về giảng bài là nhà văn Nguyễn Khải và nhà thơ Chế Lan Viên.

Nhà thơ đưa theo cô con gái Vàng Anh, tôi cử một cậu nhân viên của Hội đưa Vàng Anh đi chơi và tắm biển.

Anh em văn nghệ rất vui và hai thầy cũng tận tâm giúp đỡ. Buổi chiều tôi thường đi dạo cùng với thầy Chế dọc bờ biển. Một lần chúng tôi gặp một xác người vượt biên bị sóng biển đánh giạt vào bờ, một ông già. Thi hài được đắp chiếu và một bát hương bên cạnh chờ làm thủ tục chôn cất.

Buổi hoàng hôn trước trời biển mênh mông, tôi đột ngột đọc to câu thơ :

“Đất nước đẹp vô cùng mà bác phải ra đi”

Nhà thơ nắm nhẹ tay tôi :

-Văn chương nhiều khi thật đáng sợ.

Tôi thẳng thắn tâm sự với ông nhiều chuyện. Thấy ông trầm tư nhiều hơn.

Hết trại ông hẹn tôi :

- Khi nào lên Sài Gòn ghé nhà mình, mình ở tận Bà Queo, đường ngoắt ngoéo lắm, mình đã vẽ sơ đồ đây để Sách dễ tìm.

Tôi đến nhà ông một căn nhà có thể gọi là tồi tàn so với ông, tôi nghĩ Sài Gòn còn nhiều ngôi nhà tốt hơn dành cho ông. Tôi không hỏi nhưng ông nói :

- Mình không biết làm phiền người khác, được sao ở vậy, cũng giống Sách ở ngôi nhà chiến khu Đ giữa thành phố du lịch Vũng Tàu đất rộng người thưa.

Hồi đó tôi cũng chưa có nhà, ở một căn gia binh trong khu đất đầy cây cỏ hoang dại nên anh em gọi đùa là chiến khu Đ.

Chúng tôi ngồi nói chuyện phiếm, Chế Lan Viên hỏi :

- Mình nghe nói, hồi Sách lên Tam Đảo có gặp ông Lành lên đó đọc các tài liệu sưu tập các chuyện tiểu lâm dân gian và ông ấy nhận xét “Cực kỳ phản động cực kỳ hay”?

- Đúng, tôi chẳng thể bịa ra được một câu như thế. Câu đó là của hai ông Tố Hữu, một là của ông quan, một là của nhà thơ. Về trên thì còn phải bàn chứ về dưới thì hoàn toàn chính xác. Đúng là cực kỳ hay như mấy câu này :

Tôn Đản là của vua quan

Vân Hồ là của trung gian nịnh thần

Đông Xuân là của thương nhân

Vía hè là của nhân dân anh hùng

Chắc hẳn đó chị Thuồng cũng phải ra Vân Hồ mua hàng, tôi cũng vậy. Cũng là lớp trung gian nịnh thần, tình đã gian mà lý cũng gian cần làm sao được với nhân dân anh hùng ngoài vỉa hè. Trong giới công chức ai chẳng mơ lên Vân Hồ, Đặng Dung rồi Nhà thờ, Tôn Đản được mua hàng hiếm và rẻ, bệnh tật được vào Việt-Xô chữa trị. Chắc anh chị còn nhớ vụ anh Trúc Đường anh ruột nhà thơ Nguyễn Bính, bị bệnh hiểm nghèo chỉ có Việt-Xô mới có thầy có thuốc. Nhưng anh Trúc Đường chỉ là cán sự 4 tương đương Trung úy bên Quân đội thì làm sao đủ tiêu chuẩn. Bên sân khấu cử người lên gặp ông Tố Hữu đề nghị đặc cách cho anh Trúc Đường lên chuyên viên để vào Việt -Xô may ra cứu được. Ông Tố Hữu đồng ý nhưng ở xứ ta quyền lực như ông ấy cũng không thể ký ẹt cái là xong. Nước xa không cứu được lửa gần, khi có quyết định thì anh Trúc Đường cũng đã về trời.

Hay như mấy câu nói về tiêu chuẩn chọn chồng của các kiều nữ Hà Nội :

Một yêu anh có may ô

Hai yêu anh có cá khô ăn dần

Ba yêu rửa mặt bằng khăn

Bốn yêu có thuốc đánh răng hàng ngày

.....

Một lần tôi đi họp trong giờ nghỉ tướng Lê Quang Đạo đọc câu thơ tập Kiều “Bắt cởi trần phải cởi trần/Cho may ô mới được phần may ô”. Rồi ông cười sảng khoái khen hay.

Mấy thứ đó áo may ô ba lỗ, khăn rửa mặt, kem đánh răng... phân phối về thường ít hơn số người nên phải bốc thăm đấy là chưa nói đến cả cơ quan chỉ được phân một đôi lốp xe đạp Sao Vàng thì còn phải họp bàn nát nước mới quyết định phân cho ai. Bác Thanh Tịnh là người thủ phạm mà trước cảnh này đã nghĩ ra một vẻ đối cực hay :

Cái cứt gì cũng phân, mà phân thì như cứt

Tôi nhại giọng Huế của anh Thanh Tịnh “Cái cức gì cũng phân, mà phân thì như cức” làm hai ông bà nhà thơ cười lăn lộn.

Tôi hỏi :

Anh chị thử đối xem.

- Sách là ông đồ xứ Thanh quê Trạng Quỳnh còn chịu, hưởng chi bọn mình.

Tôi kể cho hai ông bà nhà thơ nghe một câu chuyện hậu trường. Hỏi tôi vào chiến trường Trị Thiên Huế, vùng miền tây có thứ bệnh sốt rét ác tính nguy hiểm. Bác sĩ Đặng Văn Ngữ cũng vào đây, ông đã dùng chính thân mình làm mồi cho muỗi đốt để nghiên cứu tìm ra thuốc chữa cho bộ đội và ông đã hy sinh trong chuyến đi này. Ở đơn vị tôi đến có một sỹ quan của Bộ Tổng tham mưu vào công tác, không may ông bị sốt rét ác tính và qua đời tại mặt trận. Ông lại là em ruột của một nhà lãnh đạo, nên đơn vị phải cử đồng chí chính ủy và bác sỹ ra Hà Nội báo cáo. Ra đến nơi hai người đến báo cáo trước với Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Nghe xong vị Thượng tướng nói :

-Thế là được, chú ý nói gọn ghẽ hơn, cần bộc lộ tình cảm. Ông nhấn mạnh với vị bác sỹ: “Cậu phải chú ý đến đồng chí lãnh đạo, đề phòng nghe tin dữ ông bị sốc xảy ra chuyện gì phải có cách cấp cứu kịp thời

Hai người làm đúng bài bản. Vị bác sỹ luôn nhìn vị lãnh đạo với sự nhạy bén của thầy thuốc. Khi ông chính ủy báo cáo xong lấy khăn lau nước mắt thì đồng chí lãnh đạo đứng bật dậy giờ nắm tay phải hô to :

- Tinh thần của các chiến sỹ hy sinh vì sự nghiệp cách mạng bất diệt.

Ông bà chủ căn nhà Bà Quẹo nghe xong cười rất sảng khoái.

Sau này tôi có đọc một số bài thơ trong di cảo của Chế Lan Viên. Những bài thơ cũng rất Chế Lan Viên ở một gam khác. Tôi cứ nghĩ về ông, vấn đề như tài năng và nhân cách, bản lĩnh và thói xu thời, trung thực và trí trá. Không riêng ông và còn nhiều người khác nữa mà tôi biết, thật khó lý giải cho rành mạch. Có lần nhà văn Tô Hoài kể tôi nghe hồi còn ở chiến khu nhà văn Ngô Tất Tố sau một buổi kiểm điểm tư tưởng, quẹt nước mắt, nước mũi vào cột lán than: “Làm người thật là khó”. Ý ấy đã giúp tôi viết chân dung về nhà văn tôi chưa từng được gặp:

Tài ba thằng mõ cỡ chuyên viên

Chia xôi chia thịt lại chia quyền

Việc làng việc nước là như vậy

Lộn xộn cho nên phải tắt đèn

Đã lộn xộn mà còn tắt đèn nữa thì biết đâu mà lần.

Đó là một vài mẫu trong cái kho tàng cười ra nước mắt....Không hiểu người uyên bác như anh Hoan có lần ra không?

Hầu chuyện nhà văn Bùi Hiển

Dù đi có hơi chậm và phải chống ba toong nhưng ở vào cái tuổi *ngoại bát tuần* như ông mà da dẻ vẫn hồng hào, khỏe mạnh thật là điều đáng mừng không chỉ cho con cháu, mà cho cả giới văn nghệ nước nhà. Khi vui bạn bè, ông còn có thể nhâm nhi chút rượu ngon và trò chuyện rất rôm rả. Được hầu chuyện ông là một niềm vinh dự lớn đối với những người hậu sinh như tôi.

Nhà văn Bùi Hiển tiếp tôi tại bàn làm việc của ông ở nhà riêng rất cởi mở và chân tình. Ông chậm rãi kể lại một cách say sưa những ngày ông đã sống và viết tại chiến trường *Bình Trị Thiên khói lửa* cách đây vừa tròn nửa thế kỷ. Ngay khi vừa đặt chân lên đất Thừa Thiên, tháng 8 - 1949, đoàn cán bộ tuyên truyền Liên khu IV đã đi cùng chiếc ghe với bốn người thương binh. Tất cả họ đều nằm im, không rên rỉ hoặc trăn trở vật vã gì. Trên đường đi ông đã gặp ở đâu đó một làng quê bị giặc Pháp đốt trụi. Trên nền nhà cũ có năm nắm mộ dài đắp song song... Những năm tháng tiếp theo ông đã lần lượt đi khắp 6 huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Hương Thủy, Phú Vang, Phú Lộc, sống chung với đồng bào Thừa Thiên ở các làng, len lỏi giữa các đồn bốt giặc. Thỉnh thoảng ông đi công tác với tiểu đoàn 319 thuộc trung đoàn 101, một đơn vị đã từng đánh tàu địch chuyển quân ở Hói Mít. Ngay sau đó, Bùi Hiển đã viết hai bút ký *Một cuộc hành quân* và *Người tù binh Pháp*. Trong chuyến đi này ông ghi chép được khá nhiều tư liệu cho truyện *Ánh mắt*, sau này đăng tải trên tạp chí *Thép mới* của Văn nghệ Liên khu IV. Đây là một trong hai tập truyện mà đến bây giờ ông vẫn tâm đắc nhất.

Ông cùng một số anh em công tác ở Sở Tuyên truyền Liên khu IV đã được cử vào Thừa Thiên công tác, giúp anh em trong đó xây dựng phong trào văn nghệ, tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đoàn gồm có nhà văn Bùi Hiển, các văn nghệ sĩ Phan Nhân, Nguyễn Hồng, Mặc Hy, Nguyễn Văn Thương, Trịnh Xuân An, Hồng Liên, Hoàng Tuấn Nhã, Hồng Chương, Đình Quang, Nguyễn Khắc Thứ, Chế Lan Viên, Dương Tường, Lương An, Minh Châu, Tấn Hoài, Hoàng Tài, Phan Giá, Minh Lương, Xuân Hoàng, Nguyễn Văn Dinh... các anh chị em văn công Thừa Thiên, cán bộ và

chiến sỹ trung đoàn 101... tập trung tại một làng trồng mía và dệt vải ở xã Mỹ Lợi, huyện Phú Lộc phía nam tỉnh Thừa Thiên theo chỉ đạo của cấp trên. Đến tháng 10/1950 một cuộc *Họp Ban* anh em văn nghệ toàn tỉnh Thừa Thiên - Huế đã được tổ chức, đánh dấu sự ra mắt của Phân hội Văn nghệ Thừa Thiên - Huế. Lúc đầu dự kiến khoảng 150 người về dự, nhưng vì bị địch càn nên số anh em ở phía bắc Thừa Thiên không vào được nên chỉ còn lại có 50 người. Ngay hôm khai mạc tiếng đại bác đi đùng nổ quanh những vùng lân cận. Mọi người một tai nghe Trịnh Xuân An đọc báo cáo, còn tai bên kia lắng nghe tiếng súng để đề phòng địch càn qua. Nhìn ra đường mọi người thấy đồng bào đang nháo nhác chạy. Nhưng chỉ một lát sự yên tĩnh lại trở lại. Hội nghị tiếp tục và diễn ra trong bốn năm ngày gi đó. Trong cuộc *Họp Ban* này có trình diễn các tiết mục văn nghệ và diễn cả vở Nhật Xuất của Tào Ngưu (Trung Quốc). Một cuộc tranh luận về thơ, văn, nhạc, kịch đã nổ ra, có chấm và trao giải thưởng cho những tiết mục xuất sắc. Sau đó tổng kết, đánh giá và bầu Ban chấp hành Phân hội Văn nghệ Thừa Thiên - Huế. Trịnh Xuân An đã được cử làm Phân hội trưởng.

Ông đã từng chứng kiến một câu chuyện có thật có xảy ra ở Phú Lộc. Sau này, năm 1951, ông đã viết thành truyện *Máy hình ảnh vùng tạm chiến*. Câu chuyện kể về đám cưới của một chiến sỹ công an tên là Hiếu. Đám cưới vào buổi sáng, thì buổi chiều bọn địch đóng ở đồn Truồi nã móc chi ê vào làng. Vợ người chiến sỹ công an mới cưới đã bị mảnh đạn vạt hẳn một bên đầu, óc trắng, nhờn chảy tràn ra nhuộm lẫn máu đỏ tươi. Người ta đưa chị vào nhà người chú của Hiếu thì chị đã chết. Hai lọ hoa cưới hải đường trắng muốt trở thành hai lọ tiễn đưa người tân dâu về nơi chín suối. Cảnh chạy Tây mọi người chen nhau xuống ghe, tròng. Một chị nạ dòng không kịp mặc áo, hai vú thỏn thện ra sức rướn người chèo ghe vắt cả vú trum lên trên đầu mọi người mà không hay biết. Những ngày ở Dương Hòa chỉ toàn ăn cơm gạo hầm với rau tàu bay chấm *nơ rơ* (nước ruốc). Thấy anh em ăn *nơ rơ* miết, chị cấp dưỡng không đang lòng bèn tìm cách bắt cá về kho mặn cho anh em ăn. Sau những bữa ăn ngon như vậy mọi người hỏi chị cấp dưỡng bắt cá ở đâu. Chị cho biết ở đoạn suối gần cuối bệnh viện người ta thường vớt chân tay hồng và những miếng thịt xẻo ra từ những chỗ bị thương của anh em thương binh xuống suối khiến cho lũ cá tụ hội về đây rất nhiều. Biết chuyện, mọi người yêu cầu chị cấp dưỡng chấm dứt *sáng kiến* cải thiện ấy. Rồi chuyện ba thanh niên Quốc học Huế rủ nhau xung phong vào Vệ Quốc quân những ngày đầu khi Cách mạng vừa mới thành công. Họ rất hào hứng và lãng mạn. Đến thời kỳ *vỡ mặt trận Huế*, họ chạy lên chiến khu ăn đói, mặc rét, ghe lở mọc đầy người, cứng khớp gối, đi khệnh khạng, mắt mờ trùng trùng và tư tưởng bắt đầu chao đảo. Một anh đêm ngủ nằm chết còng queo. Anh thứ hai nửa đường ra trận đã bỏ trốn. Còn anh thứ ba vào trận suýt nữa bị địch bóp cổ chết, nằm lại một mình ở sườn đồi. Đêm xuống anh ta trốn vào làng đi ăn xin... Tất cả là những chuyện có thật mà nhà văn Bùi Hiền đã từng mục sở thị hoặc được nghe những người cùng đơn vị kể lại từ những năm 1949 - 1950. Sau khi hòa bình lập lại ông kể lại những chuyện đó trong *Ánh mắt* in trên tuần báo *Văn nghệ* đã bị nhiều người phê phán rằng như vậy là không đúng sự thật, với truyền thống của quân đội và tình cảm quân dân (!?).

Nhạc sỹ Mặc Hy và nhạc sỹ Nguyễn Hồng chỉ với cây đàn ghi ta và đàn măng đô lin đi khắp mọi nơi hát cho đồng bào và chiến sỹ nghe. Họ hát một cách say sưa và vô tư, không có bồi dưỡng thù lao, cũng chẳng cần sân khấu hay giới thiệu gì, thuộc bài nào hát bài đấy. Và nếu cần thì sáng tác ngay những ca khúc mới phản ánh cuộc sống và chiến đấu của quân và dân Thừa Thiên - Huế lúc bấy giờ. Sáng tác đến đâu biểu diễn đến đấy, vừa sáng tác, vừa biểu diễn. Nhạc sỹ Mặc Hy sáng tác khá nhiều nhưng đáng chú ý nhất là các bài *Làng vui*, *Dưới cờ Đảng Lao động Việt Nam*, *Hò đẩy ca nông*... Riêng bài *Công nông liên minh* của ông đã được giải thưởng. Bài thơ *Thuyền em lên xuống Ba Lòng* nổi tiếng của Lương An nói về người con gái chở đò trên sông Ba Lòng đưa người cán bộ đi công tác. Đây chính hình ảnh lấy từ nguyên mẫu chuyện đi biểu diễn của nhạc sỹ Mặc Hy.

Trong thời kỳ ấy nhạc sỹ Hồng Liên và nhạc sỹ Nguyễn Hồng đã anh dũng hy sinh trong một trận càn của địch. Nhà văn Bùi Hiến nhớ lại 5 người trong số anh em đoàn văn công Thừa Thiên - Huế cũng đã hy sinh. Cũng trong thời kỳ này nhạc sỹ Nguyễn Văn Thương đã bị địch bắt. Và sau đó nhiều anh em không tiếp tục hoạt động văn nghệ nữa. Nhưng cái buổi ban đầu ấy là một thời kỳ hào hứng sôi nổi. Tất cả họ chiến đấu và lao động vì lý tưởng Cách mạng, vì đồng bào Thừa Thiên - Huế thân thương.

Sau nửa thế kỷ trôi qua, ngòi nhớ lại nhà văn Bùi Hiến và nhạc sỹ Mặc Hy còn cảm thấy tự hào về những ngày tuổi xanh. Họ đã sống những năm tháng thật sự có ý nghĩa vì đồng bào mình, cho dân tộc mình. Tuy điều kiện còn nhiều khó khăn, nhưng với sức trẻ họ không hề ngần ngại, sẵn sàng vượt qua để chiến đấu vì lý tưởng. Những bản nhạc, bài thơ, tập truyện,, bức tranh mà họ đã sáng tác trong những ngày Bình Trị Thiên khói lửa năm ấy mãi mãi là những di sản quý báu mà lớp cha anh đã để cho các thế hệ con cháu chúng ta hôm nay thật đáng quý biết nhường nào.

Hà Nội mùa thu – 2000

Chế Lan Viên Bùi Giáng



Một tinh thần quân bình sáng suốt, lại cứ nói mãi chuyện điên. Yêu đời vô lượng lại nói toàn là chuyện yêu ma.

Làm sao không than khóc yêu ma một phen đã yêu đời quá nặng, và cõi đời đang bị phá vỡ tràn lan?

Người Chăm đã diệt vong, cũng như người Troyens đã diệt vong, người da đỏ đã diệt vong.

Người người kẻ kẻ mọi mọi da da đã diệt vong, và tiếp tục xô ùa nhau vào diệt vong. Thì kẻ yêu đời chỉ còn biết gọi:

Thần chết ạ, lại gần đây đổi mặt! Trao bàn tay cho ta nắm bên miềm...

Chế Lan Viên - người đi tìm mặt Phạm Xuân Nguyên

Hôm nay (19/6) tròn hai mươi năm mất nhà thơ Chế Lan Viên (1920 - 1989). Bài này tôi viết nhanh khi ở Sài Gòn đúng dịp kỷ niệm 5 năm ngày mất của ông để tham gia một cuộc tưởng nhớ ông lúc ấy. Chế Lan Viên là một hiện tượng văn học đa diện và phức tạp còn cần phải được khám phá soi chiếu nhiều chiều. Tôi đưa lại bài viết này cùng hai bài thơ di cảo của ông và một bài thơ của nhà thơ Bùi Minh Quốc như một sự tưởng nhớ Chế Lan Viên sau 20 năm ông từ cõi thế.

Trong Di cảo I ở trang 81 Chế Lan Viên có bài thơ

Tháp Bayon bốn mặt

*Anh là tháp Ba on bốn mặt
Giấu đi ba còn lại đấy là anh
Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc
Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình*
(Mùa bệnh 1998)

Sinh thời nhà thơ bài này đã đăng báo. Một năm sau ông qua đời. Con đường thơ của ông đi từ tháp Chăm đến tháp Bayon. Mười sáu tuổi ông hóa mình khóc cho một vương quốc đã tuyệt diệt. Bảy mươi tuổi ông hóa tháp Angkor khóc mình lúc sắp vào "xứ không màu". Chế Lan Viên - ông là ai? Cho đến bây giờ và chắc lâu sau nữa ông vẫn là niềm "kinh dị" đối với những người làm văn học và yêu văn học Việt Nam. Ở đây tôi thử đi tìm một câu trả lời.

1. Ông già Chế dẫu bao thăng trầm thế sự văn chương vẫn còn lại một chút gì của cậu thiếu niên Chế thuở xưa. Đó là sự tự tin vào tài năng của mình và dám kiêu hãnh khẳng định điều ấy. Trong Di cảo ông nhiều lần dẫn vật mình về cái lẽ tài hèn mọn mà ham làm lớn thích thành bất tử đó là chuyện khác. Nhưng chỉ riêng việc dám lấy cái hèn mọn của mình mà so với các bậc khổng lồ tiền nhân khắp cõi mà đối với trời đất bao la thời gian vô cùng không gian mênh mông đủ thấy Chế Lan Viên đến cuối đời vẫn nguyên một phẩm chất của giống nghệ sĩ muôn đời: thị tài. Hãy nghe cậu bé Việt lấy họ dân Chăm chưa qua tuổi trắng rằm tung ra những lời có cánh như sau: "*Thị sĩ không phải là Người. Nó là Người Mơ Người Say Người Điên. Nó là Tiên là Ma là Quỷ là Tinh là Yêu. Nó thoát Hiện Tại. Nó xối trộn Dĩ Vãng. Nó ôm trùm Tương Lai. Người ta không hiểu được nó vì nó nói những cái vô nghĩa tuy rằng những cái vô nghĩa hợp lý*". Cậu bé đó xin tiền của mẹ của chị in tập thơ đầu tay của mình mà người đời đọc được là phúc cho người đời khi đó cậu ngồi trên chín tầng mây kêu vọng xuống nhân thế: "*A ha bay ọi loài người đã hiểu ta rồi!*". Và từ đây cậu bé đã là ông già thâm trầm hơn sâu sắc hơn đến cuối đường ngoái lại cả con đường gặt đầu với mình: "*Anh là tháp Bayon bốn mặt*". Họa sĩ lớn người Mêhicô Xikâyrot bảo nhà thơ lớn người Nga Evgeni Evtushenko là có 99 khuôn mặt. Những nghệ sĩ lớn không bao giờ là một mặt cả. Nguyễn Tuân thích nhất câu nhận định về ông là người phức tạp nghĩa là nhiều mặt. Mặt trong mặt ngoài mặt trên mặt dưới mặt phải mặt trái mặt sấp mặt ngửa mặt sáng mặt tối mặt dữ mặt lành mặt mình mặt ta... Đáng chán nhất là một mặt nhất là văn học nghệ thuật.

2. Nhưng Chế Lan Viên đã chỉ sống với một mặt. Tháp Bayon bốn mặt là Quá Khứ còn "giấu đi ba còn lại đấy là anh" là Hiện Tại. Đối diện với cái chết ông đã dũng cảm "lộn trái" mình ra. Định nghĩa về Chế Lan Viên sẽ có nhiều cả do ông và do người khác đưa ra nhưng theo tôi đây là định nghĩa thành thực nhất chính xác nhất và cay đắng nhất của ông về ông. Gần với câu này

là cái câu nói về người đóng vai "Anh đóng giả trăm vai lại đánh mắt mình" cũng có thể vận cho cho người thơ. Thành thực giải bày và thừa nhận những góc khuất đời thật của mình đó là điểm khả thủ của *Di cáo* thơ Chế Lan Viên. Vấn đề là tại làm sao như vậy. Có sự lựa chọn ở đây không? Tự do hay ép buộc? Những năm sau 1945 các văn nghệ sĩ trước 1945 hào hứng theo cách mạng đi kháng chiến tự nguyện làm những cuộc "lột xác" "nhận đường" thanh thản từ bỏ những đũa con tinh thần một thời của mình nhẹ nhàng cất khúc quăng đời trước và cuộc đời sau. Nhưng hành trình cách mạng - dân tộc càng đi xa càng thấy không lý gì lại tự mình làm khổ và làm nghèo mình đi như vậy. Lần lần những cái vất đi được âm thầm lấy lại. Hiện tượng văn học sử này gợi nhớ đến một lời khuyên của Gogol không riêng với một đời người cụ thể mà cả với một đời văn thơ một nền văn học và rộng hơn nữa: "Hãy mang theo tất cả để lên đường khi từ những năm niên thiếu dụi dụi bước vào tuổi trưởng thành khắc khổ hãy mang theo tất cả xúc cảm của tâm hồn nhân loại đừng bỏ nó lại dọc đường để rồi sau đó lại nhặt lên". Trong cái thời lãng mạn ngây thơ và ngiệp ngã ấy Chế Lan Viên có phần quyết liệt chối bỏ mình với tư cách một thi sĩ nhiều hơn các đồng nghiệp khác. Ông bằng lòng sống một mặt song le "chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc". Trước người ta tưởng ông chỉ có một mặt này. Nay đọc thơ *Di cáo* người ta biết ông còn nhiều mặt nữa tất cả đều mặt thật duy chỉ ông chọn sống bằng một mặt ấy mà thôi các mặt khác ẩn chìm chịu đau đớn khi cái mặt ngoài cười nói đủ màu sắc cung bậc. Chế Lan Viên không dừng lại ở đây trên quá trình "phản tỉnh". Ông đã dám lột mặt mình ra đồng thời ông cũng không che đậy cái động lực khiến ông thuận đeo mặt: bánh vẽ. Và ông không trút bỏ trách nhiệm phần mình trong chuyện này "người khác thấy anh ngồi thì họ cũng ngồi thôi". Đẩy tới một bước mới là câu hỏi gay gắt Ai ? Tôi ? mà ông nhận lấy về mình. Tôi nhớ vào dịp đó (1987) một nhà thơ thế hệ chống Mỹ cũng đã quyết liệt cất tiếng Ai vấn hỏi lịch sử về những thăng trầm khốn khó của dân tộc sau ngày chiến thắng trong một bài thơ thế sự có dẫn một câu thơ của Chế Lan Viên như chứng tích một thời. Hai nhà thơ cùng lúc bật ra một câu hỏi chung nhưng họ đưa ra những câu trả lời khác nhau do dự phần trách nhiệm lịch sử khác nhau.

3. Cuối cùng thời hiện tại của Chế Lan Viên cũng sắp qua. Ông chuẩn bị cho cuộc đời vào miền tương lai vĩnh viễn. Mỗi người có một cách thế chuẩn bị riêng cho cuộc đi này. Xuân Diệu chẳng hạn mọi dằn vặt ưu tư đều bỏ lại sau chỉ một chữ yêu không bỏ: "Trong hơi thở chót dâng trời đất Còn vẫn si tình đến ngất ngư". Chế Lan Viên thì khác. Dù sau khi ông nằm xuống Tố Hữu ngợi ca "Mai sau những cánh đồng thơ lớn chắc có tro anh bón sắc hồng" nhưng trước phút hát "từ thế chi ca" ông có mối bận tâm khắc khoải. Đó là phải hiện diện đúng mặt mình. Tôi nghĩ ông có nỗi lo hậu thế hiểu sai ông lo những lớp người sau không thấy đủ bốn mặt Bayon Chế Lan Viên. Xấu tốt hay dở thế nào là việc phán xét của mai hậu nhưng giờ là lúc không thể giấu mặt được nữa thắp phải nguyên lại thắp không phải biến thành trụ cây số bên đường. Chế Lan Viên - người giấu mặt. Và *Di cáo* thơ là hành trình người đi tìm mặt của Chế Lan Viên. Điều này tăng thêm giá trị cho ông và nói được nhiều với hôm nay.

Sài Gòn 6. 1994

Rút từ *Di cáo*

Trừ đi

Sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ
Có phải tôi viết đâu! Một nửa
Cái cần đưa vào thơ tôi đã giết rồi
Giết một tiếng đau - giết một tiếng cười
Giết một kỷ niệm - giết một ước mơ - tôi giết
Cái cánh sắp bay - trước khi tôi viết

Tôi giết bão ngoài khơi cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời lên trên biển - Giết mưa
Và giết cả cỏ trong mưa luôn thể
Cho nên câu thơ tôi gầy còm như thế
Tôi viết bằng xương thôi không có thịt của mình
Và thơ này rơi đến tay anh
Anh bảo đấy là tôi.

Không phải!
Nhưng cũng chính là tôi - Người có lỗi
Đã phải giết đi bao nhiêu cái
Có khi không có tội như mình

(Tạp chí Văn Paris 1992)

Bánh vẽ

Chưa cần cầm lên ném anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối
Đêm vui
Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?
Rốt cuộc anh lại ngồi vào bàn
Như không có gì xảy ra hết
Và những người khác thấy anh ngồi
Họ cũng ngồi thôi
Nhai nhồm nhoàm

(Prométhée 86 Văn học và Dư luận 8-1991)

Cảm tác trong đêm Đà Lạt

(Đọc di cảo thơ Bánh vẽ của Chế Lan Viên)
Bùi Minh Quốc

Mấy thi sĩ thế kỷ này ngồi nhồm nhoàm nhai bánh vẽ
Mà thương vay những thế kỷ vắng anh hùng
Họ thâm biết trên đầu mình có kẻ
Tay vẽ bánh cho người mồm nhai thứ thiệt ung dung

Anh ngồi nhấm lai rai dẫu biết thừa bánh vẽ
Bởi sợ bị đưa ra khỏi bữa tiệc linh đình
Cái bữa tiệc tù mù mà nước lòng đáo đẽ
Chúc tụng tía lía và ăn uống thật tinh

Cốt một chỗ thôi để có ngày được nhai thứ thiệt
Mà kiên trì nhai bánh vẽ rã quai hàm
Thứ thiệt mãi xa vời chỉ rất gần là cái chết
Cái chết này là chết thật hay oan?

Tôi rùng mình đọc bài thơ *Bánh vẽ*
Mỗi chữ tạo lên cột số dậm đời
Thẻ phách đã an hòa cùng đất mẹ
Tinh anh còn lạnh buốt suốt thời tôi

Đà Lạt 13/9/1991

Phụ đính

Nhà thơ Chế Lan Viên

Mặc Lâm

(biên tập viên RFA)

Trong những khuôn mặt ấy trong giới văn nghệ sĩ có hai người nổi tiếng là Nguyễn Khải và Chế Lan Viên.

Thiên tài

Tuần trước chúng ta đã biết phần nào về nhà văn Nguyễn Khải, hôm nay mời quý vị theo dõi tiếp câu chuyện của tác giả tập thơ *Điều Tàn*, người đi vào nền văn học Việt Nam khi chưa qua khỏi lứa tuổi 16. Chế Lan Viên là một nhà thơ lớn là điều không ai có thể từ chối, tuy nhiên con đường phục vụ cách mạng bằng thi ca của ông là một chuỗi sai lầm mà ông tự nhận vào lúc cuối đời đáng để cho nhiều người suy nghĩ.

Mặc Lâm: Bây giờ xin quay lại với nhà văn Trần Mạnh Hảo, thưa ông để tiếp tục chương trình, xin ông nói qua về con người và sự nghiệp của nhà thơ Chế Lan Viên như ông được biết qua kinh nghiệm cá nhân như thế nào?

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: Ông Chế Lan Viên là lớp đàn anh ông Nguyễn Khải. Trong Hội Nhà Văn Việt Nam người ta nói thế hệ tiền chiến thì người thông minh nhất, sắc sảo nhất là Chế Lan Viên, còn thế hệ cầm bút thời chống Pháp người thông minh nhất, uyên bác nhất là Nguyễn Khải. Hai ông đó nói rồi thì người ta khó nói lại lắm. Trong đám đông khi hai ông ấy lý luận thì rất khó nói lại vì họ rất thông minh, trí thức. Ông Chế Lan Viên năm 1937 ông ấy mới 16 tuổi đã cho in tập thơ *Điều Tàn* làm kinh ngạc cả nền văn học nước nhà và ông Hoài Thanh đánh giá như một thiên tài. Rõ ràng ông Chế Lan Viên xuất hiện với tư cách là một thiên tài.

Chế Lan Viên quê ở Quảng Trị nhưng học ở Quy Nhơn. Ông ấy trưởng thành trong nhóm thơ ở Quy Nhơn và khi cách mạng đến năm 1945 thì ông ấy rất vui vẻ đi theo và tôi cho rằng đi theo như thế là thật lòng bởi vì cả tuổi thơ của ông ấy là thời thuộc địa. Dân Việt Nam năm 45 đều vui mừng cả vì nước nhà đã dành được độc lập. Rất nhiều văn nghệ sĩ, các nhà tư bản, địa chủ theo cách mạng, kháng chiến rất nhiều. Sau này những người Việt Minh họ đứng ra lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp và dần dần cuộc kháng chiến chống Pháp lái qua ý nghĩa cộng sản, tức là đấu tranh giai cấp và loại những giai cấp không cùng với mình như địa chủ, tư sản là phải tiêu diệt cho nên nó mới tạo ra cuộc mất đoàn kết vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Chia rẽ nhất từ trước tới giờ dân tộc ta chưa bao giờ chia rẽ như thế.

Một số người vẫn trung thành đi theo và vào đảng như Chế Lan Viên. Năm 48-49 gì đó ông ấy vào đảng và đi theo cho đến cùng. Rất nhiều trí thức, rất nhiều văn nghệ sĩ họ về thành, dinh tề. Ví dụ như Doãn Quốc Sỹ nằm trong nhóm viết văn ở khu Việt Bắc với ông Nguyễn Tuân, Ngô Tất Tố.

Ba tập thơ sám hối

Ông Chế Lan Viên theo cách mạng khởi nguồn là thật nhưng sau này đã nhận thức ra nhưng không thể nói lên được. Ông nhận thức con đường mình đã đi là giả nhưng không thể nói được vì đã trót đi cứ đi như vậy mãi...

Mặc Lâm: Vào năm 1991 rất nhiều người đã thích thú trước sự xuất hiện của bài thơ Bánh Vẽ. Đây có thể xem là một tuyên ngôn không khoan nhượng của nhà thơ trước sự thật mà ông chiêm nghiệm trong hơn nửa thế kỷ. Xin ông cho biết về bài thơ này...

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: Đây là bài thơ ông Chế Lan Viên viết về sự nhầm lẫn của ông ấy, ông biết là bánh vẽ mà vẫn phải ăn. Tôi xin đọc:

Bánh vẽ

*Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối
Đêm vui*

*Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?
Rốt cuộc anh lại ngồi vào bàn
Như không có gì xảy ra hết
Và những người khác thấy anh ngồi
Họ cũng ngồi thôi
Nhai nhồm nhoàm*

(Prométhée 86, Văn học và Dư luận, 8-1991)

Ông Chế Lan Viên biết mình đang ăn bánh vẽ nhưng vẫn phải nhai ngồm ngoàm. Ông biết con đường mình đi là sai trái nhưng vẫn phải đi. Đây là bi kịch, là nỗi đau của trí thức. Thà anh ngu đi anh không biết anh lờ đi hoàn toàn... ở đây anh biết con đường anh đi là giả mà vẫn phải ca ngợi là chân lý, là tốt đẹp thì đây là sự đau đớn quặn quại. Đây là sự vong thân lớn. Đây có thể gọi là bán linh hồn cho quỷ như Goethe đã viết con người đã bán linh hồn cho quỷ để đổi lấy sung sướng.

Thác Bayon bốn mặt

Mặc Lâm: Chúng tôi chú ý đến một bài thơ rất lạ của Chế Lan Viên sáng tác từ năm 1998 đó là bài "Thác Bayon bốn mặt" có những câu như:

*Anh là thác Bay-on bốn mặt
Giấu đi ba, còn lại đấy là anh
Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc
Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình....*

Bài thơ này đã mở ra một suy tưởng khác của nhà thơ Điêu Tàn bởi thao thức với cái triết lý sống nhiều mặt của văn nghệ sĩ trong đó có cả nhà thơ. Phải chăng Chế Lan Viên phản ứng mạnh hơn, trí tuệ hơn trong bài thơ này so với trước đó là bài Bánh Vẽ sáng tác vào năm 1991 rất trực diện và trần trụi?

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: Bài "Thác Bayon bốn mặt" là bài thơ lớn của Chế Lan Viên. Bài thơ này có một khái quát tổng hợp về triết học và thần học. Ý nghĩa lớn của nó là về triết học chứ còn ý nghĩa xã hội, chính trị thì tôi nghĩ nó cũng nhỏ thôi. Tức là bản thân con người ta nó tồn tại không phải 4 mặt mà rất nhiều mặt trong mỗi chúng ta.

Đạo Phật có Phật Bà nghìn mắt nghìn tay bốn mặt của Ấn Độ giáo truyền qua Campuchia bốn mặt quay về bốn hướng. Con người có những mặt quay về các hướng khác nhau, nó thể hiện thần học và triết học. Chế Lan Viên tức nhiên cũng nói ý nghĩa chính trị trong đó rằng những gương mặt mà tôi chường ra chưa phải là gương mặt thật của tôi vì gương mặt thật của tôi chưa thể hiện ra được, bài thơ này nó có ý đó.

Bài thơ đó về mặt triết học nói về thân phận con người. Để mà làm người thì phải đi qua rất nhiều những con đường giả hình. Đi qua cái giả, từ cái giả chưa chắc đã nhận chân sự thật. Mọi cái anh tưởng là thật thì đấy là giả. Trong thần học, trong Phật giáo hay Ấn Độ giáo thì con người sinh ra và lớn lên bị ảo tưởng, bị sự dối trá của chính bản thân mình nó lừa mình cho nên tìm ra sự thật trong cuộc đời của chúng ta rất khó.

Nhưng ở đây cũng có thể nói đau đớn của Chế Lan Viên là cái gương mặt thật của anh phải giấu đi trong tăm tối của cái sâu thẳm trong tâm hồn mình chưa có dịp để trình ra với mọi người.

Chế Lan Viên đã trình ra mặt thật của ông ấy trong ba di cao thơ rất lớn của ông ấy vào lúc cuối đời và ông đã nói thật hết gần như toàn bộ con người của mình và phủ nhận con đường ông đã đi. Ông bị đi chứ không phải được đi và ông đau đớn vô cùng khi nhận thức ra điều đó.

Toàn bộ cuộc đời Chế Lan Viên nếu không có ba tập thơ sám hối này thì ông chỉ là một bồi bút của một chế độ toàn trị mà thôi.

Mặc Lâm: *Trong ba tập thơ đó thì “Bánh Vẽ” chúng ta đã nói qua còn bài “Trừ đi” thì sao?*

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: “Trừ đi” của ông ấy là thắng thường ngược lại. Nhiều người đọc bài thơ nhưng không để ý tới từ “đi”. Mà cộng vào thì tao trừ đi!

Trừ Đi

*Sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ
Có phải tôi viết đâu! Một nửa
Cái cần đưa vào thơ, tôi đã giết rồi
Giết một tiếng đau – giết một tiếng cười
Giết một kỷ niệm – giết một ước mơ – tôi giết
Cái cánh sắp bay – trước khi tôi viết
Tôi giết bão ngoài khơi cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời lên trên biển – Giết mưa
Và giết cả cỏ trong mưa luôn thể
Cho nên câu thơ tôi gầy còm như thế
Tôi viết bằng xương thịt, không có thịt của mình
Và thơ này rơi đến tay anh
Anh bảo đấy là tôi.
Không phải!
Nhưng cũng chính là tôi – Người có lỗi
Đã phải giết đi bao nhiêu cái
Có khi không có tội như mình
(Tập chí Văn, Paris 1992)*

Mặc Lâm: *Có một điều đáng kinh ngạc là Chế Lan Viên có thể là người duy nhất thừa nhận rằng do những giòng thơ tuyên truyền ca tụng của ông mà hàng ngàn con người đã chết trong trận Mậu Thân. Đây có thể nói chính xác là lời sám hối của một người có lương tri dám nhìn sự thật về tác hại của những lời giả dối của mình trong thơ ca, xin ông đọc cho thính giả nghe bài thơ hiếm có này...*

Nhà văn Trần Mạnh Hảo:

Ai? Tôi!

*Mộu Thân 2.000 người xuống đồng bằng
Chỉ một đêm, còn sống có 30
Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó?
Tôi!*

*Tôi - người viết những câu thơ cổ võ
Ca tụng người không tiếc mạng mình
trong mọi cuộc xung phong.
Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm
Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ*

*Quán treo huân chương đầy, mọi cỡ,
Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!
Ai chịu trách nhiệm vậy?
Lại chính là tôi!*

*Người lính cần một câu thơ giải đáp về đời,
Tôi ú ớ.
Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong
Mà tôi xấu hổ.
Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay
Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ
Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười!*

(Rút trong sổ tay thơ tập 5 của tác giả)

Hãy thoát khỏi thân phận bồi bút

Mặc Lâm: Vâng thưa ông Trần Mạnh Hảo, để kết thúc buổi mạn đàm hôm nay xin ông cho một kết luận về hai khuôn mặt Nguyễn Khải và Chế Lan Viên theo như kinh nghiệm sống cùng của ông đối với hai tài năng này.

Nhà văn Trần Mạnh Hảo: Ông Chế Lan Viên là người tài nhất trong thế hệ Tiền Chiến mà trong những năm theo cộng sản ở miền Bắc từ năm 54 đến năm 75. Ông viết văn hay và có thể hay hơn thời Điều Tàn. Còn Huy Cận, Xuân Diệu thì chỉ tài trong tiền chiến thôi chứ tới sau này thì chỉ có Chế Lan Viên là người vẫn viết hay.

Chế Lan Viên là một thiên tài còn Nguyễn Khải là tài năng lớn. Hai tài năng đại diện cho hai thế hệ, một thế hệ tiền chiến và một thế hệ chống Pháp đã nói lại cho thế hệ chúng tôi và các thế hệ mai sau rằng bất hạnh thay cho đất nước, cho quê hương chúng ta đã bị bắt đi theo một con đường sai lầm, đau khổ. Và bây giờ cái khao khát của Chế Lan Viên và Nguyễn Khải nhắn với hậu thế rằng con đường đi của các ông ấy là các ông ấy bị đi chứ không phải được đi và đây là con đường đau khổ, con đường đầy nước mắt, con đường không có sự thật và chân lý đi cùng. Cuối đời may mắn là các ông còn trở lại với hậu thế. Các ông ấy nhận chân ra điều đó và để lại cho thế hệ mai sau rằng hãy noi gương các ông mà thoát khỏi cái thân phận bồi bút theo đóm ăn tàn, thân phận đau đớn nhục nhã của người cầm bút, người trí thức.

Mặc Lâm: Xin cảm ơn nhà văn Trần Mạnh Hảo về buổi nói chuyện ngày hôm nay. Thưa quý vị thính giả chúng ta vừa biết thêm một chút sự thật về hai người, một là nhà văn Nguyễn Khải và hai là nhà thơ Chế Lan Viên về những những u uất của họ trong những lúc cuối đời. Xin kính chào hẹn gặp lại vào tuần sau cũng trên làn sóng này.

Hiện tượng sám hối

Trước tiên xin tóm lược một ít chi tiết về quá trình làm việc của nhà phê bình văn học Trần Mạnh Hào. Theo như ông kể thì ông sinh năm 1947 tại Nam Định. Lúc nhỏ Trần Mạnh Hào theo cha xứ đi giúp lễ và học kinh sách giáo lý chủng viện công giáo. Lớn lên đi học, vì lý lịch xấu không được vào đại học.

Năm 1975 ông từ rừng Lộc Ninh về Sài Gòn, ra khỏi lính làm báo dân sự. Năm 1982 vì viết bài thơ "Cho một người nằm xuống" để khóc Nguyễn Hồng ông bị treo bút ba năm. Năm 1989, in tiểu thuyết Ly Thân, ông bị cho ra khỏi đảng, đũa khỏi biên chế nhà nước.

Trần Mạnh Hào đã xuất bản trên dưới 30 đầu sách. Tuy nhiên từ 10 năm nay các bài viết của ông bị cấm in trên báo lề phải, không được xuất bản sách trong nước. Trần Mạnh Hào thú nhận hiện nay ông chỉ còn viết trên Internet cho vui... Trần Mạnh Hào cũng khẳng định rằng ông không làm chính trị mà chỉ làm văn học, làm sứ mệnh thiêng liêng của người cầm bút là nói lên, viết lên sự thật.

Thực tình

Mặc Lâm: *Xin cảm ơn ông Trần Mạnh Hào, câu hỏi đầu tiên có lẽ xin ông cho biết tại sao lúc gần đây lại có hiện tượng rất nhiều cán bộ cao cấp và văn nghệ sĩ nổi tiếng đã phát ngôn hay sáng tác nói lên những điều mà nhiều năm trước đây không ai dám nghĩ là sẽ xuất hiện trong chế độ toàn trị của đảng cộng sản Việt Nam?*

Trần Mạnh Hào: Theo tôi thì chuyện người ta già, người ta về hưu, khi nhìn thấy cõi chết thì người ta thường quay lại kiểm điểm cuộc đời và con người dù tàn ác đến đâu thì tạo hóa cũng cho một chút xíu lương tâm có thể nó đã ngủ quên cả cuộc đời nhưng khi về già, khi gần chết thì nó thức tỉnh. Chút xíu đom đóm lương tâm đó lập lòe trong tâm hồn con người mà cả đời họ làm ác, có thể nó thức tỉnh, nó làm cho người ta ân hận sám hối cho nên người ta nói lên sự thật, nói lên những điều thật nhất mà suốt đời không có cơ hội để nói.

Bi kịch Đi tìm cái tôi đã mất



Nhà thơ Chế Lan Viên và tác phẩm "Điều tàn", NXB Văn học.

Mặc Lâm: *Riêng về văn nghệ sĩ thì sao thưa ông?*

Trần Mạnh Hào: Giới văn nghệ sĩ rất nhiều anh em đã nói nhưng nổi bật nhất vẫn là ông Nguyễn Khải và Chế Lan Viên. Ông Nguyễn Khải là một nhà văn đi theo cách mạng từ năm 1945 là con một tri huyện mà là con một bà vợ hai nên khi theo cách mạng ông khai là không có cha để tránh việc bố ông ấy là quan huyện. Quê cha ông ở Nam Định nhưng ông khai quê mẹ ở Hải Dương và không có cha. Cha ông ấy sau này đến năm 54 thì di cư vào Sài Gòn.

Ông Nguyễn Khải là một nhà văn rất trí thức mặc dù ông chỉ học chưa hết trung học của thời Pháp nhưng ông ấy chịu đọc và suy nghĩ viết lách rất giỏi và rất thông minh. Cả cuộc đời ông ấy viết theo mệnh lệnh của đảng. Tất nhiên những cuốn sách ông ấy viết đã lách ra khỏi hệ thống một tí mà bây giờ người ta gọi là lè trái.

Trong sách ông ấy viết về lè phải nhưng khi mở ra người ta thấy đầy lè trái trong đó. Tức là cái lè phải là lè của đảng cộng sản còn lè trái là lè của những người bất đồng.

Trước khi chết ông Nguyễn Khải có viết mấy bài, sau khi ông ấy chết mới tung ra rất là sâu sắc. Nói chung là ông ấy viết một cách trí thức chứ không phải chửi bới vớ vẩn. Bây giờ ai vào trong Google đánh chữ Nguyễn Khải đều hiện lên những bài của ông ấy nói về những đau đớn của ông ấy như bài “Đi tìm cái tôi đã mất” hay là “Nghĩ muộn”. “Đi tìm cái tôi đã mất” ông lấy trường hợp của bản thân ông, một con người sinh ra đời, đi tìm chân lý, đi tìm sự thật đã thấy sự thật, chân lý mà không dám vô! Bởi vì đi vào thì sẽ bị tù, sẽ bị bắt sẽ bị giết. Một sự đau đớn vô cùng của một trí thức.

“Đi tìm cái tôi đã mất” ông lấy trường hợp của bản thân ông, một con người sinh ra đời, đi tìm chân lý, đi tìm sự thật đã thấy sự thật, chân lý mà không dám vô! Bởi vì đi vào thì sẽ bị tù, sẽ bị bắt sẽ bị giết.

Cả bài “Đi tìm cái tôi đã mất” của ông Nguyễn Khải cuối cùng ông ấy kết luận là: Đảng cộng sản nên trả chính quyền cho nhân dân, đã cướp chính quyền của nhân dân rất lâu rồi hãy trả lại cho nhân dân cái quyền đã đánh mất. Các quyền tự do, dân chủ tất cả phải trả lại cho dân. Ông ấy còn nói về thân phận đau đớn của người cầm bút trong chế độ cộng sản mà không dám nói lên sự thật.

Sự thật nó đến nhà nó ở trong tâm hồn mình. Chân lý nó nằm trong tâm hồn mình mà mình sợ, mình run rẩy không dám nhận nó. Mình run rẩy bảo nó rút đi vì nói ra bị tù bị tội rồi vợ con sống làm sao? Đi ăn mày à?

Cả cuộc đời ông Nguyễn Khải ông ấy viết trong sự sợ hãi. Ông ấy bảo làm người mà như con gián thì làm sao thành người được? Nếu quý vị đọc bài này của Nguyễn Khải thì quý vị thấy cái đau đớn vô cùng của người cầm bút trong chế độ cộng sản. “Đi tìm cái tôi đã mất” là một bài viết tôi cho là rất trí thức, rất uyên bác, rất hay. Nói về thân phận của người cầm bút trong một chế độ toàn trị. Trong một chế độ mà không ai dám nghĩ đến sự thật, chân lý. Vì nghĩ đến sự thật, nói đến chân lý thì sẽ bị giết. Đây là bi kịch lớn của chúng ta trong giai đoạn vừa qua.



Nhà văn Nguyễn Khải. Photo courtesy of Quê Choa.

Mặc Lâm: *Theo chúng tôi biết thì trước đây ông Nguyễn Khải rất thân tình với ông, có kỷ niệm gì giữa hai ông mà ông cảm thấy cần chia sẻ với thính giả hôm nay hay không?*

Trần Mạnh Hào: Tôi là người đã từng là đàn em thân thiết của Nguyễn Khải. Có những năm ông Nguyễn Khải vào Sài Gòn ở ba tháng trời trong nhà tôi và khi tâm sự với tôi thì ông ấy không nói dối điều gì cả. Ông nhận ra tất cả mọi cái nhưng không dám viết ra. Ông ấy tâm sự

với tôi và ông khóc. Lúc ấy Sài Gòn mới giải phóng vài ba năm ông ấy vào nhà tôi tại một chung cư văn nghệ sĩ ở Sài Gòn. Ông ấy ở với tôi, có ông Lê Lựu nữa.

Có những đêm anh em tâm sự với nhau mà ông khóc. Bởi vì con người ông Nguyễn Khải có học ông đọc sách, tiểu thuyết tiếng Anh tiếng Pháp thoải mái và ông rất uyên bác. Một con người như thế thì họ đau đớn là phải, vật vã là phải thôi. Phải viết những điều mình không muốn bởi viết những điều mình muốn mình tâm huyết thì không được in mà có in ra thì cũng tai bay vạ gió.

Cho nên ông Nguyễn Khải đau cái đau thân phận làm con người trong một chế độ toàn trị, không cho người ta tự do viết, trong khi mình là người cầm bút là nhà văn.

Ông bảo nhục nhã lắm, đau đớn lắm. Những bài viết như “Nghĩ muộn”, “Đi tìm cái tôi đã mất” Nguyễn Khải viết để trối lại cho đời sau, đọc thấy cay đắng và đau đớn vô cùng.

Mặc Lâm: Xin chia sẻ một điều tôi rất lấy làm lạ là tại sao Trần Mạnh Hảo lại nói được, chẳng hạn như bây giờ, mà Nguyễn Khải lại không nói được? Có phải giai đoạn này nói lòng tự do ngôn luận hơn hay chăng?

Đau đớn như vậy, chết rồi mới dám nói ra sự thật, chết rồi mới dám sám hối. Đây là một bi kịch đau đớn của người cầm bút.

Trần Mạnh Hảo: Nguyễn Khải không ở trong tư thế nói như tôi được vì tính cách của ông ấy khác. Ông ấy theo cộng sản từ năm 45 đến giờ và đã đi hết cuộc đời rồi cho nên ông ấy muốn nói với hậu thế cái điều thật nhất của ông ấy. Ông viết ra rồi ông bảo gia đình ông sau khi ông chết thì mới công bố.

Trong đám tang của Nguyễn Khải thì người ta mới biết bài viết của anh, được gửi cho những người trong đám tang và họ đưa lên mạng. Đau đớn như vậy, chết rồi mới dám nói ra sự thật, chết rồi mới dám sám hối. Đây là một bi kịch đau đớn của người cầm bút.

Nếu anh không có lương tri anh cứ cầm bút như một bồi bút thì suốt cuộc đời anh không biết hổ thẹn, anh không biết ân hận thì những người đó tôi không bàn đến.

Mặc Lâm: Thưa ông Trần Mạnh Hảo rất tiếc là thời gian của chúng ta hôm nay không còn nữa, chúng tôi biết một nhân vật nữa mà thính giả chúng ta đang chờ nghe vì sự có mặt của ông ta dưới mái nhà trường của cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Ông là một hiện tượng trong phong trào thơ Mới và sáng tác khi tuổi còn rất trẻ. Chỉ 16 tuổi ông ta đã nổi lên như một ngôi sao sáng qua tập thơ “Điều Tàn” với bút hiệu cũng lạ lùng và ấn tượng là Chế Lan Viên.

Xin đề nghị chúng ta sẽ dành một chương trình đặc biệt để nói về nhà thơ Chế Lan Viên, về những sáng tác sau cùng của ông với những nhận thức mà theo nhiều người cho rằng một sự sám hối với chính mình. Xin cảm ơn nhà văn Trần Mạnh Hảo về chương trình hôm nay, xin cảm ơn quý vị thính giả đã quan tâm theo dõi.



Thử lý giải hiện tượng Chế Lan Viên Trần Mạnh Hào

Lời dẫn : Chế Lan Viên là một nhà thơ mà người yêu kẻ ghét ngang nhau. Những người căm ghét Chế coi ông là hung thần chuyên đánh anh em để lập công dâng đảng. Phe thù Chế Lan Viên chính là phe đổi mới theo ông Nguyễn Văn Linh cởi trói cho văn nghệ và trí thức. (Ông Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã công khai thừa nhận đảng trói văn nghệ sĩ và trí thức khá lâu rồi, nay ta làm cách mạng cởi trói). Sau khi đảng thấy cởi trói cho các nhà văn là hớ, là lợi bất cập hại, liền trói đám cầm bút lại cho dễ quản lý. Chế Lan Viên đã thực hiện lệnh của đảng mà gây chiến với Nguyễn Ngọc và Hoàng Ngọc Hiến bằng đao pháp tung búng khói lửa trên báo Văn Nghệ. Tất nhiên, kẻ chiến thắng là người của đảng. Mối thù của phe đổi mới với Chế Lan Viên rất lớn, đến nỗi vì con người Chế mà họ toan phủ nhận tài thơ của ông. Chỉ sau khi Chế Lan Viên mất, ba tập thơ di cảo khổng lồ của ông được nhà văn Vũ Thị Thường (là vợ) công bố, trưng ra một Chế Lan Viên khác, một Chế Lan Viên phản Chế Lan Viên, một Chế Lan Viên dùng thơ để phản biện chính trị, để nói toẹt ra rằng ông đã bị lừa (bài “Bánh Vẽ”), ông đã có tội với nhân dân (bài “Trừ đi”- các ông Cộng vào thì Chế ta Trừ đi), ông đã đi nhầm đường...

Sự nhận thức lại rất quyết liệt này của Chế Lan Viên mà ông gọi là “Lộn trái”, là đảo chiều, là phản nhận thức, phản siêu hình, phản đề, rất đúng với nguyên lý của phép biện chứng Mác-xít, tôn trọng và đề cao yếu tố đối lập, yếu tố phản đề, phản biện trong nhận thức luận : “Mọi sự vật đều được cấu thành bởi các mặt đối lập thống nhất”. Không có sự tham gia của đối lập trong nhận thức, trong mọi hoạt động xã hội, được coi như là phản Mác-xít ! Sau khi ba tập di cảo thơ ra đời, hầu như phe đổi mới đã nhận thức lại về Chế Lan Viên; rằng hóa ra Chế mới là tổ sư đổi mới; rằng Chế chỉ giả vờ yêu đảng để yên thân mà viết di cảo thơ, lật lại con đường ông đã bị đi chứ không phải được đi...

Trong đời mình, Chế Lan Viên đã đánh nhiều người nhưng đã cứu nhiều người. Cuối năm 1974, trong rừng miền Đông Nam Bộ, nhà thơ Thanh Thảo có in bài thơ “Người lính nói về thể hệ mình” trong báo Văn Nghệ Giải Phóng do nhà văn Anh Đức làm tổng biên tập. Sau khi báo ra, ông Trần Bạch Đằng đọc bài thơ này của Thanh Thảo, liền nổi trận lôi đình, quy kết bài thơ phản động, nổi giáo cho giặc. Thanh Thảo nguy to, có thể bị bỏ tù ngay trong rừng vì một ông “Tổ Hữu con” là anh Tư Ánh (Trần Bạch Đằng) phán như thế. May quá, giữa Hà Nội, Chế Lan Viên đọc bài thơ này của Thanh Thảo và thấy bài thơ rất tốt, sao lại “giết nó”? Chế bèn tìm được chùm thơ khá hay của Thanh Thảo gồm ngót chục bài, liền in tất tặn tặn trên tạp chí “Tác Phẩm mới” cứu Thanh Thảo thoát án tù trong rừng Nam Bộ.

Năm 1982, trong trại viết văn ở Vũng Tàu do Hội nhà văn VN tổ chức, chúng tôi (TMH) có viết bài thơ : “Cho một nhà văn nằm xuống” nhân việc nhà văn Nguyễn Hồng mất. Ngay lập tức bài thơ lọt tới tay ông Hà Xuân Trường và ông Hoàng Tùng (ông HXT là ủy viên trung ương đảng, trưởng ban văn hóa văn nghệ trung ương, ông HT ủy viên trung ương đảng, trong ban bí thư trung ương đảng) tuyên bố phải bỏ tù tên phản động số một TMH ngay trong cuộc họp giao ban và đưa tin lên báo; rằng ngày xưa đảng trao súng cho tên Hào đi đánh Mỹ, nay hần dám dùng súng của đảng bắn vào đảng. TMH tôi biết chắc chắn mình sẽ ở tù.

Chế Lan Viên là người đầu tiên cứu chúng tôi bằng cách gọi điện đi khắp nơi cho các ông to. Ông còn viết thư tay cho ông Lê Đức Thọ, Trường Chinh, Tố Hữu (đưa thư cho chúng tôi đi gửi bưu điện) nói đừng bắt thẳng TMH, sẽ rất không tốt về chính trị, rằng đảng sẽ bị mang tiếng xấu là đàn áp quá mức nhà văn chỉ vì một bài thơ bất mãn ầm ờ... Ông viết cả thư cho Hoàng Phủ Ngọc Tường nhờ gọi đi các nơi cứu thẳng TMH. Trong thư viết cho HPNT, ông dùng hai câu thơ của Đỗ Phủ thương Lý Bạch, khi Lý Bạch bị vua bắt đeo gông, đầy đi Quý Châu để nói

về TMH đang lâm nguy : “Thế nhân giai dục sát / Ngô ý độc liên tài” (mọi người đều muốn giết / Riêng lòng ta thương tài). Chúng tôi còn giữ lá thư của anh Hoàng Phủ Ngọc Tường nói rất kỹ về việc này. (Việc chúng tôi thoát án tù năm 1982 còn do được nhiều “quý nhơn phù trợ” ví như nhà thơ Lưu Trọng Lư, nhà báo Thép Mới, ông Võ Văn Kiệt và ông Võ Trần Chí “hai ông Nam Kỳ này là Ủy viên Bộ Chính trị từng là Bí thư thành ủy TP.HCM”...) ...Vâng, Chế Lan Viên đích thị quê CHOA là người Quảng Trị, nơi “Những đời tranh ăn độc gió Lào”...

Xin bạn đọc vào hai bài chính :

CHẾ LAN VIÊN-NGƯỜI LÀM VƯỜN VĨNH CỬU

Ông đang ngồi nấu cám heo trong bếp, thấy khách tới, vội chạy ra mở cổng. Ông xin lỗi khách, chờ tí, vì nhà đi vắng hết, vả nồi cám heo đang sôi ở mức cao trào. Với gương mặt mồ hôi nhễ nhại, ông gân sức lực của người gần bảy mươi tuổi, ngoáy tí nồi cám heo bằng chiếc đũa cả sừng sỏ đáng vẻ rất chuyên nghiệp, như thể ông khiêu vũ cái vũ điệu của bếp núc.

Mới ngày hôm qua, từ cuộc hội thảo văn học tại Bồ Đào Nha về, với bao nhiêu chuyện trên trời, dưới đất, nào mây bay đi, nào hồn ở lại, nào các thiên hà có biết suy tưởng hay không đến sự ô nhiễm môi trường ăn mòn nhân tính...

Vâng, từ chân trời của thơ ca thế giới, với những hội nghị quốc tế, gặp gỡ đàm đạo với những nghệ sĩ lừng danh, những khách sạn sang trọng, những bữa ăn đắt tiền... Chế Lan Viên trở về với chân trời của riêng ông với gà heo, vườn tược và những bản thảo dập xóa như vườn cây bị nghìn bão đi qua. Từ năm 1937, năm tập thơ “Điều tàn” ra đời cho đến ngày ông mất, Chế Lan Viên đã bày, đã soạn cho người Việt Nam, cho văn hoá Việt Nam những bữa ăn thơ thịnh soạn, ngon lành, triu mến và sang trọng; chúng ta nào đã một lần biết được bếp núc thi ca ông vất vả, tần tảo và cực nhọc biết bao. Vâng, đôi khi văn học cũng cần phải có những nồi cám heo của mình, với những tro cùng trấu, những củi cùng lửa, những muối cùng ruồi, những mồ hôi cùng nước mắt...

Đúng như nhà phê bình Hoài Thanh nhận xét từ năm 1941: “Giữa đồng bằng văn học Việt Nam ở giữa thế kỷ hai mươi, Chế Lan Viên đứng sừng sững như một Tháp Chàm, chắc chắn và lẻ loi, bí mật... đột ngột xuất hiện giữa làng thơ Việt Nam như một niềm kinh dị...” Từ độ 16 tuổi đến lúc viên tịch, quả thực, Chế Lan Viên vẫn chắc chắn và lẻ loi, bí mật, thậm chí sau khi hai tập thơ di cảo đồ sộ của ông ra mắt, ông vẫn tiếp tục để lại sau mình vô vàn niềm kinh dị cho người đọc như lời tiên tri của Hoài Thanh.

Như một lữ hành đơn độc, Chế Lan Viên đã làm lũi vượt qua sa mạc siêu hình, đi từ “thung lũng đau thương đến cánh đồng vui” (đầu đề một bài viết của C.L.V.) Ra đến cánh đồng vui rồi, sao đôi lúc gương mặt ông vẫn đầm đìa giọt khóc? Và thơ ông, kỳ lạ thay, vẫn bàng bạc một nỗi đau như mưa phùn, như đom đóm, như thể những vết thương xưa của ông chưa chịu khép miệng mà chúng đang ca hát. Có lẽ, chính vì nỗi đau ma ám ấy, cái nỗi buồn thương định mệnh ấy đã làm nên cái bất tử của tập thơ “Ánh sáng và phù sa” do Nxb. Văn học ấn hành năm 1960, với số lượng phát hành kỷ lục: 6.070 cuốn. Tập thơ đã gây một tiếng vang cực lớn thời đó, chỉ trong vài ba tháng đầu đã bán hết. Có thể nói không ngoa rằng, “Ánh sáng và phù sa” đã thành cái mốc chuyển biến quan trọng của thơ Chế Lan Viên nói riêng, của thơ Việt Nam nói chung (trong tập thơ còn một số bài dở vì chính trị thô thiển, ví như bài : “Ngô tổng thống trong dinh thuốc độc”). Sau hai mươi lăm năm, kể từ Thơ Mới ra đời, đến lúc “Ánh sáng và phù sa”, thơ Việt Nam đã xuất hiện một thi pháp mới, một giọng điệu mới, một cách cảm nghĩ mới. Rất tiếc, một tập thơ quan trọng như thế của thi ca hiện đại, ba mươi tư năm rồi chưa được tái bản. Có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng, hầu hết các nhà thơ trên dưới năm mươi tuổi sống

trên đất Bắc, những bước đầu chập chững làm thơ, đều có chịu ảnh hưởng của “Ánh sáng và phù sa”.

Cái chết, niềm hư vô và niềm cô đơn là nỗi ám ảnh khôn cùng của thơ ông ngay từ thời niên thiếu. Tâm hồn ông hầu như đã biến thành vỏ ốc của sự chết, để ngọn gió hư vô thổi vào và ngân lên bài ca bi ai, hoan lạc của bản hòa tấu cô đơn. Mới mười lăm, mười sáu tuổi, ông đã đi lại trên mặt đất như một cái Tháp Chàm. Ông mơ trong cả khi tỉnh thức. Đôi mắt của hồn ông chỉ nhìn thấy thế giới siêu hình, toàn là những bóng ma, những âm hồn phiêu dạt, những óc phọt, những xương trào, máu cuộn. Ông coi cái thế giới bên kia mới là đích thực hơn cái thế giới bên này, tin vào hư mà ngờ thực. Rất may là trời chưa kịp ban cho ông đôi cánh. Nếu không, ông đã bay lên tím mù xanh thẳm, biến thành tinh cầu vô định, nơi con người cũng như thơ ca không còn một chút trọng lượng. Và vì chưa có đôi cánh, ông đã coi vòm trời kia bất quá cũng chỉ là một bóng cây, các vì tinh tú cũng chẳng khác gì một trái ổi:

“Kìa em trông một vì sao đang rụng
Hãy nghiêng mình mà tránh đi nghe em...”
(Đêm tàn)

Ông hợp nhất mình với vũ trụ như làn hương hợp nhất với vòm trời. Tuy nhiên, ông thừa biết trò chơi của tạo hoá: vũ trụ vô tận kia cũng mong manh như một cánh phù dung, nên khuyên người yêu cũng chính là để khuyên mình. Những vì sao chói ngời và run rẩy kia, mi có thể rụng như sung vào tình yêu của ta bất cứ lúc nào. Quả thực, mỗi ban mai, những vì sao kia rụng đâu hết cả. Và vì vậy, chừng như những người đang yêu vì phải né tránh cái rơi rụng của các tinh cầu, nên dáng đi của họ có vẻ nghiêng nghiêng, nếu không muốn nói rằng như vệt nắng xiên khoai... Tuồng như Chế Lan Viên suốt đời phải đi kiêu nắng xiên khoai như vậy, để né tránh các tinh cầu hư vô rớt xuống từ bầu trời cô đơn, cắt rừng siêu hình ra mà tìm đến con người. Và khi ông tìm thấy con người, ông đã gặp được nỗi đau. Nỗi đau ấy ông gọi là hạnh phúc.

Những ngày hoàn tất tập thơ “Ánh sáng và phù sa”, Chế Lan Viên vừa trải qua bệnh phổi nặng. Đến nỗi ông tin rằng mình sắp chết. Chừng như niềm hư vô như một con mọt đang ăn rỗng ngực ông như nó từng ăn rỗng cả vũ trụ. Bên cạnh đó, số phận đã bắt ông phải uống chén đắng của cuộc tình tan vỡ, khiến ông gần như không còn nơi bám víu nữa. Nhưng, ở bên bờ tuyệt vọng, ông đã may mắn gặp được nàng thơ của mình. Nàng thơ đó có tên là cuộc sống.

Chừng như mỗi lần cái chết tính gõ cửa hồn ông, ông lại có thơ hay. Có thể nói, trong phản ứng hoá học của tư tưởng và cảm xúc để tạo ra một chất thứ ba là thi ca, cái chết hầu như là một chất xúc tác kỳ diệu của Chế Lan Viên. Và những cơn đau chính là nhiệt độ, là lửa để tạo ra phản ứng thi ca của ông. Ông đã có những câu thơ rất hay về đất nước, về con người, những câu thơ ám ảnh suốt một thời trai trẻ của tôi và nhiều bạn bè khác:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét”

...

“Con nhớ em con thằng em liên lạc
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ...”

...

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn”
(Tiếng hát con tàu)

Đây là cái nhìn của ông, một người miền Trung về đất Bắc :

“Chỉ còn máu sông Hồng trong quả ngọt
Con chim ăn thấy vị phù sa trong tiếng hót”
(Giữa tết trồng cây)

Ông nhìn chân trời trong bài “Độc Kiều”:
“Cỏ bên trời xanh một sắc Đạm Tiên”

Ông nhìn thấy được tiếng chim và nghe được mùi hương quả chín từ thăm xa đưa tới, trong một tình thương bình dị mà thăm sâu đến sững sờ:

“Tiếng cu xa gáy đến phòng em
Bóng nhàn theo vào với tiếng chim
Bệnh yếu, em chưa về hái quả
Thương em, mùa lại đến đây tim”
(Tiếng chim)

Quả thực, Chế Lan Viên có rất nhiều thơ hay, tứ thơ hay, nhiều bài thơ tứ tuyệt tuyệt vời, vừa rưng rưng sương khói cảm xúc, lại vừa chói lòa ánh sáng của trí tuệ. Ông tìm thấy ánh trăng sao trong bùn đất, thấy cái thơ non ngay trong linh hồn đá sỏi; thấy cái nước, cái lạnh trong lửa và ngược lại. Tôi đề rằng ông đã suy tưởng bằng trái tim và xúc cảm bằng bộ óc? Và vì vậy, Thượng Đế chừng như đã cấu tạo nên cơ thể ông trong lúc Ngài mãi làm thơ trong trạng thái hưng phấn không bình thường, nên đã bỏ lộn trái tim ông vào hộp sọ và đem bỏ hai bán cầu não ông xuống phía ngực trái?

Có người hận ông vì điều gì đó đã cho rằng, tâm hồn của ông “Điêu tàn” thưở nào như vàng trắng non đã bị gấu ăn hết. Rằng, Chế Lan Viên chỉ còn thuần có bộ óc. Rằng, ông chỉ làm thơ bằng trí thông minh, bằng trò chơi ma giáo của chữ nghĩa... Do đó, thơ ông trong suốt như nước phèn, không sinh vật cá tôm nào, thậm chí đến cả phù sa cũng không sống nổi trong cái dung dịch thơ lý trí kia (!) Không, vàng sáng của trí tuệ Chế Lan Viên đầy năng lượng sương khói, cái lý trí đầy ắp bản năng của ông bao giờ cũng là mảnh vườn màu mỡ cho thi ca sinh trưởng. Chúng ta thử đọc qua một bài thơ tứ tuyệt: “Tháp Bay-on bốn mặt”, ông đề dưới là viết trong mùa bệnh 1988, xem ông viết bằng trí thông minh hay viết bằng tình cảm :

“Anh là tháp Bay-on bốn mặt
Giấu đi ba, còn lại đấy là anh
Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc
Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình”

Vâng, có thể ông đã viết bài thơ này bằng trí thông minh, nhưng là trí thông minh của nỗi đau, của niềm nhức nhối. Hồn ông hình như vẫn lảng vảng, lẫn khuất đâu đây như ánh trăng, như hơi thở của ngôi nhà lý trí. Khi bài thơ đã đạt được sự hay, nó không còn phân biệt đâu là tư tưởng, đâu là cảm xúc, đâu là xác, đâu là hồn nữa.

Có người bảo Chế Lan Viên là người hai mặt trong đời và hai mặt trong thơ. Người ta đã cố ý biến ông thành con thò lò, thành con rối của thời thế, để đổ hết lỗi của những người khác vào ông. Làm như chính ông đã gây ra những thảm họa, những bi kịch của đời sống, những tráo trở bất nhân của kiếp người. Họ vẽ chân dung ông ra thành con ngáo ộp của văn nghệ, chuyên bắt nạt và sát phạt anh em (cũng có một phần đúng) (!) Như bài thơ vừa trích dẫn, Chế Lan Viên tuyên bố rằng ông như tháp Bay-on có đến bốn mặt cơ, phải giấu đi ba mà chỉ bày ra một mặt. Đừng hiểu cái mặt này theo ý nghĩa chính trị. Xét về ý nghĩa triết học, mỗi con người quả tình có đến nghìn muôn bộ mặt giấu bên trong. Cái con người bên trong của chúng ta đã được tôn giáo diễn đạt bằng tượng Phật nghìn mắt, nghìn tay và dĩ nhiên phải hiểu là có cả nghìn gương mặt. Vậy cái chuyện bảo Chế Lan Viên có hai bộ mặt ầu là chuyện thừa. Mỗi bộ mặt của hồn thơ ông hầu như quay về những hướng khác nhau, kéo bản thể của ông đi về muôn phía, toàn là những phía trái ngược nhau. Do đó, cái con người tinh thần của ông từng phút giây đều phải đau cái nỗi đau đoạn trường của Vệ Ưởng bị bầy con trâu kéo nát thịt da về bảy hướng.

Nỗi đau chính là tình nhân đầu tiên và cuối cùng của thơ ông :
“Đầu là Chúa cũng sinh từ ruột máu
Ta để ra đời sao khỏi những cơn đau”
(Tổ quốc có bao giờ đẹp thế này chăng?)

Từ “Điều tàn” đến “Ánh sáng và phù sa”, Chế Lan Viên phải mất gần hai mươi năm trần trở, quần quai, vật vã trên con đường đau khổ như chữ dùng của nhà văn Nga A-lếch-xây Tôn-xtôi. Ông đã phải bỏ đi, phải vượt qua cả một tập thơ của mình: “Gửi các anh”. Tập thơ này hầu như không phải do chính tay ông viết, nhợt nhạt và ảm ờ, giản đơn và tầm thường. Nó chính là một tập thơ đẽm, một trạm trung chuyển, một gã ăn theo. Cũng giống như trong các tập thơ hùng vĩ của mình, đầu đây vẫn thấy thơ ông còn những bài đẽm, những bài thơ trung tính, trung bình, những bài thơ cảm xúc bò như sên và lý lẽ thì phóng nhanh như tên lửa. Nhưng đó là chuyện bình thường, đừng vì một hạt sạn bé con mà bỏ đi cả nồi cơm gạo tám thơm ngon.

Chế Lan Viên là một thiên tài. Mà tất cả các thiên tài đều tự mâu thuẫn, nhiều giảng xé không sao giải quyết. Trong ông, con sư tử và con nai ở chung với nhau, mèo phải hội họp với chuột, cái ác và cái thiện là một cặp bài trùng chuyên môn cãi lộn nhau, sự thủy chung và sự phản bội phải làm phép hôn phối trước vị linh mục có tên là nhân tính. Ông phức tạp hơn cái người ta hiểu bội phần. Thậm chí, cái sự phức tạp, nhiều khê, rối rắm, thậm chí hỏa mù của thế giới nội tâm mình, ông cũng không tự nhận thức nổi.

Trong cuộc chiến tranh thành Troie của tư tưởng nhập cuộc, của hành động dần thân chống lại cái tình cảm hồng hoang mù sương của tầng tháp cổ, của bóng ma trời siêu hình, siêu tưởng, tâm hồn ông bao giờ cũng là một bãi chiến trường đầy áp thương vong và chiến tích. Nói cho cùng, cuộc đời của một thi sĩ kể ra cũng chẳng lấy gì làm sung sướng, toàn là đau dùm và khổ mượn, lấy nỗi buồn của chim sa cá nháy làm nỗi buồn của chính mình, đại dột công vòm trời trên lưng như công một em bé, để rồi ảm ờ luôn hồ nghi, luôn tự hỏi mình đang đi, đang sống đây hay là một đám mây, một quãng lau trắng?

Từ “Ánh sáng và phù sa” rời qua các tập thơ lừng danh: “Hoa ngày thường – chim bèo bả”, “Đối thoại mới”, “Hái theo mùa”, “ Hoa trên đá”... và hai tập thơ di cảo, Chế Lan Viên luôn luôn phải đơn độc chống trả với thế giới siêu hình. Ghét của nào trời trao của đó, cố gắng đến cạn sức lực để chống lại cuộc chiến tranh không giới tuyến, mà đám giặc-siêu-hình kia luôn luôn “mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm”, nên Chế Lan Viên đến phút lia đời vẫn không thoát khỏi ám ảnh siêu hình. Bởi vì, cái siêu hình kia nó không nằm ở ngoài ông, mà nó tồn tại, nó đóng tổng hành dinh trong chính tâm hồn ông, trong tốc độ vũ trụ của tư duy ông, nó bày binh bố trận trong hơi thở, trong cái nhìn bản năng ông. Cái mà trong đoạn thơ dưới đây trích trong bài thơ “Gió lật lá sen hồ” ông viết năm 1988, tức là trước khi mất một năm, ông gọi là “ai đó”. Bởi, “ai đó” cứ ném thia lia trong hồn ông:

“Gió thổi lá sen hồ lật lại phía bên kia
Phía ấy gọi anh về
Về đâu chưa biết nữa
Chỉ biết hồn anh lật lại cùng với gió
Ở trong hồn ai đó ném thia lia”

Ồi cái phía bên kia, cái phía gọi anh về, chắc là ông đã linh cảm được phía ấy, nhưng vì sợ nên chưa gọi thẳng tên nó ra mà thôi. Cái phía bên kia của mặt trăng, cái bên kia của thế giới có tên là cái chết. Mà cái chết với Chế Lan Viên chính là tên gọi thứ hai của cõi siêu hình. Từ bỏ cõi siêu hình trở về cõi thực, Chế Lan Viên hầu như đã phải chết đi một con người, cứ tưởng ông đã hồi sinh thành một con người khác. Ai dè, sau những cơn vui chiến thắng, sau những hò reo, những hoan hô, ca tụng, những hạnh phúc đầm đìa khóe mắt, ông lại trở ra chỉ còn lại một

mình với con một hư vô đang từng ngày gặm nhấm cuống phổi mình như chuột gặm. Mà suốt mấy chục năm reo cười, hò hát bản anh hùng ca thời đại hết sức tuyệt vời, hết sức chân thành, cảm động nhưng đôi khi cũng lại ngô nghê, sống sượng và vờ vịt, riết rồi cũng mệt, riết rồi cũng khản tiếng, tàn hơi. Nói cho cùng, niềm vui hầu như không có khả năng tạo ra thế giới; chỉ có tiếng cười hèn hèn như pháo tết đầu có thể tạo ra nghệ thuật. Vâng, cuộc đời thực kia, ông đã yêu đến cạn cùng hai lá phổi, yêu như “đêm xuân người vợ trẻ yêu chồng”, yêu đến ghen thờ, đến cuống quýt, ồn ào. Tuy nhiên, chạy một mạch mấy chục năm như con trẻ chạy theo con điều giấy, Chế Lan Viên đột ngột dừng lại suy nghĩ về cái thế giới “danh vọng âm ào, vinh quang xí xố”. Và, nói đi rồi cũng phải nói lại mới toại lòng nhau, chẳng ai nở bắt bẻ một thi sĩ suốt đời cúc cung tận tụy cho lý tưởng, khi chợt một ngày nào đó trước nỗi chết, ông theo phép biện chứng mà lộn trái các sự vật:

“Xưa nghiêm túc, nghiêm trang
Giờ nửa khôn, nửa dại
Lộn lèo trong gió trái”
...“Chơi trò hề lẳng nhăng
Bớt cái điều trọng đại”
...“Bắt chước đào lộn hột
Vỏ tâm hồn lộn tuốt
Bớt bớt điều kiêng khem”
(Lộn trái – 1988, ba hôm trước ngày lật trái phổi ra cắt)

Cuộc đời thì vui vẻ thế, có sao thời thế lại hắt hiu như một người đánh cờ với chính bản thân mình: “Để anh chơi chỉ có một mình”. Nhà thơ chợt buồn đến lặng cả người khi: “Chả hiệp sĩ nào buồn xách gươm lên ngựa / Gươm muốn làm lạnh cùng cối xay”. (Don Quichotte). Chế Lan Viên đã đi, đã chạy, đã bay mà không đuổi kịp chân trời: “Vọng phu tình ái, vọng phu thơ, vọng phu lý tưởng”. Bởi ông hiểu thấu cái nỗi đời trớ trêu, tưởng được đó mà mất đó, vừa thấy TẠO xong, đã HOÁ liền:

“Ai có một chân trời
Và mất gì sau đó phía chân mây?”
(Vọng phu)

Ngỡ đã tới đích của đời, ai dè đẩy lại là khoảng trống vô cùng của hư vô, cái lỗ kim siêu hình mà cả đời ông chạy theo râu chỉ hiện thực:

“Tôi như người râu sợi chỉ vào cây kim ngay trước mặt
Chỉ đã lọt rồi, kim bỗng lùi xa
Tôi đã bước lên một bước, Kim lùi thêm một bước”
(Hồi ký bên bàn viết)

“Có lúc chỉ lọt vào rồi lại sảy
Xâu vừa xong gió tuốt nửa chừng
Lỗ kim...lỗ kim trước mắt”
(Xâu kim)

Giờ đây, ở thế giới bên kia, bằng sợi chỉ duy vật, hẳn là Chế Lan Viên đã xâu được cái lỗ kim tôn giáo, cái lỗ kim vô hình mà con lạc đà trong Kinh Thánh không thể nào chui lọt. Cái lỗ kim ấy cũng có tên là chân trời, là xa vời lý tưởng, là cõi đích thực của cái đẹp vĩnh hằng; nơi sinh thời, suốt bảy mươi năm, ông đã kéo bản thân mình ra thành sợi chỉ, làm lụi và dăm dăm hướng tới như con chiên hướng về tín ngưỡng của mình. Nhưng chừng như tất cả đều vô vọng, tất cả còn vẫn ở đâu đó. Phép lạ, có lẽ chỉ có khả năng xảy ra sau khi ta ngừng thờ. Rốt ráo, tính nhân văn cao cả của thơ Chế Lan Viên chừng như đọng lại thành phù sa, thành ánh sáng ở chỗ này đây. Ông ví mình như con ong của thời thế, đến đây yêu xong là chết, vất vả

cực nhọc, cực cung tận tụy, tận hiến, tận trung, tận tình mà chẳng hề mang về cho mình một chút gì ngoài niềm đau, thi ca và cái chết : “Làm nên mặt đạo đức / Chẳng hút gì ở môi”. Sinh thời, ông không hề ta thán oán trách gì, đòi hỏi mè nheo gì. Nhưng, đối với thời đại này, ông quả là một đại công thần về văn hóa. Ông đã đi hầu khắp thế giới, trừ có Mỹ châu, để làm người thuyết khách, người rao giảng của cách mạng, của cuộc kháng chiến cứu nước. Trong thời chống Mỹ, tùy bút “Những ngày nổi giận” có sức mạnh tinh thần của cả mười đạo binh. “Những bài thơ đánh giặc”... của ông có sức mạnh ngang hàng với sức mạnh của những dàn tên lửa Sam một, Sam hai. Sự đóng góp của ông thật vô cùng to lớn. Thế nhưng, ông được đãi ngộ cái gì? Ông chưa hề được cấp nhà một lần trong đời, không bao giờ có được cái điện thoại. Cho đến khi mất, ông chưa hề được những nhà xuất bản nhà nước tái bản một cuốn sách nào. Ông sống đạm bạc mà thanh cao, tự tại nơi khuất nẻo xa xôi trong góc ngoại ô phía Tân Bình. Đến nhà ông mùa mưa thì lầy lội, mùa khô thì bụi mù. Ngôi nhà của ông quá đỗi đơn sơ, chẳng có gì quý giá ngoài trang bản thảo.

Nhưng con người ông với tất cả nội lực phi thường, vẫn thung thăng đi tiếp về phía chân trời của triệu người, từ chân trời tháp cổ cô đơn của mình như lời khuyên của P. Eluard. Ông là người “ăn cây nào rào cây nấy”, chẳng như ai kia “được ăn, được nói, được gói mang đi, được hòn chì ném lại “. Thế mà có lắm người cuống cả lên, làm như Chế Lan Viên đã ăn hết lộc của thiên hạ. Ông ăn gạo nhà Chu và ông có bồn phận rào cây lúa nhà Chu. Bá Di, Thúc Tề lên rừng ăn lá ư? Nhưng rừng kia cũng vẫn của nhà Chu cơ mà? Điều đó giải thích thái độ quyết liệt, thậm chí riết róng, dữ dằn đặng đặng sát khí của ông trong hàng loạt bài tiểu luận về quan điểm nghệ thuật khi phải tranh biện, cãi vã. Và vì vậy, có khá nhiều người không ưa ông, rồi không ưa luôn cả thơ ông nữa. Nhưng ở đời, cái gì ra cái ấy, sự nghiệp thi ca đồ sộ của ông đã thành tài sản chung của dân tộc. Ông có thể vay trả, ân oán với người đời ở chỗ khác; nhưng với thơ, ông mãi mãi là cây đại thụ của thế kỷ hai mươi trong lịch sử văn học nước nhà. Có thể ông đúng. Cũng có thể ông sai. Nhưng ông có quyền bảo vệ những quan điểm chính trị của mình. Chỉ có điều thuộc về tính khí, trong tranh biện, ông là người đôi khi truy đối phương tới cùng, quyết không cho đối phương đứng lại thở. Vâng, mỗi con người đều có những khiếm khuyết để tồn tại, huống hồ ông lại là một tài năng lớn, một người tầm cỡ mang trong mình tất cả thiên ác của thời đại, tất cả nghịch lý của kiếp người, cái mâu thuẫn không sao giải quyết của số phận. Trong bài thơ “Từ thế chi ca”, ngay cả khi trần trối mà ông còn đáo đẽ:
“Những kẻ nguyên rửa anh sẽ buồn
Chả còn anh cho họ giết
Dao sẵn rồi họ không dễ để yên”

Chế Lan Viên, xin ông hãy yên trí làm vườn lan nhà họ Chế ở bên kia biển, bên kia trời siêu hình; bởi trên đời này, người yêu ông, kính trọng và khâm phục ông nhiều vô kể. Những người không ưa ông còn ở trong quá khứ. Nhưng ông và thơ ông đã bay về phía tương lai của con người!

Chế Lan Viên là người Mác-xít. Vâng, cả Picasso, Romain Rolland, Eluard, Aragon, Neruda... cũng đã từng là người Mác-xít (nhưng cuối đời họ đã từ bỏ Mác-xít). Điều kiện tiên quyết để trở thành người Mác-xít là phải theo chủ nghĩa vô thần. Nhưng Chế Lan Viên lại cho rằng con người có linh hồn và khi chết rồi, linh hồn con người bất tử. Ông trần trối lại cho vợ con sau khi ông chết, hãy đốt xác ông, lấy tro đem gói vô chùa. Và như vậy, chết rồi ông mới đi tu, mới trở về với Phật mà khi sống ông không ngớt hồ nghi. Tôn giáo là nỗi ám ảnh khôn nguôi suốt một đời ông sống.

Nhà Mác-xít Chế Lan Viên tự mâu thuẫn với nhà Phật học Chế Lan Viên. Như trên đã nói, ông tập trung mọi nghịch lý, mọi mâu thuẫn của thời đại quá nhiều tôn giáo mà thiếu đức tin này. Đúng như lời của Jiri Wolker: “Qua nhà thơ, người ta thấy tầm cỡ thời đại mà ông ta sống”. Chế

Lan Viên chính là một thời đại của thi ca của lịch sử xã hội Việt Nam trong thế kỷ đầy đau thương, bi hài kịch mà đầy hùng khí, đầy mê muội hèn hạ xấu xa. Tráng ca, anh hùng ca cũng là ông, mà bi ca, khóc ca cũng lại chính là ông. Điều đó làm ta dễ hiểu khi đọc những bài thơ làm giật thót mình các phía như bài “Trừ đi” và “Bánh vẽ” (Sẽ đọc sau bài này); thậm chí có nhà chính trị cực đoan còn bảo họ Chế thực chất là “phản động ngầm”. Phàm con người muốn biện chứng phải biết phản biện, muốn tin tưởng, cần phải học được cách nghi ngờ. Mác cũng từng khuyên người trí thức luôn phải biết nghi ngờ. Bởi vì khoa học chỉ có thể là chính nó, khi nó tồn tại trong niềm nghi hoặc của con người. Suốt một đời đi xuôi, trước lúc lìa đời, con người cần phải đi vài bước ngược lại, quay lại một chút mà ngẫm nghĩ, mà suy tưởng về thân phận mình. Vì vậy, chúng ta càng yêu ông hơn vì cái nổi đau đời, cái nỗi buồn tủi, cái niềm biết thân, biết phận của mình rất chi là người, là trần gian, rơm rác, bụi bặm, đời thường :

“Anh đeo tâm hồn thành con rối để yêu em
Anh hoá gỗ, hoá dây, hoá đại khờ, ngũ sắc
Tuồng tích ấy chú rối mình đủ khóc
Cần chi bàn tay nào đến giật giật dây thêm
Anh rối nước muốn lên bờ cùng rối cạn
Em đi xa, ao thương nhớ hoá đây
... Anh đứng giữa lệ mình trơ trơ không dám khóc
Vui nỗi gì khán giả vỗ ran tay?”
(Rối cạn và rối nước)

Bài thơ làm nhức nhối người đọc, hướng hồ là người viết ra nó phải đau, phải nhân tình thế thái biết là chừng nào. Nói về mình khi chưa gặp cách mạng, Chế Lan Viên viết: “Lòng ta thành con rối / Cho cuộc đời giật dây”. Ngày đó ông mới vừa hai mươi lăm tuổi, sân khấu đời ông đã kịp diễn gì đâu? Con rối ấy hoạ có chăng là rối siêu hình? Còn giờ đây, con rối nước xưa đã bỏ lờn ngòm lên cạn như ếch nhái, để lại diễn đủ trò như con rối cách mạng cho thiên hạ vỗ tay. Còn mình thì vẫn rối như sợi chỉ hiện thực trước lỗ kim vô cùng?

Càng gần tới cái chết, thơ ông viết càng hay, càng bớt chất luận đề, chính luận, càng thêm cảm xúc và sâu đọng. Hầu hết các nhà thơ mới, kể cả Xuân Diệu, Huy Cận, cái phần thơ hay nhất, đóng góp lớn nhất cho thi đàn lại là những thi phẩm ra đời trước năm 1945. Chỉ có Chế Lan Viên và phần nào Tế Hanh, mà những trước tác sau này thậm chí còn đồ sộ, còn hay hơn nhiều thời tiền chiến. Sau Thơ Mới, ông đã làm cho Thơ Mới được mới thêm một lần nữa. Đây chính là sự đóng góp có tính tiền phong, tính mở đường của thơ Chế Lan Viên cho thời đại thi ca mới. Chính ông mới là nhà thơ hiện đại đúng nghĩa nhất của nó.

“Lòng ta mục đồng / Cũng đi chăn đày”... .. “Tôi chỉ là nhà thơ cưỡi trâu”. Do đó, đôi khi thi ca cũng cần được tung tăng hồn nhiên như con nghé ọ. Nhà thơ không cựa sừng làm nghé, vì tâm hồn ông đã được thả rộng trên đời này để có lúc vừa ăn cỏ của đời sống, vừa uống nước sông Ngưu siêu hình của trời xanh:

“Con trâu nghé ọ
Có cặp sừng bờ ngõ
Chiều buồn không biết cọ vào đâu”
(Cờ lau Đỉnh Bộ Lính -1988)

Câu thơ viết như chơi, viết như đùa, như không mà hay đến nghi hoặc. Yêu biết bao nhiêu cái cặp sừng non bờ ngõ của thi ca. Này con nghé ọ, mi đang cọ sừng vào cõi hư vô mà chẳng biết. Nhà thơ bảy mươi tuổi nhưng thi ca của ông sinh ra muôn đời phải là con trẻ, phải là con nghé ọ của đời. Con nghé thơ sẽ lớn thành con trâu kéo cày trên cánh đồng văn học. Và, trâu thơ ọ, sau khi người chết đi, người đời sẽ mượn da người làm trống, để đánh lên nhịp nhẩy, nhịp sống của con người. Và trâu thơ ọ, xin mi để lại cặp sừng làm chiếc tù và báo động. Đi từ

cặp sừng non của con nghé đến chiếc tù và của con trâu, Chế Lan Viên vẫn tiếp tục cất lên tiếng trống, tiếng tù và, báo hiệu một ngày mới trên cánh đồng vĩnh cửu của thi ca...

Xin đọc thêm bài thơ trong Di Cảo Thơ Chế Lan Viên:

Trừ đi

Chế Lan Viên

Sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ
Có phải tôi viết đâu! Một nửa
Cái cần đưa vào thơ, tôi đã giết rồi
Giết một tiếng đau – giết một tiếng cười
Giết một kỷ niệm – giết một ước mơ – tôi giết
Cái cánh sắp bay – trước khi tôi viết
Tôi giết bão ngoài khơi cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời lên trên biển – Giết mưa
Và giết cả cỏ trong mưa luôn thể
Cho nên câu thơ tôi gầy còm như thế
Tôi viết bằng xương thối, không có thịt của mình
Và thơ này rơi đến tay anh
Anh bảo đấy là tôi.
Không phải!
Nhưng cũng chính là tôi – Người có lỗi
Đã phải giết đi bao nhiêu cái
Có khi không có tội như mình
(Tạp chí Văn, Paris 1992)

Chế Lan Viên - Ai? Tôi!

Mậu Thân 2.000 người xuống đồng bằng
Chỉ một đêm, còn sống có 30
Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó?
Tôi!
Tôi - người viết những câu thơ cổ võ
Ca tụng người không tiếc mạng mình
trong mọi cuộc xung phong.
Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm
Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ
Quán treo huân chương đầy, mọi cỡ,
Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!
Ai chịu trách nhiệm vậy?
Lại chính là tôi!
Người lính cần một câu thơ giải đáp về đời,
Tôi ú ớ.
Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong
Mà tôi xấu hổ.
Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay
Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ
Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười
(Rút trong sổ tay thơ tập 5 của tác giả)

Bánh vẽ

Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối
Đêm vui
Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?
Rốt cuộc anh lại ngồi vào bàn
Như không có gì xảy ra hết
Và những người khác thấy anh ngồi
Họ cũng ngồi thôi
Nhai nhồm nhoàm
(Prométhée 86, Văn học và Dư luận, 8-1991)

CHẾ LAN VIÊN VÀ BA NIỀM SỬNG SÓT

Mới mười lăm, mười sáu tuổi đầu, tâm hồn cậu thiếu niên Chế Lan Viên kỳ lạ thay, đã bằng tuổi Tháp Chàm. Hay chính là hồn vía Tháp Chàm miền Trung đã nhập vào thân xác nhà thơ từ thuở lọt lòng, mượn chú hài đồng họ Phan mà oa oa cất tiếng khóc nghìn năm ứ nghẹn tự muôn trùng gạch đá?

Sau này, lớn lên, đi học tại Quy Nhơn, Chế Lan Viên lại bị vây bủa bởi những Tháp Chàm cô độc, như những cánh tay hư vô đột ngột giơ lên xin phát biểu ý kiến với trời xanh. Những Tháp Chàm bí mật, cầm nín mấy trăm năm chợt hu hu khóc nức, chợt hú rít lên, rên la lên, chợt rúc lên u u ơ ơ tiếng tù và địa phủ bằng vắn điệu, bằng thi ca “Điêu tàn”, như tiếng phát ngôn của dân Hời vạn thuở. Tập thơ được viết xong lúc tác giả mười sáu tuổi, ra mắt làng thơ năm 1937. “Điêu tàn” như một hiện tượng kỳ vĩ, ngay lập tức làm sững sốt thi đàn Việt Nam, “như một niềm kinh dị” theo chữ của Hoài Thanh. Không sững sốt, không kinh dị sao được khi một cậu thiếu niên đáng vẻ hiền lành, bỗng học được phép chui vào quan tài của nỗi hư vô, dùng thi ca tỏ tình với cái chết.

Chế Lan Viên dẫn đầu một phái đoàn ma, kéo vào thi đàn Việt Nam như cô hồn thập loại chúng sinh của Nguyễn Du xưa kéo về rằm tháng bảy: “Muôn ma Hời sờ soạng dất nhau đi” (Trên đường về). Ông ước: “Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh / Một vì sao trơ trọi cuối trời xa” (Những sợi tơ lòng). Tinh cầu ấy, vì sao ấy, với Chế Lan Viên chính là chiếc sọ người. Chiếc sọ người – biểu tượng hóa niềm siêu hình thăm thẳm, bao hàm ba trạng thái: cô đơn – cái chết – hư vô từng thách đố triết học và tôn giáo. Chế Lan Viên dùng thi ca giải mã chiếc sọ người mong tìm tôn giáo và triết học, tìm bí mật phía bên kia tồn tại, như tìm nỗi không đâu vơ vẩn kiếp người. Với “Điêu tàn” bầu trời kia cũng mang hình hộp sọ. Tinh cầu – sọ người bay lơ lửng trong không gian Chế Lan Viên, như một thứ hạt giống thi ca gieo vãi hư vô lên từng trang giấy. Đến nỗi nhà thơ muốn cắn chiếc sọ người vỡ tan như cắn hạt bồ đào: “Ta muốn cắn mi ra từng mảnh nhỏ / Muốn điên cuồng nuốt cả khối xương khô” (Cái sọ người). Hãy nghe Chế Lan Viên nói về công việc trước tác của mình: “Nền giấy trắng như xương trong bãi chém / Bỗng run lên kinh hãi dưới tay diên / Tiếng bút đưa rợn mình như tiếng kiếm / Nạo những thành sọ trắng của

ma thiêng” (Tiết trinh). “Điều tàn” mang âm hưởng sợ người cọ nhau ken kết, như cái chết cũng biết nghiêng răng.

Trong lời tựa “Điều tàn”, Chế Lan Viên viết: “Hàn Mặc Tử nói: Làm thơ tức là điên. Tôi thêm: Làm thơ là làm sự phi thường. Thi sĩ không phải người. Nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ, là Tinh, là Yêu. Nó thoát hiện tại... Nó gào, nó thét, nó khóc, nó cười. Cái gì của nó cũng tốt cùng. Nó gào vỡ sọ, nó thét đứt hầu, nó khóc trào máu mắt, nó cười tràn ra cả tủy là tủy. Thế mà có người tự cho là hiểu được nó rồi đem nó so sánh với Người...”. Có thể nói đây là tuyên ngôn của trường thơ “Loạn” bấy giờ. Một số yếu tố trong tuyên ngôn trên còn ứng với Chế Lan Viên suốt đời ví như mệnh đề “Cái gì của nó cũng tốt cùng”. Chịu ảnh hưởng thi pháp Beaudelaire và Edgar Poe, cộng với siêu hình tôn giáo và thơ Đường, nhà thơ đã làm nên Tháp Chàm “Điều tàn” hay đến kinh hãi. Những tuyên ngôn thơ trên của Chế Lan Viên, phải chăng là sự mô phỏng Beaudelaire – kẻ gây sốc, “nhà thơ bị nguyên rủa” (le poète maudit), loài “Ác hoa” dị thường, mở đầu trào lưu thơ hiện đại Pháp bằng cách phá bỏ mỹ học hài hòa cổ điển Apollon, nghiêng về mỹ học phản hài hòa, xộc xệch, rách rưới, mê sảng Dionisos, mở ra một thế giới thi ca phi thường, rùng rợn, cuồng điên với tuyệt đỉnh đàn bà, hư vô và cái chết. Lấy màu vàng sắc không nhà Phật nhuộm lên thi pháp Beaudelaire, kết hợp linh diệu Christ, sắc không nhà Phật và niềm hư ảo Ấn Độ giáo Tháp Chàm, Chế Lan Viên muốn đập vỡ sọ ma Hời tìm hư vô, tìm cái vô cùng, vô hạn. Nhưng ông đã không tìm thấy gì ngoài nỗi cô đơn co rút lại nơi hồn mình, như loài chim cú siêu hình chui vào ruột đêm lẫn trốn. Nhà ma học Chế Lan Viên tu với ma, sống với ma ngay từ tấm bé, mong tìm kiếm bản thể trầm luân mình, như nhà triết học Hy Lạp Diogène thế kỷ thứ IV trước công nguyên đốt đèn đi tìm một người hư ảnh giữa ban ngày. “Điều tàn” tập thơ mê sảng nhất của văn học Việt Nam, biểu hiện thiên tài kỳ lạ Chế Lan Viên, là niềm sùng sốt, là cú sốc của mỹ học cái chết độc nhất vô nhị vậy.

Cách Mạng Tháng Tám vĩ đại 1945 đã cuốn mọi trào lưu tư tưởng, mọi trường phái văn chương vào đứng dưới bóng cờ đỏ sao vàng. Chế Lan Viên phải làm một lúc hai cuộc kháng chiến : chống Pháp và chống con ma Hời siêu hình từng ám hồn ông. Cuộc chia tay giữa Chế Lan Viên với con ma xó cô đơn thật quyết liệt, đốn đau, quằn quại, róm máu suốt 15 năm, bằng với số năm lưu lạc của Thúy Kiều. Tư tưởng nhà thơ đã đi về phía con người, về phía nhân dân, phía kháng chiến, nhưng tâm hồn ông còn bị ma Hời đeo bám, cứ thập thò như cua cáy giành giật những giấc mơ, những suy tưởng trong ông. Cuộc chiến đấu giữa chàng Faust-Chế Lan Viên với con quỷ siêu hình để giành lại quyền sở hữu linh hồn mình trong thi ca là cả một chặng đường thương khó. Cây thập tự tôn giáo đề lên đôi vai tinh thần nhà thơ nặng nề hơn một số phận, hết như nó là một phần cơ thể khổ đau ông phải mang theo trong tâm nín. Nhưng Con Người trong ông đã tuyên chiến, đã mở giao thông hào đánh lán, giành từng tấc đất tâm hồn lại từ phía lô cốt hư vô. Và cuối cùng, con ma siêu hình đã bỏ chạy, đã hoảng loạn thoát ra từ chính những vết thương tâm hồn nhà thơ. Cuộc giằng xé, vật lộn giữa ma hời với con người suốt 15 năm đã thai nghén, sinh nở ra thi phẩm “Ánh sáng phù sa” năm 1960 thật kỳ diệu, như thể sau khi bị đóng đinh trên cây rúc siêu hình, nhà thơ đã phục sinh. (Thi phẩm này của Chế Lan Viên vẫn còn khoảng bảy đến tám bài thơ chính trị dung tục thô thiển, ví như bài “Ngô tổng thống trong dinh thuốc độc” làm giảm giá trị tập thơ)

Vâng, “Ánh sáng và Phù sa” quả là một Chế Lan Viên khác hẳn với Chế Lan Viên “Điều tàn”, một thi pháp khác, một phong cách khác, một thể xác khác, một linh hồn khác, một ngôn ngữ khác, mỹ học khác, một khổ đau khổ và hạnh phúc khác. “Ánh sáng và phù sa” lập tức trở thành hiện tượng văn học kinh động thời ấy, một niềm sùng sốt thứ hai Chế Lan Viên mang lại cho thi đàn Việt Nam. Qua dần vật, chiêm nghiệm bản thân, với chút ảnh hưởng từ các nhà thơ Eluard, Aragon, Neruda, Ritsos, Hitmet..., Chế Lan Viên đã làm cho Thơ Mới mới thêm một lần nữa kể cả nội dung và hình thức, kể cả cảm thức sáng tạo và thi pháp. Nhà thơ nói rộng không

gian Thơ Mới từ tháp ngà nghệ thuật ra giữa vòm trời Nhân Dân, Tổ Quốc, cùng với thế hệ các nhà thơ chống Pháp, đưa thơ từ cặp mắt mỹ nhân, từ nỗi buồn son phấn, rong rêu xuống với đám đông, với bùn đất, với mồ hôi, nước mắt và máu xương cuộc đời thường: “Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ / Cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa / Như đưa trẻ thơ đói lòng gặp sữa / Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa” (Tiếng hát con tàu). Xưa nhà thơ trầm mình trong cái chết, trong hư vô sọ người, thì nay ông được tái sinh trong rờn rờn sự sống, trong thực tại nụ cười và nước mắt, trong sự hòa điệu với triệu người: “Tôi yêu quá cuộc đời như con đê / Như đêm xuân người vợ trẻ yêu chồng”...” Tâm hồn tôi khi Tổ Quốc soi vào / Thấy ngàn núi trăm sông diễm lệ” (Chim lượn trăm vòng). Nếu không có Cách Mạng Tháng Tám chắc Chế Lan Viên vẫn còn phải núp vào Chiêm Thành mà khóc than nỗi vong quốc xa xưa, vẫn còn tha thẩn ngoài bãi tha ma vong thân trên chính quê hương mình, sống trong vay mượn kể cả nỗi đau rơi máu chảy, vay mượn cả thân phận mất nước. Đến Tổ Quốc mình ông cũng không dám gọi tên lên, không dám thốt lên lời sông Hồng, sông Mã, không dám gọi Trường Sơn lên mà hùng vĩ hồn mình. Phải chăng đây chính là ý nghĩa cứu chuộc, ý nghĩa nhân văn cao cả nhất mà Cách Mạng Tháng Tám mang lại cho không chỉ Chế Lan Viên? Vì vậy, nhà thơ lúc nào cũng rung rưng nhớ ơn sự tái sinh của Cách Mạng, rơm rớm chạnh niềm đau cũ: “Thuở nước mắt nằm mơ còn thấy khóc / Nỗi đau đón đường cướp hết vàng ta” (Nỗi đau ngày cũ). Mỹ học “Ánh sáng phù sa” là mỹ học đón đau, mỹ học của hạt nảy mầm phải tự chết bản thể hạt đi để tái sinh một đời sống mầm, bản thể mầm thi tứ. Nhà thơ đã về lại sông Ngô siêu hình xưa để lấy lại vàng tâm hồn mình, lấy lại nước mắt hư vô xưa chợt hóa ngọc trai tư tưởng bây giờ: “Xưa ở sông Ngô ta đánh mất vàng / Đánh mất tâm hồn ta. Nhưng hiện tại / Như sông Tương đã trả vàng ta lại / Khấp đôi bờ tư tưởng chói hào quang” (Vàng của lòng tin). Từ “Ánh sáng phù sa”, Chế Lan Viên nhân lên hàng chục tập thơ kỳ vĩ khác mà nghệ thuật thi ca đã đạt tới mức toàn bích của sự kết hợp hài hòa giữa phù sa của cảm xúc và phù sa tâm hồn, ánh sáng của trí tuệ. Ông có công làm thi ca Việt Nam nồng cháy hơn, mê cuồng hơn, trí tuệ hơn, sang trọng và quý phái hơn. Quả thực, “Ánh sáng và phù sa” là niềm sùng sốt thứ hai, là đỉnh thứ hai Chế Lan Viên vậy.

Một con người 69 tuổi đã để lại hai lần trong đời mình hai sự kiện có tính chất cột mốc: “Điều tàn” năm 1937, “Ánh sáng và phù sa” năm 1960, hai lần làm sùng sốt thi đàn, trưng ra hai ông Chế Lan Viên khác nhau như nước với lửa, như hai đỉnh thi ca ngược nhau: một đỉnh âm siêu hình lộn ngược xuống đất và một đỉnh cao hiện thực vút lên trời, tưởng đến thế đã vĩ đại lắm, đã thiên tài lắm. Không dè, Chế Lan Viên sau khi chết đi vẫn còn làm kinh dị, làm sùng sốt nền thơ lần thứ ba, quá tam ba bận, bằng ba tập “Di cảo thơ I, II và III” khổng lồ ngoài sức tưởng tượng. Đỉnh thơ thứ ba hậu Chế Lan Viên này là đỉnh sâu, đỉnh lộn trái tâm hồn thi hào ra chiều thứ tư của không gian thơ: “Bất chước đào lộn hột / Vô tâm hồn lộn tuốt / Bớt bớt điều kiêng khem” (Lộn trái). Quá trình lộn trái sự vật, lộn trái tâm hồn và tư tưởng, có khi lộn trái cả sự lộn trái, phản biện cả sự phản biện không chỉ là phẩm chất của nhà tư tưởng, mà còn của chính nhà thơ. Hơn nữa, Chế Lan Viên lại là nhà triết học của thi ca, lấy thi ca để làm mềm mại và dịu dàng lại hòn đá tảng triết học, như quá trình tâm hồn hóa tư tưởng, cảm xúc hóa tư duy. Từ bỏ Ma thuở “Điều tàn” để đi theo Người nơi “Ánh sáng và phù sa”, cuối đời, nhất là trước lúc chết vài ba năm, Chế Lan Viên rút vào Viên Tĩnh Viên tạm xa lánh Người để tự theo Minh, để học theo phương pháp bất tử của loài rắn, thử lột xác tâm hồn mình, lột xác cả niềm tin và sự hoài nghi mà Marx cho là phẩm chất đẹp nhất của người trí thức, lột xác cả sự lột xác, Anti cả cái Anti. Trong bài “Tự tìm mình” viết năm 1997, nhà thơ vừa tìm Minh, vừa hoài nghi Minh: “Có một kẻ vô tình trong gió nó là ai kia / Có một kẻ hữu hình trong mùi hương, đây là anh, chẳng lẽ / Có một cái gì đâu đó / Anh tìm anh thử hỏi làm gì / Tìm phiên bản nào rồi anh cũng đốt đi”. Đúng là Chế Lan Viên “Cái gì... cũng tốt cùng”, tốt cùng Chết, tốt cùng Sống, tốt cùng chính trị, tốt cùng hư vô, tốt cùng đánh giặc, tốt cùng hoài nghi bản thân mình, như suốt đời ông mãi tìm chiều thứ tư của tồn-tại-tôi, chiều thứ tư của cá nhân – thời gian – tôi, như bài “...Và chiều thứ tư” ông viết năm 1997: “Cái individu anh có ba chiều không gian, một chiều nước chảy / Tất cả

những gì mất đi là mất đi trong chiều ấy / Đừng nghe, đừng nghe, đừng nhìn, đừng nhìn, đừng hỏi, đừng hỏi / Cái chiều hư huyền ấy / Nó mới thật là anh đấy: thời gian”.

Nền thơ Việt Nam tự hào vì có Chế Lan Viên, một mình mở rộng thơ ra tất cả các đề tài, từ sao trời đến con đom đóm, từ con người đến con ma, như quá trình lửa – phản Prométhée – trong bài “Prométhée” viết năm 1987: “...Phát minh ra tro phản lửa của mình .../ Phải có tro thì mới có ngày ngọn lửa hồi sinh / Có tro tàn vãi liệm / Phủ lên những gì đã cháy, những hoàng hôn vàgrave; c những bình minh”. Thảo nào, trước khi Chết, Chế Lan Viên di chúc lại hãy đốt xác ông thành tro bỏ vô chùa: “Tro bao giờ cũng tồn tại lâu hơn lửa / Lửa hoan lạc một giây, tro cay đắng một mùa / Anh thiêu tất cả quá khứ thành tro là thơ đấy / Và thiêu hồn anh sau này không là lửa, lại là tro” (Tro và lửa -1988). “Di cảo Thơ” chính là quá trình tro hóa ngọn lửa thi ca một đời thiêu cháy Chế Lan Viên.

Chế Lan Viên – thiên tài đầy mâu thuẫn: vừa là lửa vừa là nước, vừa mê Phật, vừa tôn sùng Chúa, vừa say Cách Mạng và rồi nghi ngờ Cách Mạng, coi Cách Mạng chính là một tai họa cho dân tộc, đất nước. Ông tự xẻ mình ra làm hai mảnh thực tại và siêu hình, vừa theo gót Dante đạt tới ba cõi: địa ngục, luyện tội, thiên đàng, vừa theo Goethe phiêu du tìm niềm vui cõi Người-thực-tại – Faust. Rốt ráo tinh thần “Di cảo thơ” chừng như giấu cả trong bài tứ tuyệt “Tháp Bayon bốn mặt” này đây: “Anh là tháp Bayon bốn mặt / Giấu đi ba còn lại đấy là anh / Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc / Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình”. Ba chặng đường thơ quá sức đồ sộ làm sững sốt thi đàn của Chế Lan Viên đi từ Ma qua Người đến Mình, rồi trước khi chết dường như ông lại lộn về đối thoại với Ma xưa, thương tiếc Ma xưa đã bị Người lừa đảo ? Phải chăng hành trình khổ đau sinh nở kia chỉ mới là gương mặt Thi Ca nhìn thấy của một Brahma-Sáng tạo Chế Lan Viên? Còn ba gương mặt Brahma siêu hình khác ông phải đau đớn chôn cất trong hồn, nén chúng vào bản thể như nén cà nén dưa, tự giấu hư vô mình đi mà tồn tại, giấu đi cả Siva hủy diệt và Vishnu bảo tồn; như giờ đây Chế Lan Viên hằng sống bằng cách tự giấu mình trong bình tro bé như bình mực của cái chết tại tháp chùa Vĩnh Nghiêm, đặt bất tử trên Niết Bàn Thi Ca. Thương thay Chế Lan Viên, chết rồi mới được đi tu, mới được vào chùa làm một Phật tử có tên là tro cốt. Hành trình tới cửa Phật của Chế quả là một hành trình kinh hãi : bỏ mác lê (đạo, giáo) xuống mà thành Phật được chăng ?

Bài đã đăng trên Văn nghệ Công an, ...2004

Phụ đính II

Ba bài thơ trong Di cảo

Trừ đi

Sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ
Có phải tôi viết đâu! Một nửa
Cái cần đưa vào thơ, tôi đã giết rồi
Giết một tiếng đau – giết một tiếng cười
Giết một kỷ niệm – giết một ước mơ – tôi giết
Cái cánh sắp bay – trước khi tôi viết
Tôi giết bão ngoài khơi cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời lên trên biển – Giết mưa
Và giết cả cỏ trong mưa luôn thể
Cho nên câu thơ tôi gầy còm như thế
Tôi viết bằng xương thôi, không có thịt của mình

Và thơ này rơi đến tay anh
Anh bảo đấy là tôi.
Không phải!
Nhưng cũng chính là tôi – Người có lỗi
Đã phải giết đi bao nhiêu cái
Có khi không có tội như mình

(Tạp chí Văn, Paris 1992)

Ai? Tôi!

Mậu Thân 2.000 người xuống đồng bằng
Chỉ một đêm, còn sống có 30
Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2.000 người đó?
Tôi!

Tôi - người viết những câu thơ cổ võ
Ca tụng người không tiếc mạng mình
trong mọi cuộc xung phong.
Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm
Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ

Quán treo huân chương đầy, mọi cỡ,
Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!
Ai chịu trách nhiệm vậy?
Lại chính là tôi!

Người lính cần một câu thơ giải đáp về đời,
Tôi ú ớ.
Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong
Mà tôi xấu hổ.
Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay
Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ
Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười!

(Rút trong sổ tay thơ tập 5 của tác giả)

Bánh vẽ

Chưa cần cầm lên nếm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối
Đêm vui
Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc...
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?
Rót cuộc anh lại ngồi vào bàn

Như không có gì xảy ra hết
Và những người khác thấy anh ngồi
Họ cũng ngồi thôi
Nhai nhồm nhào

(Prométhée 86, Văn học và Dư luận, 8-1991)

&&&

Tuyển tập 15 bài thơ hay nhất của Chế Lan Viên Phan Ngọc Hoan

Chế Lan Viên tên thật Phan Ngọc Hoan, sinh ngày 14/1/1920 ở Cam Lộ, Quảng Trị. Lên 7 tuổi, cả nhà chuyển vào Bình Định, bút danh Mai Lĩnh, Thạch Hãn, Thạch Mai. Năm 17 tuổi, nổi tiếng với tác phẩm *Điều tàn*. Năm 1939, Chế Lan Viên ra Hà Nội học, vào Sài Gòn làm báo, lại về Huế dạy học. Khoảng 1942, ra *Vàng sao*, viết tập truyện ngắn *Gai lửa*. Sau Cách mạng tháng 8, làm báo *Quyết thắng* của Việt Minh Trung Bộ... Năm 1949, Chế Lan Viên vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chế Lan Viên là một trong số không nhiều nhà thơ nổi tiếng nhất của phong trào Thơ mới 1930 – 1945 và sau 1945 ông vẫn được xem là một nhà thơ có vai trò mở đường và dẫn đường cho thơ ca cách mạng. Kỉ niệm 10 năm ngày mất của nhà thơ (1999), giới nghiên cứu văn học đã tổ chức hội thảo khoa học về Chế Lan Viên. Qua đó, một lần nữa Chế Lan Viên lại được khẳng định tài năng và sự nghiệp, được tôn vinh như một nhà thơ có tầm vóc lớn lao. Tôi không đọc nhiều thơ của Chế Lan Viên nhưng cực kỳ yêu thích và gần như thuộc lòng bài “tiếng hát con tàu” của ông: “Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở; Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn”. Đây là bài viết tổng hợp 15 bài thơ được coi là nổi bật nhất của ông, những bài thơ hay nhất của Chế Lan Viên, mời các bạn cùng xem và thưởng thức:

1, Tiếng hát con tàu

*Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hoá những con tàu
Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu
Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng?
Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô? Tàu đói những vành trăng
Đất nước menh mông, đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi?
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia
Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc
Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay rạt rào đã chín trái đầu xuân
Ơi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường*

Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại mẹ yêu thương
Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa
Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con
Con nhớ em con, thằng em liên lạc
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư
Con nhớ mẹ! Lửa hồng soi tóc bạc
Năm con đau, mẹ thức một mùa dài
Con với mẹ không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi
Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chi là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn!
Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương
Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vết xôi nuôi quân em giấu giữa rừng
Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn toả nhớ mùi hương
Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi?
Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ
Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội
Mắt ta thèm mái ngói đỏ trăm ga
Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng
Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào
Rẽ người mà đi, vịn tay mà đến
Mặt đất nồng nhựa nóng của cần lao
Nhựa nóng mười năm nhân dân máu đổ
Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ
Mười năm chiến tranh, vàng ta đau trong lửa
Nay trở về, ta lấy lại vàng ta
Lấy cả những cơn mơ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng?
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống
Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân

2, Người đi tìm hình của nước

Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác
Khi bờ bãi dần lui làng xóm khuất
Bốn phía nhìn không một bóng hàng tre
Đêm xa nước đầu tiên, ai nở ngủ
Sóng vỗ dưới thân tàu đâu phải sóng quê hương
Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở
Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương
Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp
Giấc mơ con đê nát cuộc đời con
Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp
Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn
Trăm cơn mơ không chống nổi một đêm dài
Ta lại mặc cho mưa tuôn và gió thổi
Lòng ta thành con rối
Cho cuộc đời giật dây
Quanh hồ Gươm không ai bàn chuyện vua Lê
Lòng ta đã thành rêu phong chuyện cũ
Hiểu sao hết những tấm lòng lãnh tụ
Tìm đường đi cho dân tộc theo đi
Hiểu sao hết “Người đi tìm hình của Nước”
Không phải hình một bài thơ đá tảng nên người
Một góc quê hương nửa đời quen thuộc
Hay một đấng vô hình sương khói xa xôi
Mà hình đất nước hoặc còn hoặc mất
Sắc vàng nghìn xưa, sắc đỏ tương lai
Thế đi đứng của toàn dân tộc
Một cách vin hoa cho hai mươi lăm triệu con người
Có nhớ chẳng hơi gió rét thành Ba Lê
Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân Đôn, người có nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya?
Đời bồi tàu lên đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi
Những đất tự do, những trời nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm đi
Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa
Ngày mai dân ta sẽ sống sao đây?
Sông Hồng chảy về đâu? Và lịch sử?
Bao giờ dải Trường Sơn bừng giấc ngủ
Cánh tay thần Phù Đổng sẽ vươn mây?
Rồi cờ sẽ ra sao? Tiếng hát sẽ ra sao?
Nụ cười sẽ ra sao?
Oï, độc lập!
Xanh biết mấy là trời xanh Tổ quốc
Khi tự do về chói ở trên đầu
Kìa mặt trời Nga bừng chói ở phương Đông
Cây cay đắng đã ra mùa quả ngọt

Người cày cấy đã chia phần hạnh phúc
Sao vàng bay theo liềm búa công nông
Luận cương đến Bác Hồ. Và Người đã khóc
Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lênin
Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp
Tường bên ngoài, đất nước đợi mong tin
Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc
“Cơm áo là đây! Hạnh phúc đây rồi!”
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười
Bác thấy:
dân ta bưng bát cơm mồ hôi nước mắt
Ruộng theo trâu về lại với người cày
Mỏ thiếc, hầm than, rừng vàng, bể bạc
Không còn người bỏ xác bên đường ray
Giặc nước đuổi xong rồi. Trời xanh thành tiếng hát
Điện theo trăng vào phòng ngủ công nhân
Những kẻ què mùa đã thành trí thức
Tăm tối cần lao nay hoá những anh hùng
Nước Việt Nam nghìn năm Đinh Lý Trần Lê
Thành nước Việt nhân dân trong mát suối
Mái rạ nghìn năm hồng thay sắc ngói
Những đời thường cũng có bóng hoa che
Ôi! Đường đến với Lênin là đường về Tổ quốc...
Tuyết Mat-xcơ-va sáng ấy lạnh trăm lần
Trong tuyết trắng như đọng nhiều nước mắt
Lênin mất rồi. Nhưng Bác chẳng dừng chân
Luận cương của Lênin theo Người về quê Việt
Biên giới còn xa. Nhưng Bác thấy đã đến rồi
Kìa, bóng Bác đang hôn lên hòn đất
Lắng nghe trong màu hồng, hình đất nước phôi thai

3, Con cò

I
Con còn bế trên tay
Con chưa biết con cò
Nhưng trong lời mẹ hát
Có cánh cò đang bay:
“Con cò bay la
Con cò bay lả
Con cò Cổng Phủ
Con cò Đồng Đăng...”
Cò một mình, cò phải kiếm lấy ăn
Con có mẹ, con chơi rồi lại ngủ
“Con cò ăn đêm
Con cò xa tổ
Cò gặp cành mềm
Cò sợ xáo măng...”
Ngủ yên, ngủ yên, cò ơi, chớ sợ

Cành có mềm, mẹ đã sẵn tay nâng
Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân
Con chưa biết con cò con vạc
Con chưa biết những cành mềm mẹ hát
Sữa mẹ nhiều, con ngủ chăng phân vân

II

Ngủ yên, ngủ yên, ngủ yên
Cho cò trắng đến làm quen
Cò đứng ở quanh nôi
Rồi cò vào trong tổ
Con ngủ yên thì cò cũng ngủ
Cánh của cò, hai đứa đắp chung đôi
Mai khôn lớn, con theo cò đi học
Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân
Lớn lên, lớn lên, lớn lên...
Con làm gì?
Con làm thi sĩ
Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ
Trước hiên nhà
Và trong hơi mát câu văn

III

Dù ở gần con
Dù ở xa con
Lên rừng xuống bể
Cò sẽ tìm con
Cò mãi yêu con
Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con
À ơi!
Một con cò thôi
Con cò mẹ hát
Cũng là cuộc đời
Vỗ cánh qua nôi
Ngủ đi, ngủ đi!
Cho cánh cò, cánh vạc
Cho cả sắc trời
Đến hát
Quanh nôi

4, Những sợi tơ lòng

Tôi không muốn đất trời xoay chuyển nữa
Với tháng ngày biến biệt đuổi nhau trôi
Xuân đừng về! Hè đừng gieo ánh lửa!
Thu thôi sang! Đông thôi lại náo lòng tôi!
Quả đất chuyển giây lòng tôi rung động
Nỗi sầu tư nhàn thấm cõi Hư Vô!

Tháng ngày qua, gạch Chàm đua nhau rụng
Tháp Chàm đua nhau đổ dưới trăng mờ!
Lửa hè đến! Nồi cặm hờn vang dậy!
Gió thu sang thấu lạnh cả hồn thơ!
Chiều đông tàn, như mai xuân lộng lẫy
Chỉ nói thêm sầu khổ với ưu tư!
Tạo hoá hỡi! Hãy trả tôi về Chiêm quốc!
Hãy đem tôi xa lánh cõi trần gian!
Muôn cảnh đời chỉ làm tôi chướng mắt!
Muôn vui tươi nhắc mãi về điều tàn!
Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh
Một vì sao trợ cuối trời xa!
Để nơi ấy tháng ngày tôi lẩn tránh
Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo!

5, Xuân

Tôi có chờ đâu, có đợi đâu
Đem chi xuân lại gọi thêm sầu?
– Với tôi, tất cả như vô nghĩa
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau!
Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng?
Với cửa hoa tươi, muôn cánh rã
Về đây, đem chấn nẻo xuân sang!
Ai biết hồn tôi say mộng ảo
Ý thu góp lại cảnh tình xuân?
Có một người nghèo không biết Tết
Mang li chiếc áo độ thu tàn!
Có đứa trẻ thơ không biết khóc
Vô tình bỗng nổi tiếng cười ran!
Chao ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ!
Một cánh chim thu lạc cuối ngàn

6, Cái vui bây giờ

Nắng đem chia mùa mới xuống trăm nhà
Đã tắt tiếng than cuộc đời gió thổi
Mẹ ru con bằng bài ca bộ đội
Đời quá vui nên áo vải cũng cài hoa

7, Cái sợ người

Này chiếc sợ người kia, mi hỡi!
Dưới làn xương mỏng mảnh của đầu mi
Mi nhớ gì, tưởng gì trong đêm tối?
Mi trông mong ao ước những điều chi?

Mi nhớ đến cảnh pháp trường ghê rợn
Sợ muôn người lần lượt đuổi nhau rơi?
Hay mi nhớ những đêm mờ rùng rợn
Hồn mi bay trong đóm lửa ma trời?
Có tìm chàng, những chiều không tiếng gió
Của người mi thi thể rửa tan rồi?
Có tưởng lại mảnh hồn mi đau khổ
Đang lạc loài trong Cõi Chết xa xôi?
Hỡi chiếc sọ, ta vô cùng rò dại
Muốn riết mi trong sức mạnh tay ta!
Để những giọt máu đào còn đọng lại
Theo hồn ta, tuôn chảy những lời thơ
Ta muốn cắn mi ra từng mảnh nhỏ!
Muốn điên cuồng nuốt cả khối xương khô!
Để ném lại cả một thời xưa cũ
Cả một dòng năm tháng đã trôi xa!

8, Tình ca ban mai

Em đi, như chiều đi
Gọi chim vườn bay hết
Em về, tựa mai về
Rừng non xanh lộc biếc
Em ở, trời trưa ở
Nắng sáng màu xanh che
Tình em như sao khuya
Rải hạt vàng chi chít
Sợ gì chim bay đi
Mang bóng chiều bay hết
Tình ta như lộc biếc
Gọi ban mai lại về
Dù nắng trưa không ở
Ta vẫn còn sao khuya
Hạnh phúc trên đầu ta
Mọc sao vàng chi chít
Mai, hoa em lại về...

9, Vòng cườm trên cổ chim cu

Con cu cườm vẫn đeo vòng cườm muôn thuở
Triệu tấn bom không thể nào làm vỡ
Một hạt cườm trên cổ chim tơ
Mùa xuân thật bất ngờ
Tiếng chim sau pháo cụm pháo bày cấp tập
Rừng cháy đen vẫn cảnh ra lộc
Chỗ cành xanh là chỗ chim gù.
Hồn đất nước băng khuâng theo tiếng chim dân dã
Như chữa nghe bao giờ. Mà như đã
Nghe rồi. Tự đâu thời xa xưa xa xưa

Tự sông Thương đôi dòng, Vọng phu hoá đá
Tiếng chim như tự buổi bình Ngô, tự thuở Hai Bà
Tiếng chim như tình ái, như thơ
Ở xứ nghìn năm chiến tranh, vạn ngày trận mạc
Để yên lòng người thì con chim hát
Cho kẻ ra đi, cho kẻ đợi chờ
Bom đạn ngát trời thì đã sao đâu?
Trăm hạt cườm trên cổ chim không thiếu hạt cườm nào.
Chim cu gáy sự vật tuần hoàn theo quy luật,
Chim cu gáy thì xanh rờn cỏ mọc
Đỏ trái chín cành cao cành thấp
Thì anh lại yêu em như buổi ban đầu.
Ngày tháng trận trở về vẫn chim cu ấy gáy
Vòng cườm qua nghìn cơn lửa cháy
Tiếng gáy tưởng chừng như đã, như chưa
Như của năm nào, như của bây giờ.

1/1974

10, Đêm tàn

Ta cùng Nàng nhìn nhau không tiếng nói
Sợ lời than lay đổ cả đêm sâu
Đôi hơi thở tìm nhau trong bóng tối
Đôi linh hồn chìm đắm bể U Sầu
“- Chiêm nương ơi, cười lên đi, em hỡi!
Cho lòng anh quên một phút buồn lo!
Nhìn chi em chân trời xa vợi vợi
Nhớ chi em sầu hận nước Chàm ta?
Này, em trông một vì sao đang rụng
Hãy nghiêng mình mà tránh đi, nghe em!
Chắc có lẽ linh hồn ta lay động
Khi vôi vàng trở lại nước non Chiêm”
Lời chưa dứt, bóng đêm đã vụt biến!
Tình chưa nồng, đã sắp phải phôi pha!
Trên trần gian vàng ô kia đã đến
Gỡ hồn Nàng ra khỏi mảnh hồn ta!

11, Đêm xuân sâu

Trời xuân vắng. Cỏ cây rên xào xạc
Bóng đêm luôn hoang hốt mãi không thôi
Gió xuân lạnh, ngàn sâu thoi ca hát
Trăng xuân sâu, sao héo, cũng thoi cười
Trên đồi lạnh, tháp Chàm sao ủ rũ
Hay hận xưa muôn thuở vẫn chưa nguôi?
Hay lãnh đạm, Hời không về tháp cũ
Hay xuân sang. Chiêm nữ chẳng vui cười?

Bên tháp vắng, còn người thi si hỡi
Sao không lên tiếng hát đi, người ơi?
Mà buồn bã, âu sầu trong đêm tối
Người vẫn nằm há miệng đớp sao rơi?

12, Điệu nhạc điên cuồng

Hầu ran nóng, lửa hồng bùng cháy mắt
Máu hồng tươi lay vỡ cả thành tim
Đâu điệu nhạc điên cuồng ta khao khát
Chẳng vang lên tràn ngập tuổi trăng êm?
Đem mau đây, chiếc sọ dừa ứ huyết
Chiếc xương khô rợn trắng khí tinh anh!
Và rót mau trong hồn ta tê liệt
Những nguồn mơ rò dại, hỡi yêu tinh!
Ta sẽ nhịp khớp xương lên đỉnh sọ
Ta sẽ ca những giọng của Hồn Điên
Để máu cạn, hồn tàn, tim tan vỡ
Để trôi đi ngày tháng nặng ưu phiền!
Để hưởng lấy một giờ không tục lụy
Để uống vào một phút chết say sưa!
– Nhạc trần gian khôn vui hồn quạnh quẽ
Rượu trần gian gây nhớ vết thương xưa

13, Mồ không

Và xương khô, và sọ dừa, và thịt nát
Và hơi âm rờn rợn của yêu tinh
Loài người đã mang đi qua mộ khác
Để lòng ta trống trải khí thiêng linh
Thôi vắng bật từ nay bao giây phút
Mà tiếng cười ghê rợn dậy vang mờ!
Mà hơi khóc rung dài giây gió lướt
Mà thời gian náo động cõi Hư Vô!
Hồn ma ơi! Hồn ma ơi! có nhớ
Nơi mi hằng chôn gửi hận Trần Gian?
Nơi đã khô của mi bao máu đỏ
Bao tủy nồng, nào trắng với xương tàn?
Mi có biết rồi đây trong những buổi
Mà sao sa rung chuyển đáy mồ không
Mà nắng chéch huyết sâu um cỏ dại
Ta buồn thương, nhớ tiếc, với trông mong?
Hồn ma ơi! Trong những đêm u tối
Mi tung mây về chân trời vùi vợi
Hãy mau nghiêng cánh lại ở bên mồ
Phủ lòng ta say đắm chút hương mơ!
Lời của mồ không:
Ở đâu rồi, người nhớ mong yêu tưởng
Mà phách hồn vừa ôm ấp trong tay?

Quá xa xôi phút giây chan chứa mộng!
Vỡ tan rồi! cốc rượu ứa hơi say!
Nàng hỡi Nàng! trên tay ta là mộ trống
Trong lòng ta là huyết bỏ, vời trong hồn
Là mồ không lạnh lũng sương giá đọng
Toàn khổ đau, sầu não vời lo buồn!
Hãy cho ta lúc vui trên tay khác
Một chút Thương an ủi tấm lòng đau
Như hồn ma, trong khi về mộ khác
Còn đôi hồi dừng cánh viếng mồ sâu

14, Hoa đào nở sớm

Rặng đào trước ngõ em qua
Sáng nay bỗng ướm cành hoa vào mùa
Đây vườn lộc biếc cây tơ
Năm đi chưa hết, đã ngò xuân đầu
Bỗng dưng một đóa hoa đầu
Nghe như đất lạ năm nào gặp em
Phải rằng xê xích thời gian
Vàng dưng bên ấy mọc sang bên này?
Nắng hoe. Bướm trở mình bay
Cánh non nở vội kịp ngày chào hoa

Lòng anh từ độ em qua
Hoa bay bướm dạo, cùng ta vào đời

15, Ngủ trong sao

Ta để xiêm lên mây, rồi nhẹ bước
Xuống dòng Ngân loà chói ánh hào quang
Sao tán loạn đua bơi trên mặt nước
Tiếng lao xao dội thấu đến cung Hằng
Rồi trần trỗng, ta nằm trên điện ngọc
Hai tay cuồng vơ nít áo muôn tiên
Đầu gối lên hàng Thất tinh vừa mọc
Hồn giạt trôi về đến nước non Chiêm
Ta gặp Nàng trên một vì sao nhỏ
Ta hôn Nàng trong bóng núi mây cao
Ta ôm Nàng trong những nguồn trăng đỏ
Ta ghi Nàng trong những suối trăng xao
Nàng không nói, không cười, không than thở
Theo ta về sao Đẩu ở chân trời
Trên má ta lệ Nàng đâu bỗng nhỏ
Ôm má ta, Nàng sẽ bảo đôi lời
Nhưng mà trăng! nhưng mà sao! nhưng mà gió!
Ồ ào lên, tán loạn chạy quanh ta
Phút hỗn độn qua rồi. Trời! Đau khổ!
Bóng Chiêm nương dần khuất dưới sương sa

Đêm hôm nay ngồi đây trên bờ bể
Ta lặng đếm thử bao nhiêu thế kỷ
Đã trôi trong một phút vội vàng qua
Ta lắng nghe những thế giới bao la
Tụ họp lại trong lòng muôn hạt cát
Dòng tư tưởng lần trôi trong Lầm Lạc
Hồn say sưa vào khắp cõi Trời Mơ
Ai kêu ta trong cùng thẳm Hư Vô?
Ai réo gọi trong muôn sao, chơi vơi?
Nàng, nàng, nàng, thôi chính nàng đương mong đợi